N° 42 Décembre 1920

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

VĂN - MINH LUẬN

Văn-minh là đối với dã-man. Chữ « văn-minh » là một chữ mới. Tuy trong kinh *Dịch* đã có câu 天下文明, nhưng dùng theo nghĩa mới để dịch chữ tây *civilisation* thời mới bắt-đầu tự người Nhật-bản. Người Nhật dùng trước (đọc là *bunmei*), người Tàu theo sau, rồi người ta bắt-chước, ngày nay thành một chữ rất thông-dụng. Vậy thời chữ này nhập-tịch tiếng ta, chẳng qua hai mươi năm ngoại mà thôi.

Chính chữ *civilisation* ở tiếng Pháp cũng không phải thông-dụng đã lâu. Tra trong tự-điển của hội Hàn-lâm nước Pháp, mới thấy có chữ ấy tự năm 1835. Tới nay, tuy đã là một chữ thường lắm rồi, mà vẫn chưa có định-nghĩa hẳn. Muốn giải-thích cho rõ-ràng, thật cũng không phải dễ. Như trong tự-điển của ông Littré thời giải nghĩa văn-minh như thế này : « Văn-minh là gồm những ý-kiến cùng tập-tục, do các kỹ-nghệ, tôn-giáo, mỹ-thuật, khoa-học, hành-động lẫn nhau mà thành ra. » (*La civilisation est l'ensemble des opinions et des mœurs qui résultent de l'action réciproque des arts industriels, de la religion, des beaux-arts et des sciences*). Ông Guizot trong sách « Bàn về lịch-sử văn-minh Âu-châu » (1), thời phân-tách văn-minh ra từng nguyên-chất, rồi xét mỗi trình-độ xã-hội gồm được những nguyên-chất gì, và vì cớ sao chưa thể gọi được là hoàn-toàn văn-minh ; nhưng ông cũng không giải rõ nghĩa văn-minh là gì. Nay cứ lấy cái ý-nghĩa phổ-thông mà giải thời có thể nói rằng: văn-minh là gồm những nguyên-chất đã gây thành ra xã-hội có trật-tự, và khiến cho người ta thắng-đoạt được vạn-vật, làm chủ được địa-cầu.

Các nguyên-chất ấy tổ-chức thế nào mà gây-dựng ra xã-hội, cùng vận-động làm sao mà chinh-phục được thế-giới, đây không thể xét cho tường được. Chỉ xin khái-luận về sự văn-minh khai-hóa thế nào, và trong cuộc sinh-hoạt của một dân-tộc phần gì là phần giúp cho văn-minh được tiến-bộ, nghĩa là lấy văn-minh làm một hiện-tượng mà xét xem hiện-tượng ấy sinh-thành tiến-hóa ra làm sao vậy.

Như vậy thời lịch-sử văn-minh tức là lịch-sử sự tiến-hóa chung của nhân-loại, đối với lịch-sử chính-trị cũ, chỉ là lịch-sử những chính-sự của các bậc vua chúa mà thôi. Học-thuyết mới về lịch-sử ấy phát-minh tự thế-kỷ thứ 18; thế-kỷ ấy có những danh-nho như ông Montesquieu, Voltaire, Gibbon, Herder (2) dẻ-xướng lên, rồi đến thế-kỷ thứ 19 thời có bọn ông Klemm,

(1) Đã dịch trong bản-chí, số 21, trang 169-184.

(2) Montesquieu (tàu dịch là Mạnh-đức-tư-cưu), người Pháp (1689-1755), là một nhà pháp-chính-học có tiếng, làm bộ sách « Vạn-pháp tinh-lý » (*L'Esprit des Lois*), đã có dịch ra hán-văn. — Voltaire (tàu dịch là Phúc-lộc-đặc-nhĩ), người Pháp (1694-1778), là một tay đại văn-hào về thế-kỷ thứ 18. — Gibbon, người Anh (1737-1796), là một nhà sử-học, làm sách «La-mã-đế-quốc suy-vong sử» (*Histoire de la décadence et de la chute de l'Empire Romain*). — Herder, người Đức (1744-1803), là một nhà triết-học làm sách «Nhân-loại lịch-sử triết-lý luận» (*Philosophie de l'histoire de l'humanité*).

Buckle [1] và các nhà bác-học thuộc về phái ông Darwin [2], cũng chủ-trương một thuyết ấy.

Đại-khái thời các nhà học-giả công-nhận rằng người ta do dã-man (*sauvagerie*) mà dần-dần đến bán-khai (*barbarie*), do bán-khai mà dần-dần lên văn-minh (*civilisation*), đó gọi là « tiến-hóa-thuyết » hay là « tiến-bộ-thuyết » (*doctrine du progrès*); nhà sử-học nước Anh Gibbon là một người chủ-trì thuyết này trước nhất. Đối với thuyết này, có người lại xướng ra thuyết « thoái-hóa » (*théorie de la dégénérescence*); như ông Joseph de Maistre [3] nói rằng các dân-tộc tới bậc bán-khai thời chia nhau ra mà theo hai đường khác, dân này thời cứ tiến mãi lên cho tới cõi văn-hóa càng ngày càng cao, dân kia thời cứ thoái mãi đi mà trở về chốn dã-man đời trước. Cứ thực, thuyết sau ấy không có căn-cứ gì; chưa từng thấy một dân-tộc nào đã khai-hóa rồi mà lại quay về dã-man bao giờ. Gọi là « thoái-hóa » ấy, chẳng qua là đến khi đã văn-minh rồi, còn sót lại ít nhiều những tục xấu đời trước, chưa biến hết mà thôi; thế gọi là « di-tồn » (*survivance*), chớ không phải là « thoái-hóa ». Lại một dân trình-độ văn-minh đã cao cũng có khi bị dân khác văn-minh còn kém biến-hóa đi. Đến như mấy rợ thật dã-man, mà thời-hồ còn nhận thấy như có ít nhiều di-tích văn-minh đời trước, thời những di-tích ấy có lẽ là tự giống khác di-truyền sang vậy. Ngày nay, nhờ có các nhà khảo-cổ cứu xét về những thời-đại trước khi có lịch-sử, thời biết rõ tình-trạng loài người ta về đời thượng-cổ thế nào, và thấy ở đâu đời dùng đá (*âge de la pierre*) cũng là trước đời dùng sắt dùng đồng (*âge du métal*) cả. Sau nữa, một dân-tộc nào đã tới một trình-độ văn-minh cao, thời về đường vật-chất đã có phát-minh được ít nhiều, tiến-bộ được ít nhiều, không có lẽ nhất-đán tiêu-diệt đi hết cả, không còn dấu-vết gì trong cách ăn-ở hằng ngày vậy.

Muốn nghiên-cứu về lịch-sử văn-minh thời vấn-đề thứ nhất phải giải-quyết là vấn-đề này: công-việc của người ta cùng các xã-hội có phép-tắc nhất-định không, hay là do sự ngẫu-nhiên mà ra (tự-nhiệm-thuyết = *doctrine du libre arbitre*), hay là do một cái sức ở ngoài thế-gian can-thiệp vào (thiên-định-thuyết = *doctrine de la prédestination*)? Hai thuyết tự-nhiệm và thuyết thiên-định ấy phản-đối nhau, nhưng thịnh-hành lắm. Nói rằng mọi việc ở đời là do sự ngẫu-nhiên hay là do Trời định sẵn, thời đối với những người trí-thức tầm-thường

---

(1) Buckle, người Anh (1821-1862), là một nhà sử-học, làm sách «Anh-quốc văn-minh sử» (*Histoire de la civilisation en Angleterre*).

(2) Darwin (tàu dịch là Đạt-nhĩ-văn), người Anh (1809-1882), là một nhà bác-học trước-danh, làm sách «Nói về duyên-do các giống vật bởi cách đào-thải tự-nhiên» (*De l'origine des espèces par voie de sélection naturelle*), người Tàu đã dịch ra hán-văn, đề là « Chủng-nguyên » (種源). Theo sách ấy thời các giống sinh-vật trong thế-gian là giống nọ nhân giống kia biến-hóa mà thành ra, giống nào mạnh thời còn, giống nào yếu thời mất; đó tức là cái thuyết « sinh-tồn cạnh-tranh », nhất-danh là « biến-hóa thuyết » vậy. Người Tây nhân tên ông gọi học-thuyết của ông là *Darwinisme* (Đạt-nhĩ-văn-thuyết).

(3) Joseph de Maistre (1753-1821), người Pháp, là một nhà triết-học và tôn-giáo, phản-đối cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp, và cố duy-trì những chế-độ quân-chủ cũ. Làm sách « Giáo-hoàng-luận » (*Le Pape*) và « Thánh-Bi-đắc-thành gia-đàm » (*Les Soirées de Saint-Pétersbourg*).

cũng là một cách giải-nghĩa giản-tiện về muôn sự bí-hiểm trong thế-gian. Nhưng cứ phương-diện khoa-học, thời ngày nay người ta cho hai thuyết ấy là sai-lầm cả, thuyết tự-nhiệm thời thuộc về thuần-lý, thuyết thiên-định thời thuộc về thần-bí, hai thuyết đều không có căn-cứ ở sự thực vậy. Vả cứ nghiệm ngay khi làm một việc gì, bao giờ cũng là bởi một duyên-cớ gì, duyên-cớ ấy cũng lại bởi những nguyên-nhân trước nữa, có nhận mới biết, càng xét càng ra. Vậy thời nếu biết rõ được các nguyên-nhân về trước, tất dự-liệu được những kết-quả về sau. Nhân đó có thể kết-luận rằng phàm công-việc người ta đều có nguyên-nhân cả, hễ nguyên-nhân đã giống, thời kết-quả cũng phải giống. Nguyên-nhân muôn việc của người ta thời hoặc ở trong tinh-thần, hoặc ở ngoài vũ-trụ, vậy thời kết-quả khác nhau thế nào, mọi sự biến-thiên canh-cải, văn-minh khi tiến khi lui, đều là do hai sự hành-động mà ra, một là ngoại-giới hành-động vào tinh-thần, hai là tinh-thần hành-động ra ngoại-giới. Như thế thời một bên là tài-trí người ta theo phép-tắc tự-nhiên mà phát-siển ra, một bên là thế-giới ở ngoài cũng theo phép-tắc tự-nhiên mà suy-diễn ra, và hai bên tiếp-xúc lẫn nhau vậy. Người ta biến-cải thế-gian, thế-gian cũng biến-cải người ta; bởi sự hành-động lẫn nhau ấy mà sinh ra mọi việc ở đời. Nay muốn xét văn-minh tiến-hóa thế nào, trước phải tìm những phép-tắc của sự hành-động ấy thế nào.

Theo nhà sử-học nước Anh là ông Buckle, thời những động-lực ở ngoại-giới mà có ảnh-hưởng đến sự tổ-chức chung các xã-hội, là: thứ nhất khí-hậu, thứ nhì sự ăn-uống, thứ ba thổ-địa, thứ tư cảnh-tượng chung trong thế-gian. Khí-hậu, thổ-địa, đồ ăn-uống trong một xứ, ba mối ấy vốn có mật-thiết-quan-hệ với nhau, ta nên xét gồm làm một. Một việc quan-trọng nhất trong sự tiến-hóa của một xã-hội nào, là sự trữ-tích của-cải. Nếu mỗi người chỉ làm để đủ ăn và làm được bao nhiêu ăn vừa hết bấy nhiêu, thời trong xã-hội không thể nào có kẻ học-hành, người tổ-chức được việc gì cả. Nhưng nếu làm ra mà ăn-dùng còn thừa, thời tức-khắc thấy ngoài bọn lao-động nhóm lên một bọn trí-thức, chuyên-công luyện-tập các khoa-học, khoa-học tấn-tới tức là văn-minh tiến-bộ, như sau này sẽ giải tường vậy. Nay sự trữ-tích của-cải là bởi cái sức mạnh lao-động của người ta cùng cái thành-công của sự lao-động ấy, và cũng bởi tạo-vật hậu-đãi hay bạc-đãi người ta nữa. Hai nguyên-nhân ấy thời nguyên-nhân thứ nhất là thuộc về khí-hậu (như khí-hậu nồng-nàn quá thời sức hoạt-động của người ta phải kém đi); nguyên-nhân thứ nhì là thuộc về thổ-địa tốt hay là xấu. Cứ xét qua lịch-sử vạn-quốc thời biết rằng cổ-lai chưa từng thấy dân nào không có khí-hậu tốt hay thổ-địa tốt mà tự mình khai-hóa văn-minh được. Như ở Á-châu, cái khu-vực của văn-minh chẳng qua là một giải đồng-bằng chạy dài tự phía đông-nam nước Tàu cho đến đất Tiểu-Á-tế-á (*Asie mineure*): về phía Bắc những xứ ấy thời là những đất bất-mao, chỉ có những rợ Mông-cổ (*Mongols*), Thát-đát (*Tartares*) ở; các rợ này trước khi vào xâm-chiếm mà làm vua trong trung-hạ mấy nước Tàu, Ba-tư (*Perse*), Ấn-độ (*Inde*) thời hãy còn dã-man lắm. Đến khi đã vào ở trung-châu rồi thời bấy giờ mới bắt đầu khai-hóa dần ra, trở thành những dân-tộc văn-minh, như gây-dựng chính-thể, lập thành quốc-văn, v. v. Thuộc về dân Á-rập, (*Arabes*) cũng từng thấy như vậy: vốn nơi sinh-trưởng của dân ấy là chỗ đất nghèo-nàn, không cấy-cấy gì được, chỉ chuyên nghề mục-súc,

nên trước vẫn là rợ du-mục, chưa có chút văn-minh gì ; tự khi vào xâm-chiếm nước Ba-tư (thế-kỷ thứ 7), nước Tây-ban-nha (*Espagne*, thế-kỷ thứ 8), nước (*Lahore*) (ở Ấn-độ, thế-kỷ thứ 9), thời bấy giờ mới trử-tích được của-cải nhiều và mở-mang được ra nhiều các nghệ-thuật văn-minh. Lại như nước Ai-cập (*Egypte*), văn-minh xưa rực-rỡ biết bao, nhưng chỉ khu trong một giải đất ở hai bên bờ sông Ni-la (*Nil*) mà thôi. Coi đó thời biết rằng về thời-đại xưa, thổ-địa tốt là cái nguyên-động-lực thứ nhất của sự văn-minh. Nhưng ở về các nước Âu-Tây thời nguyên-động-lực ấy lại là khí-hậu. Ở Âu-châu khí-hậu ôn-hòa, tiện-lợi cho sự lao-động, người ta dễ phát-siển cái nghị-lực của mình mà làm được những sự-nghiệp to. Bởi thế nên trong trình-độ văn-minh tiến-hóa, bước trước là thuộc về những dân-tộc sinh-trưởng ở mấy nơi đất tốt ở Á-châu và Phi-châu ; nhưng văn-minh Âu-châu là bởi nghị-lực người ta, không bởi tạo-vật hậu-đãi, nên vừa được lâu-bền hơn mà lại vừa tấn-tới được hơn, vì rằng tài-lực của tạo-vật tuy to lớn thật mà không phải là vô-cùng, chớ như tài-trí của loài người thời phát-đạt không biết đến đâu là giới-hạn. Như vậy thời rõ rằng khí-hậu ôn-hòa giục người ta phải xuất-lực mới có đủ dùng, còn lợi cho sự văn-minh tiến-hóa hơn là thổ-địa phì-nhiêu khiến người ta không khó-nhọc mà được sung-túc.

Một điều quan-trọng nữa cho cuộc văn-minh tiến-hóa là sự phân-phát của-cải trong các hạng người trong xã-hội, ít ra cũng là trong một thời-kỳ đầu, hồi xã-hội mới thành-lập. Xét ra sự phân-phát này cũng như sự trử-tích kia, cũng là bởi những phép-tắc thiên-nhiên thuộc về ngoại-giới cả. Cứ đại-đề mà xét thời sự phân-phát của-cải là ở trong hai hạng người : một hạng ra tay lao-động, một hạng mưu-tính chủ-trương, hạng nào cũng có phần lợi ở đó, phần lợi của hạng người lao-động thời gọi là « công » (*le salaire*), phần lợi của hạng người chủ-trương thời gọi là « lời » (*profit*). Lệ thường hễ số người lao-động nhiều thời giá tiền công hạ. Trong một xứ đồ ăn nhiều và rẻ, thời dân-số tăng lên mau hơn là những xứ đồ ăn ít và đắt, và giá tiền công của người làm nhân đó mà sút đi. Ở những xứ khí-hậu nóng thời người ta chỉ cần đến ít đồ-ăn cũng đủ giữ được nhiệt-độ trong người, và thường hay ăn các thức cây-rau, vừa nhiều, vừa dễ kiếm. Đến như những xứ lạnh thời phải ăn nhiều mới đủ giữ được nhiệt-độ, và thường phải ăn những vật có nhiều thán-chất (*carbone*), nhiều mỡ, nhiều dầu, là những vật ít có và khó kiếm. Suy đó thời biết rằng dân-số các xứ nóng tăng lên mau hơn là các xứ lạnh, và giá tiền công người làm ở các xứ nóng có ý càng ngày càng sút đi mà ở các xứ lạnh thời lại càng ngày càng tăng lên. Kết-quả sự đó rất là quan-trọng : ở Á-châu, Phi-châu, Mĩ-châu, văn-minh phát-đạt sớm ở các xứ nóng ; xét ra giá tiền công người làm rất hạ, tình-cảnh kẻ lao-động thật là khổ-sở ; ở Âu-châu thời văn-minh mới nhóm lên là ở xứ lạnh, xem ra giá tiền công người làm thường-thường là cao, sự phân-phát của-cải trong xã-hội không đến nỗi chênh nhau lắm. Bởi thế nên ở Ấn-độ, Ai-cập, Mạc-tây-kha (*Mexique*), của-cải phân-phát đã không đều, chính-quyền phân-nhiệm cũng không cân. Như ở Ấn-độ kẻ làm công chỉ được đủ gạo ăn, mà gạo trong ngũ-cốc là thứ nhiều hơn nhất, rẻ hơn nhất, nghề trồng gạo một vốn sáu-mươi lãi, thành ra đồ ăn nhiều quá và rẻ quá, khiến cho về thời-đại nào trong xã-hội

cũng thấy chia ra hai hạng, hạng thượng-lưu thời cực-kỳ giầu-có quyền-thế, hạng hạ-lưu thời cực-kỳ khốn-khó yếu-hèn. Ai-cập cũng vậy, thổ-địa thật tốt và khí-hậu thật nóng: người Ấn-độ dùng gạo làm gốc đồ-ăn thời người Ai-cập dùng một thứ quả có nhiều chất bổ, gọi là quả chà-là (*dattes*), phía bắc Phi-châu sản nhiều lắm. Thành ra thổ-địa càng tốt thời của-cải càng nhiều, đồ-ăn càng lắm, dân-số càng đông, mà các hạng người trong xã-hội lại càng cách-xa nhau lắm. Những đền-đài lăng-tẩm to-lớn dữ-dội, ngày nay còn trông thấy di-tích ở đất Ai-cập, tức là đủ làm minh-chứng vậy. Vì là tay những người có tư-cách tự-do, được tiền công xứng-đáng, xây-dựng ra, thời không của nào đủ làm được những công-trình vĩ-đại như thế; nhưng các bọn thượng-lưu nước Ai-cập đời bấy giờ lãng-phí sinh-mệnh kẻ lao-động một cách rất dữ quá; coi như đào một con sông vận-hà ra bể Hồng-hải mà chết mười-hai-vạn người Ai-cập thời biết vậy. Thuộc về mấy xứ *Pérou* và *Mexique* (Mạc-tây-kha) là những nơi ở Mĩ-châu đã hơi có chút văn-minh trước khi người Âu-châu đến, tình-trạng trong xã-hội đại-khái cũng như thế: mấy xứ đó sản lúa bắp cũng nhiều như Ấn-độ sản gạo, Ai-cập sản chà-là vậy.

Ấy đại-khái khí-hậu, thổ-địa và đồ-ăn ảnh-hưởng về sự văn-minh tiến-hóa của các dân-tộc như vậy.

Bấy nhiêu mối là thuộc về vật-lý và ảnh-hưởng về phần vật-chất, tức là sự trữ-tích và sự phân-phát các của-cải. Nay ta xét đến hình-tượng chung trong thế-gian, thời xem ra cũng có ảnh-hưởng về phần tinh-thần, tức là sự phát-khởi và sự truyền-bá các tư-tưởng, chẳng kém gì trên. Ở những xứ nóng thời các sức mạnh vô-địch của tạo-vật thường kích-thích trí tưởng-tượng của người ta mà làm đốn-tỏa mất trí khôn-ngoan, khiến cho người ta so-sánh mà biết thân mình đứng trong vũ-trụ hèn-yếu là dường nào. Đến như những xứ khí-hậu ôn-hòa thời những hình-tượng trong thế-gian không lấy gì làm to-tát cho lắm, người ta biết tin-cậy ở tài-lực, ở trí-khôn mình, ra công nghiên-cứu các hiện-tượng trước mắt, dần-dần thắng-đoạt được những sức mạnh thiên-nhiên của tạo-vật và lợi-dụng để làm nên công-việc cho mình. Những hình-tượng dữ-dội trong thế-gian thời kích-động trí tưởng-tượng, sinh ra lòng mê-tín, và làm thoái chí học-vấn: cứ xét lịch-sử các văn-minh ở về xứ nóng, thật cũng đủ chứng-nghiệm. Trong các văn-minh ở ngoài Âu-châu thời những hình-tượng trong thế-gian càng tăng trí tưởng-tượng lên bao nhiêu lại càng yếm trí khôn-ngoan đi bấy nhiêu. Ở Âu-châu thời thật là khác hẳn: xét các hiện-tượng thiên-nhiên hình như lại có ý muốn hạn-chế trí tưởng-tượng mà phát-đạt trí suy-nghĩ. Muốn chứng-minh điều đó, không gì bằng so-sánh các truyện thần-tiên của Ấn-độ với truyện thần-tiên của Hi-lạp (*Grèce*), một bên thời những thần quái-quái kỳ-kỳ, kinh-kinh hãi-hãi, thần với người cách xa nhau như trời với đất, một bên thời những thần tinh-tinh diện-mạo chẳng khác gì người, người với thần thân-cận nhau như cùng loài cùng giống. Những sự nguy-hiểm của các văn-minh xứ nóng dễ sinh ra cái quan-niệm vô-cùng (*idée de l'infini*); sự yên-ổn của văn-minh Âu-châu thời lại sinh ra cái quan-niệm hữu-hạn (*idée du fini*) [1].

---

[1] Quan-niệm về sự vô-cùng là mơ-màng tưởng-vọng những sự xa-xôi quá, không thiết-thực đến việc đời; quan-niệm về sự hữu-hạn là chủ-ý về những sự thiết-cận cho đời người.

Ở Âu-châu thời cái khuynh-hướng chung của người ta là lấy sức người mà thắng-đoạt tạo-vật ; ngoài Âu-châu thời cái khuynh-hướng chung lại là đem mình mà phục-tòng tạo-vật. Bởi thế nên muốn nghiên-cứu các văn-minh ngoài Âu-châu thời đại-để phải xét ngoại-giới ảnh-hưởng vào người ta thế nào ; muốn nghiên-cứu các văn-minh ở Âu-châu thời cốt nhất là phải xét người ta trước. Âu-châu sở-dĩ được khai-hóa hơn các châu khác là thứ nhất bởi tài-trí người ta xâm-lấn được cả các sức mạnh của các giống hữu-sinh vô-sinh trong thế-gian. Muốn biểu rõ lẽ đó, không thiếu gì minh-chứng : tỉ như ở Á-châu, thương-nghiệp phát-đạt là nhờ có các đường sông tiện-lợi, các cửa bể giao-thông ; ở Âu-châu thời là tự sức người mở-mang, công-nghệ biến-cải. Cái khuynh-hướng muốn hạn-chế các sức mạnh thiên-nhiên đã rõ-rệt cho đến nỗi hiện nay ở nhiều nước văn-minh Âu-châu dân các tỉnh-thành càng ngày càng nhiều hơn dân nhà quê, đủ biết người ta đã thoát-li được cái cơ-mi của tạo-vật và chỉ chuyên-tâm chú-ý đến những việc trong vòng nhân-sự mà thôi. Nói tóm lại thời cái đặc-sắc của văn-minh Âu-châu là thế-lực của các phép-tắc thuộc về vật-lý ngày một sút kém mà thế-lực của các phép-tắc thuộc về tinh-thần ngày một tăng lên (*Ce qui caractérise la civilisation européenne, c'est l'influence décroissante des lois physiques et l'influence croissante des lois mentales*) ; nghĩa là người ta muốn thoát-li vòng nô-lệ của tạo-vật mà lấy tài-trí mình làm chúa-tể trong thế-gian vậy.

Vậy thời những phép-tắc chủ-trương mọi sự tiến-hóa thuộc về tinh-thần người ta là những phép-tắc gì ? Mà trước nhất, sự tiến-hóa ấy thế nào ? Sự tiến-hóa ấy có hai đường : một là đường đạo-đức, hai là đường trí-thức, một là thuộc về nghĩa-vụ làm người, hai là thuộc về tri-thức ở đời. Một dân-tộc kỹ-nghệ có tăng-tiến mà thói xấu lại thêm lên, hay là đạo-đức có hơn trước mà ngu-dốt lại thậm tệ, thời dân-tộc ấy không gọi là có tiến-hóa được. Hai phần đạo-đức tri-thức cùng với văn-minh là một, không thể phân-lìa ra được : nhưng trong hai phần ấy, phần nào là mạnh hơn ? Vấn-đề này là trọng lắm, vì nếu sự văn-minh tiến-hóa thuộc về lòng đạo-đức nhiều hơn là về trí thông-hiểu của người ta, thời phải lấy đạo-đức làm tiêu-chuẩn cho văn-minh, nếu trái lại thời lại phải lấy trí-thức làm tỉ-lệ. Nhưng dù là đạo-đức, dù là trí-thức, nói rằng tiến-hóa không phải là văn-minh càng tiến thời những năng-lực tự-nhiên của người ta càng hoạt-bát, càng sác-hiệu hơn lên đâu : đứa con trẻ giống văn-minh với đứa con trẻ giống dã-man, lúc sơ-sinh không có khác gì nhau cả ; rồi sau khác là bởi sự ảnh-hưởng của xã-hội, sự cảm-hóa của tinh-thần, sự đào-tạo vô-hình về đường đạo-đức, đường trí-thức, khiến cho cách ăn-ở giống nào rõ ra giống ấy. Bấy nhiêu thứ tức là cái « hoàn-cảnh » (*le milieu, l'ambiance*) ở ngoài, mà cái hoàn-cảnh thời thay-đổi luôn ; thành ra văn-minh không có nhất-định, và những nguyên-nhân làm thành ra văn-minh cũng mỗi lúc một khác. Nay xét những gương đạo-đức trong lịch-sử, đủ biết sự đạo-đức ít có ảnh-hưởng đến cuộc tiến-hóa của văn-minh. Vì rằng những giường-mối lớn của luân-lý tự cổ chí kim có thay-đổi tí nào đâu : phải thương-yêu kẻ đồng-loại mình, phải dung-thứ cho kẻ thù mình, phải làm điều lành, phải cầm bụng dục, ái-nhân khắc-kỷ, v. v., cổ-lai chỉ có mấy điều đó, không thấy khác chút nào. Đến như về đường trí-thức thời mỗi ngày một phát-minh ra những chân-lý mới : khoa-học đời nay tấn-tới hơn

khoa-học đời xưa biết bao nhiêu, các phương-pháp để nghiên-cứu, để thí-nghiệm tốt hơn nhậy hơn biết bao nhiêu. Vậy thời văn-minh đã là kết-quả của những nguyên-nhân thuộc về tinh-thần, về tri-thức, và kết-quả ấy mỗi ngày một thay - đổi luôn, thời không thể lấy đạo-đức là một sự thiên-niên bất-dịch mà điều-nhiếp được ; tri-tuệ mới thật là cái đệ-nhất động-cơ của văn-minh vậy. Muốn chứng rõ lẽ đó, cứ xét nghiệm ngay phàm sự phát-minh về đường tri - thức thường hay truyền nối đời nọ sang đời kia, như cái hương-hỏa chung của loài người, không bao giờ mất được, chớ như việc đạo-đức của mỗi người thời của ai riêng người nấy, không sao truyền-thụ sang người khác được ; việc đạo-đức phải tự mình làm, việc đạo-đức là việc riêng, dẫu người thật thành-tâm bác-ái, hết sức ra tay tế-độ cho kẻ khác, công-đức ấy cũng chỉ được nhất-thời và cũng chỉ phổ - cập được số ít người mà thôi. Không những thế mà thôi : xét trong lịch-sử thật thấy nhiều người bụng-dạ rất tốt mà tri-thức tầm-thường ; những người ấy làm hại cho nhân-quần biết bao nhiêu mà kể ; như sự bách-hại người ta vì tôn-giáo (*persécutions religieuses*) thực là một cái tai-nạn rất lớn cho loài người, thường khi là tự tay những bậc rất đạo-đức chủ-trương (như hai vua Marc Aurèle, Julien nước La-mã, bách-hại những người theo đạo Gia-tô) ; cái tai-nạn ấy, nhờ tri-thức mở-mang mới thấy dần-dần bớt đi.

Nói tóm lại thời kẻ ác làm hại chỉ được một lúc ; người thiện làm lành cũng chẳng bao lâu ; cái gì mà lưu-tồn được mãi mãi, di-truyền đến vô-cùng, ấy là những sự phát-minh của các trang đại-trí ; nước dù đổ, đạo dù tàn, những sự phát-minh ấy vẫn còn mãi, cái sau kế - tiếp cái trước, không hề gián-đoạn bao giờ ; mọi sự đều khi chìm, khi nổi, khi đổi, khi thay, duy có trí-tuệ người ta là đời-đời sáng tỏ, làm đuốc sáng để đưa nhân-loại trên con đường tiến-hóa văn-minh.

Hoặc có người nói rằng sự học-vấn không phải là cái động-cơ thứ nhất của văn-minh, và văn-minh tiến-hóa phần nhiều là nhờ ở tôn-giáo, ở văn-chương, ở chính - trị. Ý-kiến đó thiết-tưởng không được đúng, xin biện-giải như sau này.

Trước nhất, cứ đan-cử một dân-tộc, tuần-tự tiến-hóa một mình, không có quan-hệ gì với dân khác, thời chắc là tôn-giáo, văn-học, chính-trị, ba mối ấy là kết-quả, chớ không phải là nguyên-nhân của văn-minh. Nay một dân đã văn-minh rồi, không có khi nào tự mình theo một tôn-giáo hãy còn dã-man kém-cỏi, và một dân hiện trí-tuệ chưa mở-mang, học-thức còn hẹp-hòi, thời dẫu tôn-giáo mình hủ-lậu cũng không tự biết mà cải-lương được. Dân còn ngu-dốt thời tiện-thị ưa những sự hoang-đường quái-dản, cho thần-thánh là có quyền muốn làm chi cũng được ; dân đã khai-thông rồi thời tự-nhiên tín-ngưỡng những sự cao-thượng hơn. Cứ thực thời tôn-giáo của một dân-tộc nào, một thời-đại nào, là cái biểu - hiệu đặc - biệt của thời-đại ấy, dân-tộc ấy. Như đạo Thiên-chúa là một đạo rất cao-thượng của các dân-tộc văn-minh Âu-châu, thế mà đem truyền-bá cho những dân còn mọi-rợ, chưa khai-thông, thời bất-quá chỉ truyền được cái hình-thức lễ-bái bề ngoài, mà cái tinh-thần tín-ngưỡng ở trong thời không sao truyền cho được, vì những dân ấy không thể nào hiểu được những lý-tưởng từ-bi bác-ái rất cao-thâm của đạo Thiên-chúa. Muốn lấy tôn-giáo mà khai-hóa cho các dân ấy, thời trước nhất phải mở-mang trí-thức, luyện-tập cho biết suy-nghĩ đã ; như vậy thời tôn-giáo là kết-quả, không phải là nguyên-nhân

sự tiến-hóa vậy. Xét trong lịch-sử, xa xa mới thấy một đôi người siêu-quần bạt-chúng, thường là những nhà đại tư-tưởng xuất-hiện ra, làm tiên-phong cho nhân-loại mà xướng lên một nền tôn-giáo hay nền triết-học mới ; nếu tư-tưởng của các nhà ấy siêu-việt quá, người đương-thời chưa đủ hiểu, thời phải đợi cho bao giờ dân-trí đến trình-độ, bấy giờ đem truyền-bá ra mới có người tiếp-thụ được. Như lý-thuyết thờ một ông thần gọi là Thiên-chúa phát-minh ra ở đất Do-thái (*Judée*) đã lâu mà phải chờ đến mấy thế-kỷ mới dựng thành tôn-giáo. Hồi đầu tuy đặt luật rất nghiêm, hình rất nặng, mà trong dân-gian vẫn mê-tín quỉ-thần ; đến sau dân-trí dần-dần mở-mang mới biết bỏ sự lễ-bái quỉ-thần mà theo tôn-giáo độc-thần. Lại khi đạo Thiên-chúa mới truyền sang dân La-mã và các rợ Bắc-Man thời sự mê-tín trong dân-gian cũng không giảm đi chút nào, chỉ thay hình đổi dạng mà làm biến tôn-giáo mới ; như trước thờ quỉ-thần, nay thờ các thánh vậy. Đại-đề, khi một dân-tộc nào theo một tôn-giáo cao hơn trình-độ mình, thời tôn-giáo ấy không được tuần-tự phát-đạt và dân-tộc ấy cũng không được tận-hưởng lợi-ích.

Thuộc về văn-chương, các cũng lẽ vậy. Văn-chương là cái hình-thức để biên-chép những sự phổ-thông tri-thức trong một dân ; nhưng khi nào có những nhà đại-tư-tưởng dùng văn-chương mà truyền-bá ra những ý-kiến cao hơn trình-độ người đương-thời, thời những nhà ấy tuyệt-nhiên không có ảnh-hưởng gì với người đời, hoặc có khi lại bị người đời phản-đối công-kích nữa. Nếu hạng trí-thức với các hạng người khác trong xã-hội cách xa nhau quá, thời hạng trên không có ảnh-hưởng gì đến hạng dưới và hạng dưới cũng không được ích-lợi gì vì hạng trên. Tức như ở Hi-lạp và La-mã ngày xưa, bọn hạ-lưu thời ngu-si dốt-nát, mê-tín những việc quỉ-thần, mà bọn thượng-lưu thời thông-minh sáng-suốt quá, sáng-nghĩ ra những triết-lý rất cao-thâm, hai hạng cách xa nhau như trời đất : bởi thế cho nên hai nước ấy không giữ văn-minh được lâu bền. Sách-vở chẳng qua là cái kho chứa những của báu của trí-tuệ : nếu trình-độ trong dân chưa đến nơi thời không văn-chương nào làm cho mau tiến-hóa được.

Lại có người nói rằng các nước Âu-châu sở-dĩ được văn-minh là bởi các chính-phủ biết trị dân được khôn-khéo. Song cứ xét qua cũng đủ biết rằng phàm người đương-đạo trong một xứ, những lúc thái-bình vô-sự, mấy khi là có người siêu-việt ra ngoài thế-tục. Những người ấy cũng là sản-nhi của thời-thế, không phải là sáng-tạo ra thời-thế, sự-nghiệp của họ chẳng qua là kết-quả của sự văn-minh tiến-hóa chung, không thể làm nguyên-nhân cho sự tiến-hóa ấy được. Phàm sự cải-cách lớn trong xã-hội, không bao giờ, không thấy đâu là tự tay những người cai-trị dân xướng-suất ra ; kẻ đề-xướng ra trước bao giờ cũng là những nhà tư-tưởng thâm-trầm, trông thấy sự lưu-tệ, đại-thanh lật-hô cho ai nấy đều biết, rồi bày phương đặt kế để cách-tệ cải-tân. Dư-luận đã cảnh-tỉnh, thường thường các chánh-phủ còn chống-cưỡng mãi, cho kỳ đến lúc không thể cưỡng được nữa mới chịu theo phong-trào mà cải-cách vậy. Cứ thực mà uổi thời phàm các chánh-phủ can-thiệp vào việc gì là có hại nhiều hơn là có lợi cho sự văn-minh tiến-hóa, mà cái hại ấy lắm khi to cho đến nỗi làm trở-ngại cả sự tiến-hóa ; xét trong lịch-sự, thiếu gì minh-chứng. Công việc của các chánh-phủ thứ nhất là giữ cho cuộc trị-an trong xã-hội, ngăn-cấm kẻ mạnh bắt-nạt người yếu, ban-bố sự phổ-thông giáo-dục, giữ-gìn cho việc vệ-sinh chung ; chẳng qua là dự-

bị cho sự tiến-hóa, không phải là làm cho tiến-hóa mau lên được ; chính sự tiến-hóa là bởi nhiều những nguyên-nhân khác vậy.

Nói tóm lại thời tôn-giáo, pháp-chính, văn-chương, tuy cũng có biến-hóa được người ta mà lại bị người ta biến-hóa nhiều hơn ; cũng là những động-lực của văn-minh, nhưng mà sức mạnh không có mấy, và cũng tùy tình-trạng các xã-hội mà sự lợi-ích cho đường tiến-hóa không nhất-định vậy.

Văn-minh tiến-hóa chỉ là bởi tri-thức khai-thông, và tiến-hóa ít hay nhiều lại là bởi cái số những chân-lý mà trí-tuệ người ta phát-minh ra được nhiều hay ít, và cái phạm-vi ban-bố ra ngoài rộng hay hẹp vậy. Đại-để thời cái tổng-số những công việc người ta ở đời là thuộc cái tổng-số những sự tri-thức của người ta, nghĩa là người ta có biết nhiều mới làm được nhiều. Văn-minh chẳng qua là trử-tích lấy nhiều những tri-thức, rồi ban-bố ra cho rộng, phải gồm cả hai điều đó, mới gọi được là hoàn-toàn ; vậy thời dân nào còn khuyết một điều trong hai điều ấy, chưa gọi được là văn-minh mô-phạm vậy. Như ở nước Mĩ thời tổng-số những tri-thức ít mà ban-bố được ra khắp các hạng người trong xã-hội ; ở nước Đức thời tổng-số những tri-thức nhiều mà chỉ khu trong một hạng người mà thôi. Bởi thế nên văn-minh hai nước ấy hãy còn khuyết-điểm mà chưa gọi được là hoàn-toàn vậy.

* *

Trở lên là giải nghĩa văn-minh và xét sự văn-minh tiến-hóa ra làm sao. Các độc-giả đọc kỹ thời biết rằng phàm văn-minh là bởi tài-trí người ta gây-dựng ra. Người ta khôn lắm biết nhiều, tự-khắc tìm cách tô-điểm cho sự sinh-hoạt của mình được văn-vẻ tốt-đẹp ; thế gọi là văn-minh. Nhưng sự văn-vẻ tốt-đẹp ấy là bề ngoài, là cái áo mặc sán-lạn của văn-minh mà thôi, không phải thật là văn-minh. Văn-minh là ở tự trong óc người ta, óc có mở-mang sáng-suốt mới thật là văn-minh. Nếu óc còn mờ-tối bí-tắc mà bề ngoài đã rực-rỡ vẻ-vang, thời đó là văn-minh giả vậy.

Đương lúc trong quốc-dân mơ-màng sự văn-minh, nhiều người hiểu lầm hai chữ văn-minh, lấy văn-minh giả làm văn-minh thật, lấy hình-thức làm tinh-thần, lấy cái áo sắc-sỡ ở ngoài thay cho cái óc tinh-túy ở trong : ngộ-nhận như thế thật là hại cho sự văn-minh tiến-hóa trong nước vậy. Phàm những hàng thượng-lưu trong xã-hội, có cái trách hướng-đạo cho đồng-nhân, rất không nên hiểu lầm như thế. Phải biết rằng văn-minh cốt là ở tri-thức, như trên kia đã giải rõ. Nếu tri-thức chưa khai-thông thời dẫu đạo-đức rất cao-thâm cũng không đủ làm cho quốc-dân tiến-hóa được. Muốn cho tri-thức được khai-thông thời phải làm thế nào ? Phải học cho rộng, biết cho nhiều, có học có biết mới làm nên. Không những đời này là đời sự đua-tranh bằng trí-khôn kịch-liệt hơn cổ-kim, mà từ xưa đến nay phàm văn-minh tiến-hóa cũng là nhờ ở trí-khôn, nhờ ở học-thức cả. Không học, không khôn, không theo kịp thời-thế, thời dẫu đạo-đức như thánh-hiền đời xưa cũng đến bị đào-thải trên trường tranh-cạnh và sua-đuổi vào hàng liệt-bại mà thôi ; huống-chi nữa là người thường.

Vậy muốn cho xứng-đáng huy-hiệu văn-minh, anh em ta nên ra công học-tập, học để cho mở-mang tri-thức, không phải để mà huyễn-diệu người mình. Nay kết-luận bài này, chỉ xin nhắn-nhủ nhau một lời đó, xin ai nên để bụng mà nghe cho !

THƯỢNG-CHI

LA PUISSANCE DE LA SCIENCE

THẾ-LỰC CỦA KHOA-HỌC

(Dịch bài luận của ông Bác-sĩ nước Pháp CHARLES MOUREU)

Le dix-neuvième siècle a vu se renouveler la face du monde. Auparavant, les conditions d'existence des peuples et des individus dépendaient, pour la plus large part, des ambitions, des rivalités et des caprices des rois et des empereurs. La Révolution d'Angleterre, et, cent ans plus tard, la grande Révolution française, furent, à la vérité, de salutaires avertissements pour tous les monarques, qui durent, dans leur propre intérêt, songer sérieusement à celui de leurs sujets. Mais le grand facteur nouveau fut tout autre. Voici la science : sortie enfin de l'enfance, elle va jouer maintenant son rôle sur la vaste scène du monde moderne, et tout va changer. L'étude approfondie des phénomènes de la nature, en livrant à l'homme de grands secrets, lui donnera une puissnce incomparablement supérieure à celle dont il jouissait jusqu'alors.

De tout temps, la curiosité humaine s'était évertuée, avec de croissants succès, à pénétrer les mystères de l'univers. Depuis l'époque de la Renaissance, qui fut marquée par d'importantes découvertes, l'effort, continu et de plus en plus intense, a vu croître sans cesse sa fécondité. De grands précurseurs : Descartes, Pascal, Leibnitz, Newton, Huyghens, etc., apparurent au dix-septième siècle. Favorisé ensuite par les travaux des philosophes du dix-huitième siècle, et surtout par la Révolution française,

Thế-kỷ thứ mười-chín đã trông thấy đổi mới mặt địa-cầu. Trước kia, cách sinh-hoạt của người ta cùng các dân-tộc phần nhiều là thuộc lòng tham-muốn, sự cạnh-tranh và ý-hướng bất-thường của các vua-chúa. Kể ra thời tự cuộc Cách-mệnh nước Anh và một trăm năm sau đến cuộc Đại Cách-mệnh nước Pháp, hai việc đó đã đủ cảnh-cáo cho các vua-chúa biết giữ mình mà lưu-tâm đến sự lợi-ích cho kẻ thần-dân. Nhưng cái đại-động-lực mới của đời nay là khác. Đại-động-lực ấy là Khoa-học. Khoa-học đã qua thời ấu-trĩ, sắp ra đóng một vai trên đại-võ-đài thế-giới, và nhất-thiết sẽ canh-cải cả. Người ta đã nghiên-tinh đàm-tử, cùng-cứu các hiện-tượng trong trời-đất mà khám-phá được nhiều sự đại-bí-hiểm của tạo-vật, tự nay sẽ có một cái thế-lực rất mạnh, cổ-lai chưa từng biết bao giờ.

Đời nào người ta cũng có cái trí ham biết, vẫn ra công cùng sức mà nghiên-cứu những sự bí-hiểm trong vũ-trụ, nghiên-cứu mỗi ngày một thành-hiệu. Tự đời Phục-hưng, bấy giờ đã phát-minh được nhiều sự tối-tát, người ta càng ngày càng ra sức nghiên-cứu, càng ngày càng thành-công kết-quả. Mấy bậc đại-trí làm tiên-phong, như ông DESCARTES, ông PASCAL, ông LEIBNITZ, ông NEWTON, ông HUYGHENS v. v... xuất-hiện vào thế-kỷ thứ mười-bảy. Tự đó, cái phong-trào khoa-học nhờ được công nghiên-cứu của các nhà triết-học về thế-kỷ thứ mười-tám, và thứ nhất là nhờ được cuộc Đại

qui donna à toutes les intelligences, dans toutes les classes de la société, la possibilité de se faire jour, le mouvement scientifique eut son plein épanouissement au dix-neuvième siècle, qui véritablement marque l'avènement des temps nouveaux.

a) Le présent

1— Les travaux des mathématiciens, les applications de la vapeur, de l'électricité, de la lumière, les découvertes de la chimie et de la biologie ont peu à peu transformé l'industrie, l'agriculture, le commerce, l'hygiène, la médecine; et la vie actuelle, celle de l'homme privé comme celle des sociétés, est toute différente de ce qu'elle était au temps de Napoléon.

Les cent années qui viennent de s'écouler ont vu des miracles sans nombre. Quel admirable sujet de méditation pour le philosophe qui arrête un instant sa pensée sur les merveilles réalisées! Quel sentiment d'orgueil l'anime quand il mesure l'étendue de ce qu'il sait et de ce qu'il peut!

La nature matérielle et les forces qui la gouvernent n'ont plus de secrets qui ne lui soient accessibles. Son intelligence a pour domaine l'univers, dans le temps comme dans l'espace : *Naturam amplectitur omnem.*

Il assiste aux premiers âges de la terre. Il connaît l'état civil des Alpes, des Pyrénées et de leurs rivales. Sous ses yeux défilent les générations de plantes, d'animaux et d'hommes qui se sont succédé sur la planète.

Il voit naître et évoluer les mondes, depuis la nébuleuse confuse jusqu'à l'étoile brillante. Il assigne à chaque astre sa position, la trajectoire suivant

Cách-mệnh nước Pháp đã mở đường cho các kẻ tài-trí trong các bậc xã-hội được tự-do mà xuất-đầu, nên đến thế-kỷ thứ mười - chín được hoàn-toàn phát-đạt, thật là khai-mạc một thời-kỷ mới trong lịch-sử vậy,

a) Hiện-tại

I. — Công nghiên-cứu của các nhà số - học, sự ứng-dụng của hơi nước, điện-khí, ánh sáng, sự phát-minh của hóa-học và sinh-vật - học, bấy nhiêu thứ đã dần-dần biến-cải công-nghệ, nông-nghiệp, thương-nghiệp, phép vệ-sinh, phép trị-bệnh ; và cuộc sinh-hoạt ngày nay, sinh-hoạt của từng người riêng cùng sinh-hoạt của các xã-hội, sánh với thời-đại vua Nã-phá-luân, thật đã thấy khác hẳn.

Trong khoảng một trăm năm vừa qua, đã trông thấy biết bao nhiêu những công-trình kỳ-quái. Nhà triết-học thử ngừng tư-tưởng trong một lát mà quan-sát những sự lạ đã làm nên, còn bài triết-lý nào cao-thâm bằng! Lại đo-lường cái phạm-vi mình sở-tri và sở-năng, thời trong lòng tự-cao biết dường nào!

Cái thế-gian hữu-hình cùng những sức mạnh chi-phối trong thế-gian ấy, không còn gì bí-hiểm mà mình không thể thấu được. Phạm-vi của trí-tuệ mình tức là phạm-vi của vũ-trụ, vừa không-gian vừa cả thời-gian ; thật là nhất-thiết thế-gian, đều bao-quát hết.

Được chứng-kiến địa-cầu buổi sơ-thành, biết lai-lịch núi An-bỉ, núi Biệt-nê cùng các rạng núi cao khác. Bao nhiêu những giống cây, giống vật, giống người, đời ấy sang đời khác, đã kế-tiếp nhau trên mặt đất, hình như phô-bày ra cả trước mắt.

Trông thấy các thế-giới sinh-thành biến-hóa, tự đám tinh-vân mập-mờ cho đến ngôi tinh-tú sáng-tỏ. Ấn-định cho mỗi vì sao cái vị-trí ở đâu,

laquelle il est tenu de se mouvoir, et l'éclipse qu'il subira à la seconde précise dès longtemps prophétisée. Il pèse le soleil, et en disséquant sa lumière, il peut dire les substances qui le composent. Il sait aussi de quoi sont formées les millions d'étoiles qui peuplent les cieux, celles mêmes dont les rayons, en dépit en leur folle vitesse, cheminent durant des siècles à travers l'infini avant d'atteindre son observatoire.

Il joue avec les forces naturelles, et il transforme à son gré, en l'une quelconque d'entre elles, chaleur, électricité, lumière, magnétisme et force mécanique.

Il dompte la foudre et désarme le ciel.

Il convertit la force des torrents en flots d'énergie, qui portent au loin, dans les contrées les plus désolées, la richesse et la vie.

Voyageant, à sa volonté, dans les airs, dans l'épaisseur comme à la surface des terres, dans les profondeurs comme à la surface des océans, il est le maître de l'espace. Par la vitesse, il s'affranchit de la distance et du temps lui-même.

Sa pensée, le son de sa voix, et jusqu'aux traits de son visage, courent le long d'un fil léger, ou volent à travers l'espace, avec la rapidité de l'éclair, jusqu'au bout du monde.

Les rayons du soleil sont ses instruments dociles de dessin, d'impression, de gravure, de peinture.

Il enregistre le mouvement et la parole, et à son gré les reproduit identiques.

Telles barrières opaques prennent, à sa volonté, la transparence du cristal.

đường quĩ-đạo thế nào, và đến đúng giây phút nào là bị che-lấp cũng có thể dự-tính từ trước được. Cân mặt trời nặng bao nhiêu, phân ánh sáng có những gì, biết rõ trong quả nhật-cầu, có những chất gì hợp lại. Lại hàng triệu những ngôi sao khác, rải-rắc trong mấy tầng trời, cho chí những ngôi ánh sáng tuy đi mau đã cùng-cực mà phải đến mấy thế-kỷ mới thấu hết khoảng, không tới dài chiêm-nghiệm, cũng có thể biết được ở trong có những thứ gì.

Các sức mạnh thiên-nhiên, sai khiến dễ như bởn, khí nóng, khí điện, ánh sáng, sức hấp, sức động, tùy-ý muốn biến-hóa ra sức mạnh gì cũng được.

Đoạt được cả thiên-lôi, khiến trời cũng vô-lực.

Sức mạnh của thác nước biến thành nguồn động-lực, khiến cho những nơi rất xa-xôi cùng-tịch, cũng trở thành chốn sinh-hoạt phong-phú.

Muốn bay trên khoảng không, đi ngầm dưới đất hay chạy trên mặt đất, lội dưới đáy biển hay vượt trên mặt biển, đều được tùy-ý, thật là ông chúa trong không-gian. Lấy sức mau mà đoạt được cả đường đất, thắng được cả thời-giờ.

Tư-tưởng, tiếng nói, cho đến nét mặt mình, chỉ nhờ một sợi giây nhỏ, mà truyền được khắp khoảng không, nhanh như chớp nhoáng, góc biển chân trời cũng tới.

Tia sáng mặt trời, tùy tay lợi-dụng, để vẽ, để in, để khắc, để hoạ.

Sự cử-động cũng là tiếng nói, có thể ghi lấy được, tùy-ý lúc nào muốn, truyền ra được như hệt.

Chất nào là chất đặc, ánh sáng không thấu được, có thể tự ý mình, làm cho sáng trong-suốt, như thể chất thủy-tinh.

Il fond et vaporise le granit ; il liquéfie et solidifie l'air.

Il pèse et compte, un à un, les myriades d'atomes qui forment la goutte d'eau et le grain de sel. Il divise l'atome lui-même, condamné à démentir son étymologie et à renier son nom, en une infinité de sous-atomes.

Il convertit les uns dans les autres les composés de la chimie. Il imite la nature et souvent la surpasse : il fabrique une gamme d'odeurs et de couleurs plus riche et plus variée. Il crée de la matière explosive, et en déchaînant la force qu'il y accumule, il coupe les isthmes, perce les monts, et lance à des distances fabuleuses les plus lourds projectiles.

Il décuple la fertilité du sol.

Le sous-sol livre à sa main indiscrète tous ses multiples trésors.

Il lit, dans l'organisme animal, le rôle du sang qui circule, du cœur qui bat, du poumon qui respire, du cerveau qui commande, du nerf qui porte l'ordre, du muscle qui obéit, de l'estomac qui digère, du chyle qui rajeunit le sang épuisé.

Il tue la douleur. Il donne un calme sommeil au malheureux dont on fouille les chairs.

Il tient en échec les grandes épidémies, auxquelles il oppose d'infranchissables barrières, il permet au scalpel toutes les audaces, et la mort recule.

Son esprit embrasse, dans une vue d'ensemble, les phénomènes du monde animé, depuis les premières palpitations de la vie jusqu'à ses manifesta-

Rắn như đá cương-thạch, làm được chảy ra nước, bốc thành hơi ; loãng như chất không-khí, làm cho đặc lại được, biến thành nước.

Một giọt nước, một hạt muối, có mấy ức triệu nguyên-tử, cân được đếm được từng cái. Đến cái nguyên-tử ấy nữa, cứ tên đã đặt thế, tưởng không phân được nữa, thế mà ngày nay cũng có thể phân ra làm vô-số những tiểu-nguyên-tử.

Về hóa-học thời hợp chất kia ra chất nọ, biến thể nọ thành thể kia. Cũng sinh-sinh hóa-hóa như tạo-vật, mà lắm khi làm hơn tạo-vật, như các hương các sắc tay mình chế ra nhiều hơn và lạ hơn các hương-sắc thiên-nhiên biết bao nhiêu. Chế-tạo ra chất nổ, tích sức mạnh vào đấy, rồi bắn cho phát ra, sẻ ngang các eo đất, xuyên thẳng các núi cao, bắn xa hàng mấy mươi dặm những đạn nặng mấy vạn cân.

Sức phì-nhiêu của đất, tăng được gấp mười phần.

Lại bới móc trong ruột đất, được khoáng-tàng biết bao nhiêu.

Xét cơ-thể con động-vật, biết phần việc của mỗi chất: máu chảy, tim đập, phổi thở, óc khiến, cái gân truyền mệnh-lệnh, bắp thịt tuân thi-hành, tì-vị để tiêu-hóa những đồ ăn, dưỡng-chất để cải-bổ máu đã cạn.

Làm tiêu-diệt sự đau-đớn. Người bệnh-nhân phải mổ-xẻo, cho thuốc mê như ngủ yên.

Phàm dịch-tệ rất tai-hại, cũng ngăn-cầm không truyền được; con dao ông thầy thuốc, lộng-xảo thật vô-ngần, cái chết cũng phải sợ.

Trí-tuệ bao-gồm trong nhất-lãm được hết-thảy các hiện-tượng về sinh-hoạt-giới, tự lúc khí sinh-hoạt mới thoi-thóp cho đến lúc phát-hiện ra

tions les plus hautes. Il voit, dans un cycle en perpétuelle activité, la terre, et grâce aux rayons du soleil, l'air nourrir les plantes, les plantes les animaux, et la dépouille des animaux, devenue la proie des infiniment petits, restituer au règne minéral ce qu'il avait perdu.

II. — Le pouvoir de l'homme est égal à son savoir. *Homo potest quantum scit* (Bacon). Il est remarquable que si grand qu'il soit, le spectacle de tant et de si prodigieuses choses nous soit à ce point familier qu'elles apparaissent généralement comme toutes naturelles, et qu'il faille véritablement faire effort pour en arriver à concevoir que naguère elles étaient inconnues, voire même reléguées dans le domaine de la pure fantaisie. Sous ce rapport, l'inconscience de la multitude, sa méconnaissance des mérites des inventeurs sont incommensurables. Le chemin de fer, la bicyclette, l'automobile, l'aviation, la photographie, la lumière électrique, le téléphone, les opérations chirurgicales sans douleur, la guérison de la rage et de la diphtérie ne lui causent aucun étonnement. Pour elle, les choses sont ainsi sur cette terre, sans plus, comme si elles avaient de tout temps existé. Si brusquement, faute des actuels moyens de communication, un homme se trouvait isolé dans quelque coin perdu de la planète ; si, faute de calmants et d'anesthésiques, il était condamné à endurer les pires souffrances, alors il connaîtrait toute la valeur de la science, source de bien-être pour tous

Notre philosophe, par contre, rapprochant le passé du présent, mesurera l'immensité du progrès accompli, et s'il est, par surcroît, doublé d'un octogénaire, il se rappellera l'époque de la

những trạng-thái rất cao-kỷ. Nhìn trong vòng sinh-hoạt, tuần-hoàn luôn không dứt: đất và không-khí, nhờ tia sáng mặt trời, nuôi sống cho cây-cỏ, cây-cỏ nuôi sống cho các giống động-vật, động-vật chết đi làm đồ ăn cho muôn giống vi-trùng, lại hoàn lại về đất những nguyên-chất đã mất đi.

II. — Người ta càng biết bao nhiêu thời càng mạnh bấy nhiêu, như lời ông Ba-công (tầu dịch là Bồi-căn) đã nói: Sức mạnh của người ta lấy tri-khôn làm tỉ-lệ. Có một điều lạ, là cái cảnh-tượng bấy nhiêu những công-trình vĩ-đại, tuy to-tát như vậy, mà ta đã nhìn quen lắm, coi lấy làm thường, cho là những sự rất tự-nhiên, đến phải dụng-tâm cố-ý mới tưởng-tượng được rằng những sự đó trước kia người ta còn mang-nhiên đã biết đâu, có khi lại cho là những sự huyền-không loạn-tưởng vậy. Về phương-diện đó, sự vô-tri-giác của công-chúng, không hề biết đến công-phu các nhà chế-tạo, thật là vô-khả-tư-nghị vậy. Xe lửa, xe đạp, xe hơi, tàu bay, máy ảnh, đèn điện, giây nói, thuật ngoại-khoa mổ-xẻo không đau-đớn, bệnh chó dại cắn, bệnh mọc màng họng chữa khỏi như không ; bấy nhiêu những kỳ-công, coi thường không lạ nữa. Đối với những sự đó, công-chúng cho là sự thường trên mặt đất, không có gì là lạ, hình như cổ-lai bao giờ cũng vẫn có vậy. Vì bây giờ nhất-đán các đường giao-thông không có nữa, có một người bị sa-lạc vào một nơi hẻo-lánh trên mặt đất ; hay là các thứ thuốc tê thuốc mê không có nữa, mà phải chịu đau-đớn cực-khổ vì tật-bệnh, thời mới biết giá-trị của khoa-học là cái nguồn sung-sướng cho mọi người.

Nhưng nhà triết-học ta biết so-sánh thủa xưa với thủa nay, chắc suy-lường được sự tiến-bộ đã to-lớn là dường nào, và nếu gia-dĩ lại là người già, tuổi trạc tám mươi, thời tất hồi-tưởng đến

diligence et de la hideuse variole. Il se dira qu'il a, en fait, connu deux existences terrestres distinctes : celle de nos jours et celle de son enfance, beaucoup plus dissemblables, à de nombreux points de vue, que si, en d'autres temps, elles eussent été distantes de centaines, et de milliers d'années, et il aura l'impression d'avoir vécu comme s'il était réellement né deux fois à de longs siècles d'intervalle.

III. — Pourquoi faut-il ajouter que cette puissance de l'homme, qui le remplissait d'orgueil, a eu, comme par une revanche de la nature domptée mais rebelle, la plus terrible rançon. Le tranchant de la science est double, et si elle a dans une mesure considérable, amélioré la condition humaine, il s'est rencontré une nation de proie, une race barbare, qui a tenté de la détourner de sa mission humanitaire pour satisfaire des appétits de domination universelle. Par bonheur, alors que la barbarie voulait étouffer la civilisation par la science, c'est par cette même science que la civilisation a vaincu la barbarie, mais au prix, hélas ! des plus sanglantes hécatombes et des plus effroyables dévastations dont l'Histoire fasse mention.

Devant l'immensité du malheur, il en est qui, dressant le bilan de la science, hésitent sur la conclusion, inclinant même à penser que le passif l'emporte, et qu'il eût mieux valu pour l'Humanité qu'elle demeurât éternellement dans l'ignorance et l'obscurantisme des anciens âges. Une semblable opinion ne saurait résister à la constation des faits.

Et, tout d'abord, que l'actif de la science écrase le passif, cela n'est-il pas manifeste quand on voit « l'intelligen-

cái thời-đại người ta còn đi đường bằng « tốc-hành-xa » và chết hại về bệnh đậu mùa. Bấy giờ chắc tưởng-tượng như mình đã qua hai cuộc đời trên mặt đất: cuộc đời ngày nay và cuộc đời thủa nhỏ, hai cuộc khác nhau nhiều hơn là về thời-đại khác cách nhau tới mấy trăm mấy nghìn năm ; bấy giờ chắc có cái cảm-giác như mình đã sinh ra hai lần ở đời, xa cách hàng mấy thế-kỷ vậy.

III. — Nhưng cớ sao cái thế-lực mạnh như vậy, khiến cho người ta tự-cao biết bao nhiêu, lại phải mua chuộc bằng một cái đại-giá khốc-hại là dường nào, hình như tạo-vật bị thua người mà không chịu phục, muốn phản lại cho cam-tâm ? Khoa-học thật như con dao hai lưỡi ; tuy có tăng-tiến cho sự sinh-hoạt loài người ta được nhiều, mà lại gặp phải một dân tham-tàn, một giống dã-man, muốn làm cho sai-lạc cái thiên-chức vì nhân-loại của khoa-học, mà lợi-dụng để cho thoả-mãn cái lòng dục-vọng tranh bá-quyền trong thế-giới. May sao, trong lúc dã-man muốn dùng khoa-học để tiệt-diệt văn-minh, thời văn-minh lại cũng nhờ khoa-học ấy mà thắng-đoạt dã-man, nhưng, than ôi ! thắng cho được đã tổn-hại biết bao nhiêu người, tàn-phá mất bao nhiêu của, thật cổ-lai trong lịch-sử chưa từng thấy ghi-chép đến thế bao giờ.

Trông thấy sự tai-hại rất dữ thế, có người kết-toán phần lợi hại của khoa-học, không biết phán-đoán ra thế nào, ngờ rằng có lẽ phần hại nhiều hơn, và giá-thử nhân-loại cứ u-mê ngu-dốt mãi như đời xưa lại còn hơn. Chứng với sự thực, ý-kiến ấy tưởng không chánh-đáng.

Trước nhất, phần lợi của khoa-học thắng hơn phần hại biết bao nhiêu, chẳng đã rõ-ràng đấy dư ? Coi như

ce de l'inventeur, incorporée dans les organes de la machine, substituer au dur labeur musculaire le simple effort d'attention dont se contente un rôle de contrôle et de direction »; quand on voit le bien-être installé dans tant de foyers modestes où il était jadis inconnu ; quand on voit un Pasteur, armé du simple microscope, sauver plus de vies humaines en quelques années que n'en ont fauché les canons de toutes les guerres ? Faut-il ajouter qu'en ce qui touche des pertes matérielles, la science, si on veut utiliser et développer ses méthodes, les réparera rapidement et créera la richesse où était la désolation ? En vérité, le progrès a ses étapes et ses à-coup. Et peut-être l'épouvantable drame que nous venons de vivre était-il un mal nécessaire ? Au surplus, l'avertissement portera ses fruits. On doit espérer que la Société des Nations saura organiser le monde dans la concorde et le travail fécond. En attendant le jour, plus ou moins proche, où, grâce à elle, les conflits armés entre peuples ne seront plus qu'un affreux souvenir, elle saura, nous devons l'espérer, développer sans cesse les forces de moralité, qui hâteront l'avènement d'une paix définitive.

b). — *L'avenir*

I. — Quoi qu'il en soit, la science est en marche, et rien ne l'arrêtera. Et de même que l'horizon s'élargit à mesure que l'on gravit les sommets, de même la science, dans son ascension continue, nous ouvre des perspectives toujours plus vastes. Et l'imagination prend son vol !

máy-móc, thật là trí-tuệ nhà chế-tạo đã sáp-nhập vào cơ-quan của cái máy, khiến cho người ta không phải dụng đến cân-lực khó nhọc, chỉ cần phải chú-ý kiểm-đốc mà thôi. Lại coi biết bao nhiêu những gia-đình nhỏ-mọn, xưa kia có biết ăn sung ở sướng là gì, mà nay đã được hưởng cái thú phong-lưu. Lại coi như một ông Pasteur, trong tay chỉ có cái kính hiển-vi, mà trong mấy năm trời cứu được bao nhiêu mạng người, dù bao nhiêu cuộc chiến-tranh dùng bao nhiêu súng đại-bác mà giết-hại cũng không thấm. Sau nữa, đến những sự thiệt-hại về vật-chất, nếu biết mở mang lợi-dụng các phương-pháp của khoa-học, thời tu-bổ lại cũng mau, khiến cho nơi tàn-phá chẳng bao lâu mà thành ra chốn phú-cường. Cứ thực mà nói, sự tiến-bộ có thời-kỳ và cũng không khỏi vấp-váp. Có lẽ cái bi-kịch gớm-ghê mà bọn ta mới từng-trải đó cũng là một cái tai-hạn tất-nhiên chăng ? Dù thế nào, đó cũng là một sự cảnh-cáo, tất có lợi-ích cho sau này. Nên mong rằng Hội Vạn-quốc sẽ biết tổ-chức lại thế-giới cho muôn dân được cùng nhau hòa-thuận và chăm-chỉ làm ăn. Nhờ Hội Vạn-quốc, có một ngày sự chiến-tranh trong các dân-tộc sẽ thành như cái ác-mộng về đời cổ-xưa, ngày ấy chưa biết gần hay xa, nhưng từ nay đến bấy giờ ta cũng nên mong rằng Hội sẽ ra công phát-siển lòng đạo-đức trong nhân-loại, khiến cho thế-giới được mau tới cõi thăng-bình.

b). — *Tương-lai*

I. — Dù thế nào mặc dầu, khoa-học vẫn đương tiến-bộ, không gì cản-trở lại được. Như khi trèo ngọn núi cao, càng lên cao càng trông rộng; khoa-học cũng vậy, càng tiến-bộ thời cái phạm-vi lại càng mở rộng mãi ra. Trí người ta tha-hồ mà tưởng-vọng !

Quelles grandes conquêtes nos fils réaliseront-ils ? Quelles surprises nouvelles les attendent ? Que leur donnera la radioactivité ? Parviendront-ils à libérer et à capter les réserves d'énergie emprisonnées dans l'atome ?

D'après les théories actuelles, ces réserves sont formidables. L'énergie qui sommeille dans un kilogramme d'uranium serait équivalente à celle que fournit la combustion de cinq cents tonnes de charbon. Auprès de l'énergie intra-atomique, celle qui entre en jeu dans nos réactions chimiques ordinaires apparaît comme absolument négligeable. Les ressources en énergie dont nous sommes maîtres et que nous utilisons présentement ne sont donc que des « miettes » arrachées aux abondantes provisions incluses dans la matière. Certes « les frontières de l'atome sont sévèrement gardées », mais la forteresse n'est pas imprenable, et l'on ne saurait douter, quand on jette un regard vers les merveilles déjà accomplies par la science, qu'un jour ne vienne où nous réussirons à disloquer, et aussi à construire, au laboratoire, les corps simples, comme nous savons aujourd'hui dissocier et reconstituer les corps composés. Et la conquête aura une valeur infinie.

Il est toujours présomptueux de vouloir prédire l'avenir. Et cependant, comment résister à l'attrait du rêve qui s'empare de l'esprit quand on cherche à prévoir les conséquences d'une telle victoire ? Les « pulsations du monde » puiseront alors leur force à une source nouvelle d'énergie, et celle-ci dépassera toutes celles que connaissons aujourd'hui de l'énorme distance qui les sépare elles-mêmes des

Con cháu ta sau này còn chinh-phục được biết bao nhiêu những sự lớn-lao nữa ? Biết bao nhiêu những sự kỳ-quái mới ? Như khoa phát-quang-lực-học biết rằng sau này còn phát-minh được những gì ? Lại như những tiềm-lực ở trong nguyên-tử, sau này có thu-thập lấy, lợi-dụng được không ?

Cứ theo các lý-thuyết ngày nay, thời những tiềm-lực ấy to mạnh rất dữ lắm. Sức mạnh tiềm-tàng trong một cân *uranium* có lẽ ngang bằng sức mạnh năm trăm tấn than đốt lên. Đối với sức ngầm trong nguyên-tử thời sức phản-động của các chất hóa-học thường sánh thật chẳng thâm vào đâu. Như vậy thời những sức hiện sai-khiến được, lợi-dụng được, chẳng qua là những mảy-may trong cái kho tiềm-lực vô-cùng của vật-chất vậy. Có người nói : « Bờ-cõi của nguyên-tử phòng-bị nghiêm lắm, khó lòng xâm-lấn được », vẫn biết thế, nhưng thành-quách tuy khó chiếm mà không phải không chiếm được, và cứ xét những kỳ-công của khoa-học đã làm nên từ trước tới nay, thời có thể đoán được rằng có một ngày ta có thể dùng phép hóa-học mà phân-tách rồi lại tổng-hợp được các chất đơn, cũng như ngày nay ta phân-tách và tổng-hợp được các chất kép vậy. Sự phát-minh ấy chắc sẽ có một cái giá-trị vô-cùng vậy.

Vẫn biết rằng dự-đoán về tương-lai, không khỏi mang tiếng là tự-phụ. Song thử nghĩ một sự phát-minh ấy, sau này kết-quả biết bao nhiêu thời trong thần-trí ta khỏi mơ-màng mộng-tưởng sao được ? Đến bấy giờ « động-mạch của thế-giới » sẽ có một nguồn sức mạnh mới, mà nguồn này sẽ mạnh hơn hết cả những nguồn hiện ta biết bây giờ chẳng kém gì các sức mạnh ngày nay sánh với những sức

ressources naturelles de l'homme sauvage. On ne doit pas tenir pour absurde de supposer que l'homme soulèvera alors les montagnes, subjuguera les mers, asservira les forces atmosphériques. On peut supposer que tels éléments aujourd'hui rares deviendront d'un usage courant: l'or sera probablement quelque jour un métal aussi vulgaire que le fer. Mais, en outre, des atomes entièrement nouveaux entreront en scène. Que seront ces nouveaux éléments ? D'étranges surprises nous attendent sans doute, plus étonnantes encore que celles attribuées aux « pierres philosophales » et aux « élixirs de vie » des alchimistes de tous les temps. Nous assisterons à une véritable renaissance de la chimie. Au sujet des innombrables composés nouveaux, et jouissant de propriétés nouvelles, que les chimistes prépareront, les fantaisies de notre imagination seraient sans bornes. Notre actuelle photographie deviendra peut-être un art suranné. Et qui peut prévoir les développements et les transformations de la biologie, de la médecine, de l'hygiène, de l'agriculture, de l'industrie, du commerce, qui seront la conséquence de toutes ces découvertes ?

Si l'on songe que, parallèles à ces bouleversements par la chimie, se développeront dans toute leur majesté les applications de l'énergie à la mécanique et aux arts infiniment variés de l'ingénieur, on aperçoit une existence encore plus dissemblable de la nôtre plus que la nôtre ne l'est de celle de l'homme primitif. Encore une fois, la face du monde aura été rénovée, Plus profonde sera la révolution scientifique, plus complète sera la révolution économique et sociale, et plus grande aussi, on doit l'espérer, la somme de bonheur dont jouira l'homme mạnh tự - nhiên của người rừng đời thượng-cổ vậy. Có thể nói rằng người ta có sức chuyển được núi, ngăn được bể, đoạt được nắng mưa, không phải là nói ngoa vậy. Có lẽ nhiều chất ngày nay hiếm có, bấy giờ sẽ thành những chất thường dùng; chắc có một ngày vàng sẽ cũng như sắt. Không những thế, lại còn phát-minh ra được nhiều những nguyên-chất thật mới-lạ nữa. Nguyên-chất ấy là những nguyên-chất gì ? Chưa thể biết được, nhưng chắc là những chất kỳ-kỳ quái-quái, còn lạ hơn là những «hóa-kim-thạch», «trường-sinh-tửu» của các thày luyện-đan đời xưa. Hóa-học bấy-giờ sẽ kinh-qua một hồi phục-hưng vậy. Thuộc về các hợp-chất mới, có những tinh-chất lạ, các nhà hóa-học sẽ chế-tạo được sau này, thời trí tưởng-tượng ta có thể huyền-không cấu-tưởng vô-cùng-tận. Nghề chụp-ảnh của ta ngày nay có lẽ đến bấy-giờ thành một nghề cổ. Lại những môn sinh-vật-học, y-học, vệ-sinh-học, những nghiệp nông, công, thương, sau này sẽ nhân những sự phát-minh mới ấy mà canh-cải phát-đạt đến thế nào, hiện nay ai là người dự-đoán được?

Lại đồng-thời với những sự biến-thiên của hóa-học ấy, thử nghĩ còn các nghề máy-móc, các thuật kỹ-sư, sau này lợi-dụng được các nguồn sức mạnh mới, còn phát-đạt rực-rỡ biết bao nhiêu, thời mới biết cuộc sinh-hoạt của người ta đến bấy giờ lại khác hẳn cuộc sinh - hoạt đời bây giờ, nhiều hơn là ngày nay khác đời cổ - xưa vậy. Nói tóm lại một câu thời mặt địa-cầu đến bấy giờ sẽ đổi mới cả Sự cách-tân trong khoa học càng thâm bao nhiêu, thời sự cách-tân về đường kinh-tế xã-hội càng trọn bấy nhiêu, và người ta đến bấy giờ dã nhờ trí-tuệ được làm một ông vua hoàn toàn tuyệt-địch trong thế-gian,

me, devenu par son intelligence un roi de la nature tout-puissant.

Telles sont les perspectives qu'offre la science aux efforts des chercheurs. Vivrons-nous un tel rêve ? Sa réalisation sera-t-elle l'œuvre de nos fils ? Faudra-t-il des siècles ? Autant de questions auxquelles nul aujourd'hui ne saurait répondre. Mais la révolution semble fatale, et l'on peut affirmer qu'elle se produira d'autant plus vite qu'il y aura dans le monde plus d'esprits supérieurs adonnés aux recherches scientifiques.

Une chose, au surplus, est certaine : c'est que le champ de l'inconnu est sans bornes, en surface comme en profondeur, et que le savoir du savant n'égalera jamais sa curiosité et sa soif de découvertes.

Si merveilleux que soit l'aspect sous lequel les prédictions scientifiques envisagent l'avenir, il ne saurait nous détourner des problèmes plus modestes de l'heure présente. Des réalisations immédates et de la plus haute utilité sont partout possibles. Dans tous les domaines de l'activité économique, dans l'exploitation du sol et du sous-sol, dans le problème général de la production industrielle la science doit apporter l'élément décisif de la fécondité et de la prospérité.

II. — Les plus sceptiques ne peuvent contester l'évidence. La science, on ne saurait trop le répéter, c'est la puissance, et cette puissance s'accroîtra indéfiniment. Double vérité, aussi certaine que la lumière du jour, dont il importe de se pénétrer intimement et profondément.

Si l'homme est enchaîné à la matière par une infinité de servitudes, c'est le propre de la science de l'en

nên mong rằng sự hạnh-phúc ở đời cũng sẽ được nhân đó mà tăng-gia lên vậy.

Ấy cái tiền-đồ của khoa-học mở rộng cho các nhà học-giả mênh-mông bát-ngát như thế. Bọn ta có được cập-kiến cái mộng đó thành sự thực không ? Hay là đến đời con cháu ta mới có thể thực-hành được ? Hay là còn phải mấy thế-kỷ nữa ? Những vấn-đề ấy hiện nay chưa ai có thể trả lời cho được. Nhưng sự cách-tân xét ra tất có ngày, và có thể quyết rằng trong thế-giới càng có nhiều những bậc đại-trí chuyên-tâm nghiên-cứu về các khoa-học, thời thay-đổi lại càng mau hơn.

Vả lại, có một sự chắc hẳn : là bể học không bờ không bến, rộng vô-cực, sâu vô-ngần, mà cái sở-tri sở-thức của nhà học-giả thời không bao giờ sung-mãn được cái lòng ham tìm ham biết vậy.

Tuy cái cảnh-tượng khoa-học sau này dự-tưởng tốt-đẹp thể nào mặc lòng, ta cũng chớ nên quên những vấn-đề thiết-cận ngày nay. Hiện nay về đường nào cũng có nhiều sự có thể thực-hành được ngay, ích-lợi thật nhiều. Thuộc về các ngành thực-nghiệp, như sự khẩn đất khai mỏ, sự công-nghệ chế-tạo, khoa-học phải giúp sức vào cho sinh-sản được nhiều, công việc thịnh-vượng.

II. — Sự thực hiển-nhiên, dẫu người cố ý hoài-nghi cũng không thể ngờ-hoặc được nữa. Khoa-học là sức mạnh, mà sức mạnh ấy mỗi ngày một tăng-tiến lên hoài. Đó là hai cái chân-lý rõ-ràng như ánh sáng mặt trời, cần phải hiểu cho thâm, thấu cho rõ.

Giống người ta tuy phải vật-chất bó-buộc, phiền-lụy nhiều điều, mà chức-vụ của khoa-học chính là để

affranchir peu à peu. Les conquêtes de la science doivent donc être un facteur essentiel des transformations sociales. De plus en plus, la tâche des hommes politiques et des diplomates — et éventuellement, hélas ! celle des armées — consistera à harmoniser l'existence des nations avec les conséquences économiques des découvertes de la science. Les sous-marins et les avions tiendront une grande place dans les tractations internationales. Si quelque nouvel engrais venait à multiplier encore le rendement de la culture du blé, le marché actuel en serait totalement bouleversé. Il est donc évident que, dans l'évaluation de la puissance d'une nation, les diplomates doivent considérer ses organes scientifiques et la valeer de ses hommes de science comme étant d'une importance capitale, du même ordre que les mouvements de la population, les richesses naturelles ou les forces militaires. Au fond de la vie moderne, de toutes ses manifestations, on retrouve la science. En dehors des causes d'ordre moral (idéal sociologique, affinités ethniques, etc.), on peut dire que c'est la science qui mène aujourd'hui le monde. Dans une mesure toujours plus large, c'est elle qui oriente les destinées des individus et des Etats, lesquels, plus ou moins consciemment mais fatalement, règlent leur existence sur les changements perpétuels issus des nouvelles acquisitions de la science.

CHARLES MOUREU,
Membre de l'Institut,
professeur au Collège de France.

dần-dần giải-thoát cho khỏi vậy. Vậy thời công chinh-phục của khoa-học phải là một cái động-lực cốt-yếu cho mọi sự biến-cải trong xã-hội. Khoa-học càng ngày càng phát-minh, sự kết-quả về đường kinh-tế càng ngày càng phiền-phức thời, cái nhiệm-vụ của nhà chính - trị nhà ngoại giao — và tạm-thời bất-đắc-dĩ còn phải dùng đến quân-lực — lại càng phải ra sức điều-hòa cho thích-hợp với cuộc sinh-hoạt của các dân-tộc. Tàu ngầm tàu bay sẽ có một địa - vị to trong cuộc ngoại-giao vạn - quốc. Nếu chế được một thứ phân bón mới, làm cho cái sản - số lúa mì tăng thêm lên được nhiều, thời thị - trường ngày nay sẽ điên - đảo hết cả. Coi đó thời đủ rõ rằng các nhà ngoại-giao ngày nay muốn ước-lượng sức mạnh một nước, phải nên chú - trọng đến các cơ - quan khoa-học và cái giá-trị các học - giả của nước ấy, chẳng kém gì là dân-số sản-vật và binh lực trong nước vậy. Xét cho kỹ, cuộc sinh-hoạt đời nay, dẫu thiên-hình vạn-trạng, mà gốc cũng là có khoa-học ở trong. Trừ những nguyên-nhân thuộc về tinh-thần (như lý - tưởng về xã - hội, thanh - khí về chủng-tộc, v. v.) không kể, còn có thể nói rằng ngày nay tả - hữu thế-giới ấy chính là khoa-học vậy. Phạm-vi của khoa-học mỗi ngày một rộng, chi-phối được cả vận-mệnh người ta cũng vận-mệnh các quốc-gia, và các quốc-gia dù biết hay không biết, cũng tất-nhiên là phải tùy theo khoa-học mở mang thêm mãi, biến-cải luôn luôn, mà tổ-chức cuộc sinh-tồn hoạt-động của mình vậy.

T.-C. *dịch.*

HẠN-MẠN DU-KÝ(1)

汗 漫 遊 記

(Lời ký của một người đi chơi phiếm)

V

XI

Từ Thượng-hải đi Quảng-tây (Quế-lâm)

Chúng tôi đi tiễn Lưu-quân về, chiều hôm ấy cũng sắp-sửa đồ hành-lý, lấy vé tầu đi Hương-cảng. (Từ Thượng-hải đi Quảng-tây, đi đường bể phải đến Hương-cảng trước, rồi từ Hương-cảng đáp tầu đi Ngô-châu, lại từ Ngô-châu đi thuyền ngược lên sông Lý-giang mà lên Quế-lâm, đường đi từ 12 ngày cho đến một tháng).

Từ Thượng-hải đến Hương-cảng là lối tôi đi đã quen. Từ Hương-cảng đến Ngô-châu đi tầu nhỏ mà đường đi cũng an-ổn. Chỉ tự Ngô-châu lên Quế-lâm là đường đi hiểm-ác. Người ta nói : « Một ngày đường một gang nước », thật có như thế.

Thuyền tự Cảng vào cửa Quảng-đông-loan, đi con sông Tây-giang; đến Tam-thủy thuyền đỗ lại giữ bàng. Ở Tam-thủy có đường xe-hỏa lên tỉnh-thành Quảng-đông cho nên từ Cảng đi Quảng-tây cũng có thể đi xe hỏa qua tỉnh-thành Quảng-đông mà thăm bạn, rồi đáp xe hỏa đi Tam-thủy ; lại từ Tam-thủy xuống thuyền đi Ngô-châu.

Khảo trong địa-dư-chí, Ngô-châu tức là quận Thương-ngô ở đời nhà Hán, nhà Tùy gọi là Phong-châu, Đường đặt làm châu, Nguyên đổi làm lộ. Đến Minh cải làm phủ, lĩnh 5 huyện, Thương-ngô tức là huyện sở-tại. Phủ-thành ở ngay cửa sông Tầm-giang và Quế-giang. Tự Tầm-giang mà lên qua Tầm-châu, phủ Nam-ninh, phủ Thái-bình, đến Long-châu là hết ; từ Quế-giang mà lên qua Chiêu-bình, Bình-lạc, rồi lên Quế-lâm. Xưa nước Nam ta đi sứ Tầu, từ cửa ải Nam-quan, qua Long-châu, Thái-bình, Nam-ninh, xuống Ngô-châu. Lại tự Ngô-châu đi ngược lên Quế-lâm, từ Quế-lâm lên phủ Vĩnh-châu về tỉnh Hồ-nam ; qua sông Tương đến Tràng-sa, rồi vượt qua hồ Động-đình mà lên Bắc-kinh. Nhân lúc đi đường lại nghĩ đến nỗi ông cha mình phụng-sứ nước Tầu ngày xưa, trèo non lách suối, lao-đốn biết là dường nào.

Còn nhớ có câu rằng :« 登山臨水送將去, 馴象金人跨洞庭 » (*Đón đưa nước thẳm non xa, người vàng voi lớn vượt qua Động-đình.....*)

Chúng tôi đến Ngô-châu, nghỉ tại nhà khách-sạn. Nhà khách-sạn ở Ngô-châu phần nhiều là nhà bè làm trên mặt nước. Phủ-thành gần bờ sông, về phía bắc núi Đại-vân ; dân-cư trong hoàn-thành đông như tổ kiến, hàng phố buôn-bán cũng thịnh, khổ vì đường-xá hẹp-hòi lầm-lội, nhà ở dơ-bẩn, khách lạ ít ai dám đi chơi. Trên mặt sông, thuyền đậu kín ; tối đến đèn lửa sáng rực, nơi đàn chỗ hát, thật là một chốn đông-đúc dị-thường.

Chúng tôi ở đó hai hôm, cùng một bọn khách năm người thuê thuyền lên

(1) Xem N. P. từ số 38.

Quế-lâm : mỗi người tiền cước 4, 5 lạng bạc, gạo và đồ ăn khách sắm lấy. Thuyền đi 10 ngày, qua 360 cái thác, đến Bình-lạc vừa được nửa đường, còn từ Bình-lạc đến Quế-lâm đã hơi dễ đi, cho nên người ta gọi là Bình-lạc. Từ Ngô-châu lên đến Bình-lạc, núi hai bên bờ sông chôm-chồm, lòng sông lắm đá. Nước chảy siết, có buồm có chèo cũng không dùng gì. Mỗi thuyền thủy-thủ chừng 10 người chia ra hai bọn, mỗi bọn 5 người ; một bọn leo núi mà kéo dây, một bọn lấy sào mà đẩy. Mỗi lúc lên thác, tiếng deo tiếng hò vang-động hang núi. Chèo chống một giờ, ước chỉ lên được vài thước. Trong tập thơ sứ-trình của cụ Phương-đình lúc đi qua Quế-giang có câu thơ « lên thác » rằng :

« 肩篙在板队向後，引纔在山队向前，石勢遥流水怒下，千呼萬唤上灘船 »,
(*Sào chống trên mui quay mặt lại, dây co sườn núi miết đầu đi. Nước suối thuyền ngược lên không được, càng ó càng reo vẫn đứng ỳ.*)

Đọc bài thơ ấy đủ tưởng thấy cách hiểm-nghèo lúc lên thác ở con sông Quế. Tuy-nhiên lên thác chưa bằng xuống thác còn hiểm hơn ; lúc tôi ở Quảng-tây về Ngô-châu, thuyền xuôi đến quá Bình-lạc, gặp phải đá mà bị đắm ; trong thuyền chết đuối 5, 6 người. Tôi bíu được hòn đá, chịu đứng suốt đêm, đến sáng hôm sau, may có người cứu.

Sớm ngày 29 tháng 5, thuyền chúng tôi từ Ngô-châu ra đi, đến trưa mùng 9 tháng 6 mới đến thành Quế-lâm. Lúc tôi đến Quế-lâm, cái cảm-giác lại khác lúc đến Nam-kinh : Đến Nam-kinh thì cảm đến cái lịch-sử hưng-vong của Trung-quốc ; đến Quế-lâm thì lại cảm đến sự thịnh-suy ở nước mình. Vì thành Quế-lâm là một nơi của dân-tộc Trung-quốc thường lấy đấy làm căn-cứ-điểm mà xâm-chiếm nước Nam vậy.

Thành Quế-lâm là một cái đô-thành có quan-hệ với lịch-sử Trung-quốc. Tần gọi là Quế-lâm-quận, Ngô (Tam-quốc) gọi là Thủy-an-quận, Nam-Tống đổi làm Tĩnh-giang-phủ, Minh gọi là Quế-lâm, đến đời Mãn-Thanh đặt tỉnh-ly Quảng-tây ở đấy, có dinh Tuần-phủ, Bố-chánh. (1)

Địa-thế Quế-lâm ở về phía nam dẫy núi Việt-thành, phía bắc dẫy núi Đô-bàng, trong khoảng hai con sông Tương và sông Ly. Núi cao sông rộng, thật là làm cửa ngõ cho mấy tỉnh tây-nam ; cho nên những lúc chiến-tranh, tất lấy đó làm căn-cứ ; Hán sang xâm Nam-Việt, phải kéo quân xuống sông Ly ; Phan-Mỹ làm tướng nhà Tống, vào đánh Nam-Hán, phải lấy Quế-châu trước ; vì ở Trung-nguyên mà muốn vượt qua Nam-lĩnh phải lấy đấy làm thông-đạo. Hoàng-Sào ở thời nhà Đường, từ Quế-châu theo sông Ly mà xuống Đông-đô ; tướng Mông-cổ lúc bại-binh ở nước ta, rút về con sông Tĩnh-giang mới phá châu Thìn châu Hàn (về tỉnh Hồ-nam) mà kéo thẳng đến Đàm-châu ; giặc Hồng-Dương cũng từ Quế-châu theo sông Tương mà xuống, vì ở Nam-lĩnh mà muốn xâm vào Trung-nguyên phải lấy đó làm thông-đạo.

Thành ở về phía tây trên sông Ly. Dân-cư đông, buôn-bán cũng thịnh ; dinh các quan, trại-lính, sở tuần-cảnh, sở thư-tín, sở điện-báo, sở quan-thư, trường sư-phạm, trường sơ-học, trung-học, xưởng công-nghệ, công-ti nông-lâm đều ở trong thành. Ngoài cửa Văn-xương về phía nam thành có trường Lục-quân tiểu-học, có trường Quân-quan Cán-bộ, và các

(1) Sau khi Trung-hoa Dân-quốc thành-lập, Lục Vinh-Đình làm Đô-đốc Quảng-tây, lại đi tỉnh-lỵ về Nam-Ninh.

đồn-trại binh lính cũng ở đó. Chung-quanh nhiều núi, ít đồng-bằng, đất lắm sỏi sạn, người hay khinh-khiêu. Tóm lại, Quảng-tây là một nơi hình-thế, sơn-thủy cũng nhiều chỗ khả quan. Nay tôi xin lược-dịch một bài nói về phong-cảnh Quế-lâm của Cụ Phương-đình trong khi đi sứ Tầu chép ra để các độc-giả cùng xem.

« Lâm-quế là huyện sở-tại tỉnh Quế-« lâm. Đất nhiều núi, lắm ngọn cao. « Bắc có con sông Quế-giang, bên hữu « có 3 ngọn núi Quế-sơn liên-thuộc « với nhau. Ngọn trước hình như con « sư tử ngỏng đầu ; trên đỉnh núi có « giống đan-quế. Mấy ngọn phụ thì « chân le xuống sông, biệt-danh là « núi Phục-ba, núi có hang, trong hang « có lắm thạch-nhũ giỏ xuống như « cái cột treo vậy. Ngọn thứ hai đi « quanh-co khắp một địa-phương. « Ngọn sau lên thật cao, chồng-chất « nhiều hòn đá lạ, nhân gọi là « Diệp-« thái-sơn ». Mặt Bắc có núi Ngu-« sơn (Khi chúng tôi còn học ở Quế-« lâm, hay thể-thao ở đó), trên núi có « những cây thông rườm-rà, ngọn núi « sà xuống nước, dưới có đầm lớn « gọi là « Hoàng-đam » hay là « Thuấn-« đàm ». Mặt tây có núi Tứ-vọng, ngọn « núi lô-nhô như hàng giáo đóng như « măng-mọc, phân-chi từ dẫy núi Diệp-« thái, theo sông Tây-tương [1] mà « đi sang Nam, tiếp với núi Tượng-tỵ.

« Phía đông có núi Thất-tinh, « vị-trí như ngôi sao đầu. Bên có « một ngọn núi nhỏ ở về bên tả « sông Quế-giang, kéo dài đi hơn « 10 dặm. Lưng-chừng núi có cái « động « Thê-ha », vào động vài « mươi bực, đến chỗ đất phẳng, mùa hè « thì lạnh, mùa đông thì ấm. Bên nam « núi Tượng-tỵ có trái núi Ly-sơn, ở « giữa vụng sông Tương, nước tự lưng « núi chảy xuống. Trước cái động đi « suốt từ nam sang bắc, có giòng nước « chảy trông như hình voi tắm, cho « nên gọi là « Tượng-tỵ » [2] Xa nữa, « là núi « Đại-tiểu-Trĩ, » trông như « đàn chim cất đầu chực bay, tục gọi « là núi « Chọi-gà ».

« Giữa thành có trái núi « Độc-tú » « cao hơn 500 trượng. Dưới núi có động, « đi thông sang núi bắc. Trong động có « ghế đá, dường đá, hang đá, la-liệt « như nhà ở vậy. [3] Trên núi có lầu « có đài, ẩn-ước trong mây xanh. Non « xanh bốn mặt, một Quế-giang giải « uấn quanh ở dưới, bóng mây gợn « sóng, coi như hòn núi non-bộ để « dưới cái hồ vuông. »

Chúng tôi đã đến tỉnh, để hành-lý tại nhà hàng, vào thăm mấy người bạn Lưu-quân. Người ta đưa chúng tôi đến sở Binh-bị mà trình công-văn. Bấy giờ quan Tổng-giám sở binh-bị là Trần-mỗ, phải đi Bắc-kinh, có Thái Tòng-Pha [4] làm quyền-nhiếp.

Lúc vào yết, Thái-tiên-sinh tiếp chúng tôi ân-cần lắm, Tiên-sinh nói :

---

(1) Sông Tây-tương trước là một cái khe nhỏ, đến nhà Đường mới khai rộng ra, gọi là Tây-tương. Bờ sông có núi, trên núi có những cây đa lớn, dễ cây chăng xuống đất như cái cửa, nhân gọi là cửa cây đa.

(2) Núi ở bên sông, đá sô xuống nước như cái vòi voi, trong vòi có cái động, chúng tôi đã có lần chèo thuyền vào chơi trong động ấy.

(3) Ngày thi tốt-nghiệp rồi, thầy giáo có đưa chúng tôi cùng các bạn đồng-học lên ăn tiệc trên núi Độc-tú. Tiệc rồi, chúng tôi bảo người giẫn đi xem trong động Đi hơn một dặm, người ta thắp nến mà chỉ những hình đá, có tên là đá Phượng-hoàng, đá Sư-tử, bàn cờ-tiên, bút học-sĩ, vân vân... ước hơn một trăm hình đá.

(4) Thái-Ngạc là một người có danh tiếng ở đời này, năm Dân-quốc thứ 3, Viên Thế-Khải xưng đế, Tiên-sinh đến Vân-nam, khởi binh vào Tứ-xuyên, phá họ Viên lập lại Dân-quốc.

« Cứ thư của Lưu-quán gửi đến, xin cho các anh vào trường Quan-quán ở tỉnh này. Tôi đã trình với quan Tuần-phủ chuẩn cho rồi. Song trường này dạy gấp lấy người ra coi quân, trình-độ có 3 năm tốt-nghiệp. Chỉ lấy những học-trò có bằng trung-học tốt-nghiệp, thi 2 kỳ thi đủ, sau không đặt nữa. Trong nước còn có nhiều trường Lục-quân tiểu-học, học-sinh tốt-nghiệp sẽ phải lên Hồ-Bắc vào Lục-quân trung-học, 3 năm nữa tốt-nghiệp lại phải lên trường Lục-quân Đại-học ở Bắc-kinh, hay là phải đi học-tập bên Âu-Mỹ, để dưỡng nên tư-cách một người quân-nhân. Tương-lai nhân-tài đã đủ, không phải đặt trường « tốc-thành » này nữa. Học-sinh ở trường Quan-quán Cán-bộ, đến tháng 9 năm nay đã thi kỳ thứ nhất, mà học-trò vào học kỳ thứ hai đã lấy đủ từ tháng 9 năm ngoái. Nay các anh mới đến, đã chậm mất nửa năm, chỉ còn 3 tháng thì khảo hạ-sĩ. Song các anh đã đến đây phải chờ để Quân-quan khảo-hạch, hễ trúng-tuyển thì cũng cho vào ; nếu không, sẽ phải vào trường khác. » Tiên-sinh lại nói : « Khảo-hạch là lệ nhà trường, các anh có bằng lòng, ngày mai sẽ cho lính đưa đến trường khảo. » — Chúng tôi xin vâng lời mà về nhà trọ.

Hôm sau, Thái-công sai vệ-binh đến đưa chúng tôi vào học-đường. Đến nơi, đã thấy 2 người khảo-quan, một là trưởng-quan ở sở Binh-bị, một là giáo-quan ở học-trường, hội-đồng khảo-duyệt. Đầu bài khảo là một thể luận bằng Hán-văn « 國民對國之義務論 », một bài toán, một bài đại-số. Tôi thảo bài luận được kỹ-càng, bài toán thì tính theo phép bàn tính mà trả lời cũng đúng, còn bài đại-số thì thiếu hẳn. Khảo-quan biết là chưa có trình-độ trung-học. Còn Nguyên-quân thì làm đủ bài ; vì đã có 3 năm ở trường Nhật-bản.

Trung-quốc khảo học-sinh trọng về Hán-văn; quyển khảo tôi được 13 điểm vào số trúng. Chiều hôm ấy, ra bảng tôi và Nguyên-quân đều được lĩnh quan-phí mà vào học. Bấy giờ chúng tôi đã nghiễm - nhiên là học - trò ăn lương của nhà-nước.

Học-trò chia ra làm 5 ban : Bộ-binh, Pháo-binh, Mã-binh, Tri-trọng-binh và Công-binh. Tôi vào ban bộ-binh, tập đứng thẳng, tập bồng súng, tập chạy, tập quì, trong ba tháng trời, học về lớp hạ-sĩ, mình - mẩy đau như dần, 10 hôm trước, còn cứng chân cứng tay, ai thấy cũng tức cười, tự mình cũng lấy làm bẽn-lẽn. Đổi nho-phục ra bộ quân-nhân, vai vác súng, lưng đeo gươm, có khi không biết mình là ai. Song tập mãi nên quen, rồi sau cũng lấy làm tự-đắc.

Lúc tôi mới vào nhà trường phải dụng-công hơn kẻ khác ; vì toán-học tôi chưa được thạo, mỗi lúc giờ nghỉ phải chuyên-cần học riêng, có hôm 12 giờ đêm chưa dám đi nghỉ. Như thế vài tháng nhờ có Nguyên-quân cũng chịu khó chỉ bảo. Vả lại lúc tôi ở Nam-kinh Thượng-hải đã tập nói tiếng phổ-thông của Trung-quốc là tiếng thích-dụng ở nhà trường ; cho nên lúc giảng-luận lúc hỏi-han cũng tiện. Vậy biết những khi lưu-lạc cũng là lúc dự-bị cho chúng tôi vào trường mà học.

Tháng 9 là kỳ khảo lớp hạ-sĩ, tôi dự-trúng vào lớp Quân-quan. Cứ lệ trường « Quân-sự tốc-thành » 2 năm tốt-nghiệp, bổ ra làm Thiếu-úy. Ngày tôi vào học là tháng 9 năm Tuyên-thống thứ 2 (1910), đến 2 năm sau (1912) mới thi tốt-nghiệp. Nhân tài-chính ở Quảng-tây thiếu tiêu, các quan rút kỳ học lại, hạn có một năm nữa, lấy tháng 9 sang năm là kết-cục. Phải thêm thày giáo, dạy gấp bài lên cho học-trò. Từ 8 đến 10 giờ sáng từ 2 đến 5 giờ chiều là lúc phải luyện-tập ở

ngoài đồng. Còn các giờ khác thì học trong lớp học những khoa trúc-thành, chiến-thuật, địa-hình, pháo-binh, binh-chế, vân vân...

Cả ngày lao-lục không được lúc nào rỗi. Song cũng nhân thế mà thân-thể chân-tay đều được mạnh-mẽ, ăn uống tiêu-hóa. Còn nhớ trong thao-trường có cái thiên-k ều cao lắm, tôi thường từ trên nhảy xuống ; lại trong 1 giờ 20 phút chạy được một hơi ; có hôm mang đồ quân-trang suốt ngày mà đi tự tỉnh-thành đến Sầm-gia-hoa-viên, đường đi đường về 120 hoa-lí. Ôi ! đến như bây giờ ăn dưng ngồi rồi đã quen, ngày càng đồi-đường, còn làm gì được nữa !

Quế-lâm gia-đình

Mỗi ngày lễ-bái nghỉ học, các học-sinh hoặc đi thăm bạn, hoặc về nhà riêng ma hưởng cái lạc-sự trong gia-đình. Còn chúng tôi ngoài không có bạn-bè, trong không có thân-thích, đi biết là về đâu, ngày nghỉ cũng như ngày học, chỉ lấy học-đường làm chốn gia-đình nơi khách-địa. Tuy-nhiên, ngoài cửa Văn-xương, có một người An-nam ở đó, thế mà chúng tôi không sớm biết, cứ chịu bấy nay lạ-lùng tịch-mịch.

Một hôm, có người vệ-binh vào bảo tôi : « Ngoài cửa trường có một bà già xưng là người An-nam, xin mời các thày ra mà hỏi chuyện. » — Tôi nói : « Chú lầm rồi, chúng tôi không phải là người An-nam, có quen biết bà già An-nam nào. Chú bảo người ta đi chỗ khác. » — Hôm sau, người vệ-binh lại đến nói : « Bà già An-nam có công chờ các thày đã 3 hôm nay ở ngoài cửa. » — Tôi bảo Nguyên-quân : « Không biết có người nào chờ đợi chúng ta làm gì như vậy. Ta phải ra xem, liệu lấy lời khước đi, cho khỏi quan trên sinh nghi. » Chúng tôi vừa ra, thấy một bà già, lấy tiếng An-nam mà hỏi chúng tôi rằng : « Già vừa nghe bạn học-trò nói chuyện có mấy người An-nam vào học đây, có phải các thày không ? » — Tôi cứ nói tiếng Tầu đáp rằng : « Chúng tôi là người Trung-quốc, vả trong trường không có học-trò An-nam nào, người ta nói lầm chớ tin, xin bà về chớ có hỏi nữa. » — Bà già nói : « Các thày không phải là người An-nam, sao hiểu lời tôi nói mà trả lời ? Già xin nói thật, già lìa nước lìa nhà, lìa cha lìa mẹ, đến đây đã 30 năm ; mắt không được thấy mặt người bản-quốc, tai không được nghe tiếng người bản-quốc. May mà được tin có các thày ở đây, lấy làm mừng quá. Các thày ôi ! nào già có cầu-cạnh gì, chỉ cầu các thày nhận là người An-nam, nói đôi tiếng An-nam cho già nghe, 30 năm lưu-lạc, lại được gặp người cố-quốc, dù có chết cũng vô-hám. » Nói rồi, nước mắt chảy ra ròng-ròng, tôi cầm lòng không đậu. Song cứ lấy tiếng Tầu mà đáp rằng : « Chúng tôi không phải người An-nam, nói thế nào được tiếng An-nam cho người nghe. »

Nguyên-quân bèn vỗ vai tôi mà nói : « Thôi, anh cứ sai-lầm mãi, cứ nói dối với người già làm gì thế. » Bấy giờ chúng tôi nói thật, ôn-tồn mà hỏi nhà bà già ở đâu, để đợi ngày lễ-bái nào sẽ đến thăm.

Nguyên bà già này là người An-nam, ở Bắc-kỳ về tỉnh Bắc-ninh, lưu-lạc sang Tầu từ năm 17 tuổi (1884). Một ngày lễ-bái, chúng tôi đến nhà chơi ; bà già nhân thuật lại rằng :

« Tôi không nhớ rõ làng tôi ở đâu ; « chỉ nhớ cha tôi là Tri-huyện. Lúc « còn nhỏ mỗi sáng tôi hay đi chợ tỉnh « mà mua đồ ăn. Năm tôi 17 tuổi có « quân Thanh-biền đóng gần nhà tôi. « Ngày ngày tôi thấy họ đi dong phố, « tôi cũng coi làm thường không sợ hãi

« gì lắm. Một hôm, mẹ tôi sai tôi đi ra « bờ hồ mà giặt áo. Tôi có đem đứa em « trai 7, 8 tuổi đi theo. Em tôi đứng « trên bờ hồ nhặt lá ném xuống nước « mà chơi. Tôi đương đứng dưới hồ « mà giặt, chợt nghe đứa em tôi gọi « lên rằng : « Chị ôi ! có lão Mã-tấu « đã đến. » Nhân quân Tầu hay vác « mã-tấu đi dọa người ta mà mua bán, « cho nên trẻ con hàng phố gọi là quân « Mã-tấu, ở nhà tôi cũng thường lấy « lão Mã-tấu mà dọa em. Em tôi gọi « tôi chưa dứt lời, thì có lão Mã-tấu « hăm-hăm đến thật, kéo tôi lên bờ. « Em tôi thất-kinh, lăn xuống đất mà « kêu khóc. Một mình tôi không chống « được, muốn chạy lại ôm lấy thằng « em, bị quân hung-đồ kia giữ chặt, « không sao cựa được. Chúng trói tôi « rồi, bỏ vào cái sọt mà khiêng đi. « Bấy-giờ tôi hoa mắt, không trông « thấy thằng em đâu nữa ; chỉ nghe « tiếng gọi : « Chị ôi ! chị ôi ! ối ! « chị ơi ! » Thảm hại thay ! cái tiếng gọi « của em tôi làm cho tôi đau lòng đứt « ruột. Cả ngày hôm ấy, chỉ văng-vẳng « tiếng em gọi chị và tiếng tôi kêu trời « kêu đất, khóc mẹ gọi em. Cho đến bây « giờ, những lúc một mình thanh-vắng, « còn nghe như tiếng em tôi gọi tôi. « Tàn-bạo thay ! hiểm-ác thay ! là quân « Thanh-biền ! Tôi còn ghi xương chép « dạ cái thù này, chửa sao quên được. « Tính-chất một người đàn-bà ít có « liêm-sỉ ; nếu không, thì đã chết tự « bao-giờ, còn nhẫn-nhục đến ngày « nay sao được.

« Lúc quân Tầu đánh thua phải « rút về khỏi đất An-nam, thì cướp lấy « của-cải đàn-bà con-gái mà đi, có lắm « người bị-hại. Thương thay ! thân tôi « bị bắt về đến Long-châu thành ra « một mối hàng buôn-bán ; trong một « năm khỏi tay này qua tay khác, đã 19 « người. Người chủ-nhân tôi bây giờ « là người thứ 20 chẵn. Chủ-nhân tôi « họ Trần, trước làm Quản-đài, nay đã « về hưu-trí. Gặp tôi tại nhà một người « thuộc-binh. Hỏi biết đầu đuôi, lấy 80 « lạng bạc mà chuộc tôi về. Bấy giờ « chủ-nhân tôi còn đóng Đội, 5 năm « nữa mới lên Quản, vì thất nội-trợ « đem tôi về làm kế. Trần Quản-đài « xuất-thân võ-biền, mà có lòng từ- « huệ hiếu-thiện, hay yêu người. Không « thấy tôi lưu-lạc mà hắt-hủi. Tơ tóc « được 4 năm, sinh được một trai « không nuôi được 8 năm sau mới « sinh một gái nay đã 19 tuổi. » Lúc nói, tay chỉ đứa con gái mà nói rằng : « Con này thông chữ Hán, may-vá « khéo, nói được tiếng An-nam. Vì thế, « tôi không muốn gả cho người Tầu, ý « con tôi cũng vậy. Cho nên kẻ dòm- « nom cũng nhiều, mà nó từ-chối cả. » (Bà-già nói đến đấy, người con gái đỏ mặt có ý bẽn-lẽn). Bà-già lại nói : « Tiếc thay ! hôm nay chủ-nhân đở việc « làm ruộng trong trại, không được « tiếp các anh. Ông ấy là một người « từ-thiện, nay đã 70 tuổi. Từ 10 năm về « trước, tôi có lấy cho một người hầu, « để mưu tự-dục, nay đã được một đứa « con trai lên 10. Chủ-nhân là ân- « nhân tôi. Vì tôi cũng có công tần-tảo « mà gia-đạo nay cũng được thanh- « nhàn. Tôi sinh đứa con gái từ tỉnh « Nam-ninh. Chúng tôi về đây đã 12 « năm, vì chủ-nhân đã về hưu, nên mới « đem chúng tôi về đây là quê-hương « của chủ-nhân vậy.

« Không bao giờ tôi quên tiếng bản- « quốc ; lúc vô-sự cứ lẩm-bẩm một « mình cho nhớ ; và dạy đứa con gái « nói, để những lúc canh khuya người « vắng, mẹ con thỏ-thẻ cho đỡ buồn. « Từ 20 năm về trước, tôi ở Nam- « ninh, có gặp một người cùng bạn « đàn-bà an-nam bị quân Thanh-biền « bắt. Mà người kia từ lì khỏi nước, « thì quên hết cả tiếng xứ mình, cũng « không muốn cho ai gọi mình là « người An-nam nữa. Ôi ! người mà

« quên cả ông cha, gọi là người « vong-« tổ » có kể là người được chăng ! »

Bà già nói tiếng An-nam còn lanh mà hay lầm, cũng vì đã lâu không cùng người ta nói chuyện, sao cho khỏi lầm được : như gọi cái bàn ra cái ghế, gọi cái chiếu ra cái giường v. v... Từ bấy giờ mỗi ngày nghỉ học, chúng tôi lấy nhà họ Trần làm nơi tự-lạc. Chúng tôi ở nhà trường ăn mặc đã có quan-cấp, mỗi người mỗi tháng còn lĩnh 10 đồn tiêng xài. Chúng tôi giao cả cho bà già để chi-liệu đồ lồn-phí những lúc chúng-tôi ra ở đó. Nhà ở họ Trần cũng rộng rãi, có hai cái phòng không, sắm đủ giường màn cho chúng tôi tiện-dụng.

Lúc chúng tôi ở trường học ra, mới vào đến cửa, bà già đã gọi lên rằng : « Trần Tuệ-Nương, anh con đã về đấy. » Trần Tuệ-Nương là tên người con gái. Ôi ! một đoạn « thảm-sử » của người con gái này, sau tôi sẽ kể. Khi tôi về nước còn nhớ đến Trần Tuệ-Nương. Trong báo Nam-phong, kỳ đặc-biệt, tôi có thảo một bài « 求我庶士 » ký tên Trần Tuệ-Nương, cũng là để một chút kỷ-niệm. Tuệ-Nương sinh ở Trung-quốc, chẳng những là nói được tiếng Nam, cách nấu ăn cũng theo mẫu-giáo mà có phong-vị An-nam cả. Một hôm tôi vào nhà mới ngồi, bà già nói ngay : « Các con bây giờ mới về, em mày nó đã giọn cơm sẵn. » Cơm rồi, bà già lại ép rượu bảo tôi rằng : « Con muốn nghe hát không ? Con gái già hát nhà-trò hay lắm. Già bắt hát một bài cho nghe. » Gọi ngay người con gái ra mà bảo : « Cô-dầu đâu ra đây, để quan-viên đợi mãi. » Tuệ-Nương đỏ mặt không nói, lấy mắt lườm người mẹ. Chúng tôi vội gạt ngay đi. Bà già nói : « Thôi, để già thử hát vậy. » Liền lên giọng hát rằng : « *Ai đem tôi đến chốn này, bên kia thì nứt bên này thì sông.* » Chúng tôi nghe hát phì cười bảo rằng : « Già lầm rồi, đấy không phải là câu hát nhà trò. » Bà già nói : « Thế thì câu hát đò-đưa đây. » Rồi lại sẽ cất tiếng hát rằng : « *Vác chuông đi đánh nước người, không kêu cũng đánh một hồi lấy danh.* » Tôi lại cười và nói : « Đấy là câu hát ru em. » — Bà già nói : « Thế thì thôi, già chỉ biết thế mà thôi. »

Một hôm tôi vừa vào nhà, nghe bên phòng có tiếng người, tôi gõ cửa. Cửa mở, tôi vào thì thấy hai mẹ con bà già đang thái dâu cho tằm ăn. Bà già nhìn tôi mà nói : « Con ôi ! Nếu mày đi học cũng có được một người vợ ở nhà chăm việc tằm-tang, thì vui thú lắm nhỉ ! » — Tôi nói : « Lưu-lạc như con, làm gì có vợ. » — Bà già chỉ đứa con gái mà nói : « Con em thường hỏi : nước Nam có cây dâu không ? Nó muốn theo già về Nam mà giữ nghiệp chăn tằm. » — Tôi nói : « Cô em hay làm giúp đỡ già được. Chỉ hiềm con gái yếu-đuối, ở đâu sinh-nhai đó còn hơn, hà-tất đứng núi này trông núi nọ. » Tuệ-Nương nói : « Anh bảo chúng tôi không về An-nam được hay sao ? » Tôi nói : « Về được, song cảnh về sẽ ra thế nào ? Tôi không biết. » Nghe nói, hai mẹ con ra ý không vui.

Cách 4 tháng sau, Trần chủ-nhân ở nơi làm ruộng đã về ; có viết thư vào nhà trường mà mời chúng tôi. Hôm chủ-nhật, chúng tôi đến thăm ông. Ông là người ôn-hòa, có lễ-độ, ra người cổ-phong. Ông hỏi chúng tôi đi xa cầu-học, mục-đích để làm gì. Tôi nói : « Vì cha mẹ không muốn cho tôi đi đâu khỏi nhà, như thế thì khó nỗi theo thầy cầu-học được, mới phải cất mình đi xa. » — Ông nói : « Đạo làm con xuất tất cáo, phản-tất-diện, các anh không cáo với cha mẹ mà đi, thực để phiền lòng cho cha mẹ ; mong con đã mòn con mắt, các anh cũng nên sớm liệu mà về. » — Tôi nói : « Chúng tôi đã đi, học chẳng nên thân, biết lấy gì tạ-tội

với cha mẹ. Vả kỳ thi tốt-nghiệp đã gần đến, bấy giờ sẽ tính đường về.» — Ông nói : « Còn phải chờ bao lâu nữa? » Tôi nói : « Phải 3 tháng nữa. » — Ông nói : « Cũng được, song các anh phải nhớ. »

Nghe lời ông nói, lòng càng cảm-thương : *Thông huyên tuổi hạc càng cao, khách-du mong-mỏi biết bao giờ về?*

Trước kỳ thi tốt-nghiệp chừng một tháng, tôi đang phải ra ngoài đồng mà tập nhắm về địa-đồ, chợt gặp Bà già trong phố, bà hỏi : « Đã hai tuần nay sao con không về ? Hễ khảo tốt-nghiệp rồi, con định bao-giờ thì về An-nam ? — Gần kỳ thi khảo, việc học càng nhiều, nào đã kịp tính đến việc về nước. — Già đã sắm-sửa đồ trang đồ mặc cho con em, của riêng già có chừng 2 nghìn bạc, thu nhặt để làm đồ hành-trang cho em mày cả. Hôm nay già còn sang sớm Bắc mà thu nợ, qua đường mới gặp con đây. Con liệu tồn-phí cho em mày bấy nhiêu đã đủ chưa ? — Cô em đi đâu ? hay đi lấy chồng. — Tôi nói vừa dứt lời, bà-già nổi-gắt lên mà nói : « Lấy ai, lấy mày đấy. » — Tôi nói : « Già nói chi thế, có sự gì buồn bực, mà mất lòng Già chăng ? » — Bà-già sa nước mắt mà nói : « Anh ơi ! Không phải Già có điên-dồ, tự đem con yêu con quí mà ấn cho người. Con già đã lớn, đã tập nữ-công, lại theo ít nhiều bút-mực. Cha nó là quan võ, song cũng không hèn. Xưa nay bao nhiêu là người hỏi, mà chưa nhận lời ai, cũng vì khoái-khoắc bấy lâu tấm lòng tổ-quốc. Thân già đã đành một đời lưu-lạc, còn mong đem nắm xương tàn về chôn đất tổ, bọa có ngày lại gặp tiên-nhân nơi chín suối, thế là mãn-nguyện. Hai mẹ con già hình-ảnh nương nhau, mẹ đâu con đấy. Các anh xem nó cố học tiếng Nam, nấu đồ ăn An-nam, muốn làm bạn với một người An-nam, để sớm khuya gần mẹ. Chỉ vì thân gái dặm trường, trèo non vượt bể phải có người ký-thác. May gặp các anh ở đây, thực là cái hạnh-phúc cho mẹ con tôi lắm. Mẹ con tôi đã định nếu anh có lòng yêu đến, xin trọn đời kỳ thịt gửi xương. Không thế ra nữa, khi các anh về cũng xin bảo-hộ cho mẹ con tôi về đến cố-hương, thật là cái ơn tái-tạo. Con ơi ! Lòng già chờ đợi đã một năm nay. Vì con học-nghiệp chưa thành, cho nên chưa dám nói rõ. Nay con đã đến ngày thư-thả, có lẽ nào coi già như người dưng ! »

Nói rồi, lấy trong túi ra một cái giấy, đưa cho tôi mà bảo rằng : « Đã hai tuần-lễ nay, em mày không thấy anh về. Hôm trước viết cái thư này, dặn già đem đến nhà học mà đưa cho con. Vừa gặp tên lính canh nói con đi họa-đồ ở đây. Già mới đi quanh mà tìm con. Con thử đọc xem em con nói gì. »

Thư dịch ra như sau này : « Đã « hai tuần nay, anh không về chơi, « mẹ tôi mong-mỏi. Kỳ khảo đã đến, « tiền-đồ các anh càng rộng, thực là « đáng mừng. Nghĩ em, thân bồ vóc « liễu, bẩm-tính ngu-muội, không « biết làm gì cho vui lòng mẹ. Mẹ tôi « hiếm-hoi, tuổi hạc càng cao, lòng « quê càng thiết. Bỏ cha theo mẹ, « nghĩa cũng không đành ; may mà đi « tôi đã có em trai, để giữ tôn-tự. Còn « em phận gái, xin trả nghĩa cho mẹ « già. Nam, bắc, đông, tây, có con cứ « mẹ.

« Từ khi gặp được các anh là « người « *đồng-hương* », là người « *tri-kỷ* ; mẹ con đà dự bị hành-trang, « chờ cho các anh đến ngày tốt-nghiệp. « Nay nghe đã sắp đến ngày khảo-thí, « tốt-nghiệp rồi, các anh định ngày « nào thì về, xin anh bảo cho biết. « Anh ơi ! mẹ con tôi trông cậy các « anh đã lâu lắm, chớ gì các anh sẵn

« lòng đưa-giắt, cái ơn kết-cỏ bao giờ « dám quên. Vả lại, đường đi tịch-« mịch, có chúng tôi làm bạn cho vui, « việc làm ơn cho người đồng-hương, « có điều gì mà anh ngại. Các anh là « người hiệp-sĩ, nên chăng xin bảo.

« Trần Tuệ-Nương kính-thư. »

Tôi xem cái thư rồi, liền bảo bà-già : « Nay thì-giờ chúng tôi ít lắm, chửa có thể giải bầy cho hết, xin hôm sau sẽ có thư trả lời cho cô em. » Bà-già trở về, hôm sau tôi phục-thư cho Tuệ-Nương, đại-ý nói rằng : Cô-em có hiếu với mẹ, có cảm-tình đối với những kẻ đồng-hương với mẹ, thực là kính-phục. Chúng tôi tốt-nghiệp rồi, hãy còn phải học thêm, hoặc đi Bắc-kinh, hoặc đi Nhật-bản, chưa định về bản-quốc được, xin Cô-em cùng Mẫu-thân ở lại mà hưởng-phúc đoàn-viên với chủ-nhân là phải.

Tuần-lễ sau, tôi được rỗi, vừa về chơi, thì thấy Bà già đưa cho cái quạt của nàng Tuệ-Nương tặng tôi. Trong có vẽ người con gái hái dâu, và có câu thơ rằng :

陌上桑條採採歸
桑刀細切飼蠶兒
山南山北情相繫
他日憑君萬丈絲

Ngày ngày lên bãi hái dâu,
Cành dâu thì bỏ lá dâu nuôi tằm.
Bắc nam chút nghĩa đồng tâm,
Vương tơ luống những ám-thầm đợi ai.

Tôi họa lại ngay một bài rằng :

桑陌何人採採歸
歸來珍重語蠶兒
藕成莫縈遊人足
却怕風塵易斷絲

Kia ai lên bãi hái dâu.
Khi về nhắn-nhủ một câu cho tằm.
Vương tơ vương khéo nữa lầm,
Phong-trần hỡ dễ buộc cùng khách du.

Từ đấy Tuệ-Nương không lại viết thư cho tôi nữa. Ái-ngại thay ! cho mẹ con nhà họ Trần. Mẹ thì : *Bóng chiều đã xế ngang đầu, trông về cố-quốc biết đâu là nhà.* Con thì : *Ngày-thơ chút phận yếu-đào, nghĩa cha tình mẹ bên nào nặng hơn ?*

Thế mới biết lòng ái-quốc, đàn-bà thâm hơn đàn-ông, tình yêu-mẹ, con trai không thiết bằng con gái. Thế mà mình là giống gì, nỡ vô-tình như mộc-thạch, để phụ lòng tín-ái của người ta. Thôi ! Chẳng qua cái cảnh-ngộ mình không đem mà tỏ với ai được ; thà chịu phụ nghĩa riêng còn hơn hại đến việc lớn. Sự ấy lòng tôi đã quyết, mà Nguyên-quán cũng thường lấy điều ấy mà khuyên tôi. Sau chúng tôi nhân công - khóa nhà trường ngày càng nhiều, mà đi lại nhà họ Trần ngày càng ít.

Năm ấy, nghe tin Dân-đảng muốn xuất-động, nhà trường thi gấp kỳ tốt-nghiệp tự sơ-tuần tháng 8, tôi được văn-bằng Bộ-binh về hạng ưu-đẳng. Nguyên-quán cũng trúng-tuyển bổ ra làm Quân-quan sở binh-bị. Tôi quyết ý đi Bắc-Kinh mà tìm đường tiến-thủ. Trước khi đi, tôi đi vào chào các quan và cảm-ơn các thày giáo, và từ biệt với anh em đồng-học. Rồi đến nhà họ Trần mà tạ-từ.

Lúc đến nơi, chỉ thấy Trần-ông ở nhà, ông nói : « Đã hai hôm nay, mẹ con chúng nó không biết đi đâu, đang cho tìm chưa thấy. » Tôi nghe nói kinh-ngạc, vội về nhà trọ để bảo cho Nguyên-quán hay. Vừa vào thành, thì gặp tên người nhà ở cũ với họ Trần, đang đứng một bên đường, thấy tôi vội đến mừng-rỡ mà nói : « Thưa thày, Bà tôi và Cô tôi đang đợi thày ở Đại-Khư, bảo tôi đi mời thày, tôi đã mất công nửa ngày tìm thày, đâu cũng không

thấy. » — Tôi hỏi : « Bà với Cô đi cả hay sao ? » — Thằng đồng nói : « Đi rồi, hiện ở nhà người bà con tại Đại-Khư, chờ thày đến sẽ thuê thuyền. Thày đi, kẻo cả nhà chờ đợi mãi. » — Tôi nói : « Được, con về nhà trọ với thày, để thày sắp đồ hành-lý. » Tôi đưa thằng đồng về trọ ; rồi đến ngay mà bảo Trần-ông. Trần-ông nói : « Mẹ con nhà này có chí về An-nam đã lâu ; tôi ngăn - trở đi, là vì không ký-thác được ai. May chuyến này thày có về, thày cho tôi gửi, cho thỏa chí mẹ con nó, tôi cũng được yên lòng. Bấy lâu nay thấy các thày, tôi cũng có lòng yêu-mến. Muốn ký-thác mà chưa dám nói ra, vì xem ý các thày không tán-hành. Song chí mẹ con nó đã quyết ; sớm muộn cũng bỏ đây mà đi. Thày đi lại đây đã thành quen-thuộc, không điều gì phải khách-khí, xin thày giúp cho. » — Tôi nghe ông nói tự sa nước mắt và bảo ông rằng : « Chúng tôi xa-lạ đến đây, được nhờ bóng cửa, cả nhà tin-yêu như ruột-thịt, cũng lấy làm cảm-ơn lắm. Nếu chúng tôi đã định về, xin hết lòng hộ-tống Qui-quyến về cho đến nhà, bỏi cho đến làng đến họ. Ngặt vì cảnh-ngộ chúng tôi đang lúc truân-kiển, chưa có thể về được. Cho nên chưa dám nhận lời, không phải là có bạc cùng người, thực e để lụy đến người vậy. » Tôi liền đem cái lai-lịch phải bỏ nước mà đi, và cái khốn-nạn phải lo lúc về nước mà nói cho ông nghe. Ông nói : « Vậy thày hãy đến Đại-Khư mà giảng-giải cho mẹ con nó yên lòng, chỉ nói : « Chờ đến ngày đại-học thành-công sẽ định kỳ qui-quốc. » Tôi cũng xin ông dung-thứ cho mẹ con, cho khỏi thêm cái ác-cảm trong gia-đình. Ông nói : « Từ 10 năm trước, gia-kế tôi đà suy, may duy-trì lại được cũng là nhờ tay tần-tảo, vả-lại vì thân già mưu tự-dục, lại là người có công. Tuổi già thì nhớ cố-hương cũng là thiên-tính, con xin theo mẹ cũng là chí-tình. Vì tôi không hay giữ lời ước cũ, để mẹ con phải trốn ra ; tôi không trách mình, còn trách ai nữa. Xin thày chớ lo. Tôi là người khoan-hòa, mẹ con nó đã biết. » Tôi vâng lời đến ngay Đại-Khư mà thăm Trần-mẫu và Trần-nữ.

Mẹ con nghe lời giảng-giải, cũng yên lòng chờ lại ít lâu ở Quế-lâm. Tôi phục-tin cho Trần ông. 3 hôm sau tôi cũng sắm-sửa lên đường. Lúc đi, ông bà đến tiễn tôi ra bến. Bà-già đưa cho tôi một cái khăn-là, có câu thơ của người con gái đề rằng :

勿忙遊子推舟去
是我停針靜坐辰
臨行不欲送君別
留待他年附翼飛

Khách du vội giục chèo lan,
Dừng kim dang lúc bàn-hoàn niềm tây.
Đưa chàng vắng buổi hôm nay,
Theo chàng xin đợi ngày này năm sau

Thương - tâm thay ! Gái đa-tình ! Kết-cục ra thế nào, thực mình không đại-chủ được. Phàm người ta đã biết nghĩa-vụ là trọng, phải coi ái-tình là khinh. Tuy-nhiên ái-tình có thể giứt được mà nghĩa-vụ đà dễ nên đâu ! *Sông Ly chín khúc sầu trường, quyết đem cho nước thác vàng chảy xuôi !* Nhớ đến ngày nào hai thân đang bệnh, đàn con còn si, thế mà giơ tay gạt lệ, dất tình ra đi ! Ôi ! Ai sua ai đuổi, cho mình lưu-li ? Chẳng qua đã nhận hai chữ nghĩa-vụ, tự - nhiên không biết ái-tình là gì. Tôi nghĩ đến đấy, liền mở hàm lấy bức khăn-là, xé ra từng miếng ném xuống sông, phú cho giòng nước chảy.

Ôi ! Một đoạn thảm - sử của người con gái này, đã diễn ra từ sau một năm khi tôi đi khỏi tỉnh Quế. Song tôi muốn thuật ngay ở chương này,

là dù không duyên nợ ba-sinh, cũng mượn sức ngòi bút để báo lòng tri-kỷ. Tuệ-Nương ! Tuệ-Nương ! Biết chăng chăng biết ? Cái nghĩa-vụ tôi đối với Nàng đến chương này là hết.

Năm 1913 ngày tháng 10, tôi từ phủ Trùng-khánh tỉnh Tứ-xuyên về Thượng-Hải, gặp Trương-quân là bạn đồng-học bảo tôi rằng : « Trong nhà « họ Trần, ở Quế-lâm là người đồng-« hương với anh, khi anh đi khỏi, đã « diễn ra một cái bi-kịch ; anh có nghe « không ? » — Tôi nghe nói thất-kinh, vội hỏi điên-mạt. Trương-quân nói : « Số là lúc anh đi rồi, có người hỏi « Trần Tuệ-Nương làm thiếp. Tuệ-« Nương không chịu. Người kia lấy điều « làm thù. Nhân lúc dân-quân khởi, « người kia đem quân đến mà bắt thiếp. « Mẹ con cố-ý chống lại. Người kia lấy « súng tay mà bắn chết đứa con gái. « Người kia là ai ? — Tức là..... ».

Thương thay ! Thương thay ! Tin này vì sao mà đến tai tôi ? Thật hay hư ? Tuệ-Nương ơi ! Viên đạn bất-tình đã tìm người bạc-mệnh ! Tức thay ! Mình không ở đấy, giết đứa vô-lương để tế mồ người liệt-nữ. Thôi, nàng đã nên người bạc-mệnh, than mà chi, khóc mà chi ! Thương tâm-vô-vị ! Bấy giờ tôi giót một hồ rượu, đốt một tuần hương, làm bài văn khóc Tuệ-Nương ở Thượng-hải.

(*Còn nữa*)

• NGUYỄN BÁ-TRÁC

KHẢO-CỨU VỀ NGHỀ LÀM ẢNH

Người xưa chưa có nghề chụp ảnh thời có nghề vẽ truyền-thần cũng là một nghề mỹ thuật vậy. Nghề ấy mỗi ngày mỗi phát đạt ra là cũng nhờ được nhiều tay thiên-tài chuyên-môn đã vẽ được lắm bức tranh kiệt-tác. Nay bàn riêng về nghề làm ảnh.

Nghề này ra đời từ năm 1829, tính đến nay cũng đã gần được một thế-kỷ rồi. Người mình biết cũng đã lâu, song ngoài những nhà chụp ảnh, ngoài những tay đã thiệp-liệp về các môn học Thái-Tây, tưởng cũng còn nhiều người chỉ biết là chụp ảnh, chớ chưa biết tại làm sao mà chụp ảnh. Nay tôi viết bài này cũng là vì cớ ấy, chớ không phải là giám mở ra một khoa học chụp ảnh, xin độc-giả biết ý cho.

Nguyên năm 1829 có một nhà hóa-học Đại-Pháp tên là NIEPCE (1765-1833) nhân một hôm pha thuốc thấy chất « bô-lỗ-ngân » (*bromure d'argent*) khi đem ra ánh sáng thời sạm lại, tiên-sinh liền chú-ý mà nghiên-nghĩ ; sau tiên-sinh cùng với ông DAGUERRE (1789-1851) nghiên-cứu mà phát-minh ra máy chụp ảnh, đặt tên là « *Daguerréotypie* ». Máy chụp ảnh có từ bấy giờ vậy. Máy ấy cần phải có ba cái nguyên-chất là :

1· — Nguồn ánh sáng (*source de lumière*) ;

2· — Ngoại-nhõn-kính (*objectif*) ;

3· — Các thứ thuốc muối cảm được ánh sáng (*sels impressionnés par la lumière*).

Lần-lượt xét qua-loa về mấy cái nguyên-chất ấy như sau này :

Nguồn ánh sáng (*source de lumière*)

Nguồn ánh sáng tự đâu mà sinh ra ? Gồm tất cả là tự :

1. — Các chất tự - sinh ra ánh sáng (*corps lumineux*) như mặt trời, ngôi sao, ngọn lửa...

2. — Các chất cảm - thụ lấy ánh sáng ngoài rồi phản-chiếu ra (*corps obscurs*), như mặt trăng, cái gương, đầm nước...

Các chất sau, lại chia làm ba hạng.

1. Hạng trong (*corps transparents*) như không-khí, mặt kính, nước lã... có thể để cho ánh sáng chiếu qua được, và người trông suốt qua được ;

2. Hạng bóng (*corps translucides*) như mặt kính ráp, tờ giấy mỏng... có thể để cho ánh sáng chiếu qua được, nhưng mắt người không trông suốt qua được.

3. Hạng tối (*corps opaques*) như các loại kim - khí, gỗ, gạch... không để cho ánh sáng chiếu qua được, và mắt mình cũng không trông suốt qua được.

Ta cứ lần-lượt lấy một miếng kính, một tờ giấy, rồi một mảnh đồng, để trước ngọn đèn mà nhìn thời đủ biết. Những chất trên này, mắt ta sở-dĩ trông thấy được là vì nó hoặc tự chiếu ánh sáng ra, hoặc hấp lấy ánh sáng ngoài rồi chiếu ra nhất-danh là nguồn ảnh sáng (*sources de lumière*) cả. Nguồn ánh sáng chiếu ra xung quanh mình những tia sáng rất thẳng. Ở trong buồng tối cứ đục một lỗ hổng nhỏ cho ánh sáng mặt-trời chiếu vào, thời nhờ có bụi ở trong buồng, ta sẽ thấy rõ thế.

Ta đã biết rằng xung quanh nguồn ánh sánh có những tia sáng chiếu rất thẳng đường, nay ta đục một lỗ tròn con ở trong tường đối-diện với một cái ở ngoài chẳng hạn; rồi ở trong ta liệu dơ một tờ giấy trắng trước lỗ hổng, thời ta sẽ thấy trong tờ giấy trắng ấy có hình cái cây. Nhưng hình cây ngược. Cái đó là vì cớ gì thế ? Xin thưa rằng : một tia sáng từ trên ngọn cây chiếu thẳng xuống lỗ hổng lại một tia sáng tự dưới gốc cây chiếu thẳng lên lỗ hổng ; hai tia sáng ấy khi đã qua lỗ hổng rồi, thời lại cứ thẳng đường của mình mà đi. Cái tia sáng ở dưới gốc cây cứ chiếu thẳng lên mà in vào tờ giấy, nên hình cái gốc cây ở trên; còn cái tia sáng ở trên ngọn cây cứ chiếu thẳng xuống dưới mà cũng in vào tờ giấy ấy, nên hình ngọn cây ở dưới. Thành ra hình cây ngược vậy.

Ta đã biết thế là thu được cái hình ở ngoài vào. nay ta xét xem nên làm thế nào cho cái hình ấy được gọn-ghẽ, rõ ràng. Nói về nhờn-kính.

Nhờn-kính (*lentilles*) có hai hạng :

1· — Hạng lồi : « đột-kính » (*convexes*) là một miếng kính giữa dầy, gồ, xung-quanh mỏng.

2· — Hạng lõm : « ảo-kính » (*concaves*) là một miếng kính giữa mỏng, lõm, xung-quanh giầy.

Đột-kính (*convexes*) chia ra làm ba thứ :

1· Song-đột-kính (*biconvexe*) hai mặt cùng lồi ;

2· Trực - đột-kính (*plan-convexe*) một mặt thẳng một mặt lồi.

3· Đột-ảo-kính (*couvexe-concave*) một mặt lồi, một mặt lõm.

Ảo-kính (*concaves*) cũng chia ra làm ba thứ :

1· Song-ảo-kính (*biconcave*) hai mặt cùng lõm ;

2· Trực-ảo-kính (*plan-concave*) một mặt thẳng, một mặt lõm.

3· Ảo - đột-kính (*concave-convexe*) một mặt lõm, một mặt lồi.

Cái đường sáng thẳng đi qua trung-tâm-kính (*centre optique*) thời gọi là chính-trục (*axe principale*). Những đường sáng đi dóng với chính-trục thời gọi là bình-hành-đạo (*parallèles*). Đã biết vậy, giờ ở trong buồng tối, giữa chỗ tia ánh sáng, ta để một miếng đột-kính vào, ta sẽ thấy rằng

những tia sáng ấy, khi đã qua cái kính rồi thì không đi bình-hành (*parallèlement*) như trước nữa, mà đi tụ vào một chỗ, gọi là chỗ « tụ ánh sáng » (*foyer*). Ta cất cái đột-kính đi, rồi ta để cái ảo-kính thay vào, thì ta sẽ thấy rằng những tia sáng ấy cũng không đi bình-hành nữa, mà đi rãn rộng mãi ra, thành ra cái chỗ « tụ ánh sáng » lại ở trước kính vậy. Hai cái đặc-tính khác nhau là thế, và còn nhiều đặc-tính khác nữa, đem thực-hành dùng được nhiều việc, như làm kính cho người cận-thị, viễn-thị, như làm thiên-lý-kính, hiển-vi-kính, viễn-kính, v.v...; nhưng đây chỉ bàn về nghề ảnh nên không cần phải nói đến, chỉ nói những cách thí-nghiệm về nghề ảnh mà thôi. Vậy nếu muốn làm thí-nghiệm, thời sau một ngọn nến, ta để một miếng đột-kính cách ngọn nến độ bằng hai lần từ chỗ «tụ ánh sáng» (*foyer*) đến trung-tâm-kính (*centre optique*) ; sau trung-tâm-kính cũng cách bằng hai lần từ trung-tâm-kính đến chỗ « tụ ánh sáng » ta để một tờ giấy trắng, thời ta sẽ thấy hình ngọn nến in vào đấy, vừa bằng cái ngọn nến thật, nhưng ngược xuống. Nếu ta để xa ngọn nến ra, thời ta sẽ thấy hình ngọn nến bé lại và gần trung-tâm-kính lại, có để gần tờ giấy lại mới thấy rõ. Nếu ta lại để gần ngọn nến lại thời ta sẽ thấy hình ngọn nến to ra và xa trung-tâm-kính ra, có để xa tờ giấy ra mới thấy rõ. Vậy thì nếu muốn được cái hình ngọn-nến rõ ràng, thời ta cần phải lựa tờ giấy cho vừa đúng chỗ. Tiếc rằng không tiện theo lối kỷ-hà-học mà vẽ ra đây cho dễ nói, nhưng nếu có tiện vẽ thời trước hết ta sẽ vẽ một đường ngang, tức là đường « Chính - trục » (*axe principale*), giữa đường chính-trục ta vẽ một đường dọc tức là miếng đột-kính. Chỗ trung tâm-kính ta đánh dấu chữ C cho dễ nhớ. Về phía tả trung-tâm-kính C. trên trục chính, ta đánh dấu chữ F vào chỗ tụ ánh sáng. rồi

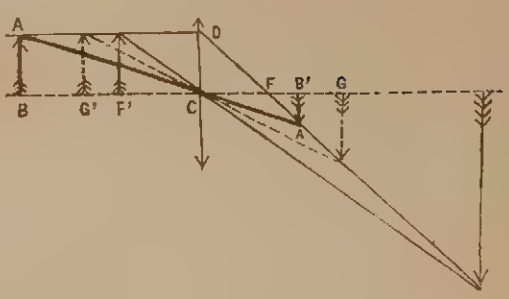

ta đo từ C đến F xem được bao nhiêu. Về phía hữu cũng trên trục-kính, từ trung-tâm-kính C ta đo lấy hai đường CF' và F'G' cũng dài bằng CF. Ngoài chỗ G' nghĩa là xa hơn hai lần từ trung-tâm-kính đến chỗ tụ ánh sáng, ta vẽ một cái tên AB (A trên, B dưới). Từ A ta vẽ một đường AB bình-hành (*parallèle*) với chính-trụ D là chỗ gặp mặt kính. Từ D ta vẽ một đường thẳng qua chỗ tụ ánh sáng F. Từ A ta lại vẽ một đường thẳng nữa qua trung-tâm-kính C. Hai đường thẳng này sẽ gặp ở chỗ A' dưới chính-trục, mà gần chỗ tụ ánh sáng F. Từ A' ta vẽ một đường A' B' thẳng lên chính-trục. Đường A' B' (A' dưới B' trên) tức là hình cái tên A B nhưng bé hơn và ngược vậy. Nếu ta cũng vẽ cái tên gần vào trung-tâm-kính bao nhiêu, (và ta lại làm như trước), thời ta lại càng được hình cái tên to ra và xa chỗ tụ ánh sáng ra bấy nhiêu.

Bởi vậy cho nên người chụp ảnh muốn chụp nhỏ thời phải đứng xa mà muốn chụp to thời phải đứng gần vậy.

Thuốc Ảnh

Có mấy thứ cần dùng là : Bô-lỗ-ngân (*bromure d'argent*), cách-lỗ-ngân, (*chlorure d'argent*), thanh-thiết-chất (*sulfate de fer*) và *hyposulfite de soude*.

1o — Bô-lỗ-ngân (*bromure d'argent*) có hai chất là ngân-chất (*argent*) và bô-lỗ-chất (*brome*). Bô lỗ chất hễ ra ánh sáng thời bốc hơi mà bay đi, còn ngân-chất thời đóng lại, trông sam-sám.

2o — Thanh-thiết-chất (*sulfate de fer*) là một chất hóa-học, cũng có cái đặc-tính như ánh sáng là làm biến-cải cái chất bô-lỗ ngân nào đã bị ánh sáng làm biến-cải trước.

3o — Chất *hyposulfite de soude* khi pha lẫn với nước lã thời làm tan những chất bô lỗ-ngân chưa bị ánh sáng làm biến-cải, nhưng không có can-thiệp gì đến ngân-chất trước đã đọng lại cả.

Máy chụp Ảnh

(*Appareil photographique*)

Trên đã nói: trước nhân tên ông DAGUERRE mà gọi máy chụp ảnh là *daguerréotypie*, sau gọi là « *photographie* » là ghép hai chữ Hi-lạp: « *phôtos* = ánh sáng » và « *graphein* = viết, vẽ », nghĩa là vẽ bằng ánh sáng; nay còn giữ cái tên ấy. Máy chụp ảnh (*appareil photographique*) có mấy phần là:

1o — Ở ngoài, hai miếng tiêu-sắc-đột-kính (*lentilles convexes achromatiques*) gọi chung là ngoại-nhờn-kính (*objectif*).

2o — Kế, đến cái buồng tối (*chambre noire*) chung quanh bằng da xếp, như đèn xếp, có thể kéo ra xếp vào được.

3o — Sau đến một miếng chiêm-nghiệm-kính hình chữ «nhật», để lựa để cho vừa chỗ, cho hình ảnh in vào được gọn ghẽ, rõ-ràng. Miếng chiêm-nghiệm-kính này chỉ dùng để mà chiêm-nghiệm thôi, sau phải thay miếng kính ảnh vào.

Kính-ảnh là một miếng kính trên có phủ một lớp bô-lỗ-ngân (*bromure d'argent*). Cái ngoại-nhờn-kính (*objectif*) chiếu hình ảnh ở ngoài vào đấy. Cái hình ảnh ấy chỗ nào sáng - tức là có nhiều ánh sáng — thời làm bốc hết hơi bô-lỗ-chất (*brome*) đi. còn ngân-chất (*argent*) thời đọng lại một lớp dầy, trông sam-sám; chỗ nào râm — tức là có ít ánh sáng — thời chỉ làm bốc ít hơi bô-lỗ-chất đi thôi, nên ngân-chất đọng lại đấy không được giầy lắm, trông nhờn-nhợt; chỗ nào đen — tức là không có ánh sáng — thời không làm bốc được hơi bô-lỗ-chất đi được, nên chỗ ấy còn nguyên được chất bô-lỗ-ngân. Trên đã nói rằng chất *hyposulfite de soude* khi pha lẫn với nước lã thời có cái đặc-tính là làm tan chất bô-lỗ ngân (*bromure d'argent*) chưa bị ánh sáng làm biến-cải đi, vậy nay nếu đem miếng kính đã chụp ảnh rồi. mà rửa bằng nước ấy thời những chất bô-lỗ-ngân (*bromure d'argent*) còn nguyên ấy sẽ tan đi hết.

Những chỗ mà có chất bô-lỗ ngân đã tan đi ấy, thời sẽ trơ thủy-tinh không ra, nên trong-trong (*transparent*) trông suốt qua được. Còn chỗ nào có nhiều ngân-chất đọng lại sẽ đen thẫm đi; chỗ nào có ít ngân-chất đọng lại sẽ nhờn-nhợt đi. Vì cớ ấy cho nên một miếng kính ảnh khi đã chụp và rửa rồi, đem ra thời thấy cái mũ trắng hóa đen, cái khăn đen hóa trắng vậy. Miếng kính ấy tiếng tây gọi là « *cliché* ».

Giấy ảnh (*papier photographique*) là một tờ giấy trên có phủ một lớp cách-lỗ-ngân (*chlorure d'argent*). Cách-lỗ-ngân cũng là một chất hóa-học, cũng có cái đặc-tính như chất bô-lỗ-ngân (*bromure d'argent*) là khi đem ra ánh sáng thời sẽ bị ánh sáng phân-chất ra làm cách-lỗ-chất (*chlore*) và ngân-chất (*argent*). Cách-lỗ-chất bay đi, còn ngân-chất đọng lại.

Ta đã biết rằng những vật trong (*corps transparents*) như thủy tinh thì để cho ánh

sáng chiếu qua được. còn những vật tối (*corps opaques*) như các loài kim thì ngăn ánh sáng lại, không cho ánh sáng chiếu suốt qua mình. Nay ta đem một miếng kính đã chụp ảnh rồi mà để lên trên một tờ giấy ảnh, rồi ta giơ nó ra ánh sáng thời ánh sáng sẽ chiếu qua những chỗ trong (*transparent*) nghĩa là những chỗ không có ngân-chất đọng ; mà không thể chiếu qua những chỗ tối (*opaque*) nghĩa là những chỗ có nhiều ngân-chất đọng. Ánh sáng khi đã chiếu qua những chỗ trong thời thấu đến tờ giấy ảnh mà làm bốc hơi cách-lỗ-chất (*brome*) đi và làm đọng ngân-chất (*argent*) lại, trông hơi sàm-sạm. Còn những chỗ tối trên mặt kính thời ánh sáng không chiếu qua được, không thấu tới tờ giấy ảnh được, bởi vậy những chỗ ấy còn nguyên chất cách-lỗ-ngân (*bromure d'argent*). Giờ ta đem tờ giấy ảnh ấy mà ngâm thuốc và rửa bằng nước lã pha chất *hyposulfite de soude* cho chất cách-lỗ-ngân (*bromure d'argent*) còn nguyên ấy tan đi. Chỗ có cách-lỗ-ngân đã tan đi ấy thời sẽ trơ giấy trắng ra, chỗ ấy hóa trắng vậy. Chỗ nào có ngân-chất (*argent*) đọng lại thời sẽ đen đi. Như thế là ta sẽ được một tờ ảnh, trắng đen, trái hẳn với kính ảnh, nghĩa là cái mũ trước ta trông trong kính ảnh đen thời bây giờ ta trông trong giấy ảnh trắng, mà cái khăn trước ta trông trong kính ảnh trắng thời bây giờ ta trông trong giấy ảnh đen ; nghĩa là ta vẽ được một tờ ảnh giống với hình thực vậy.

Cách chụp ảnh

Ta đã biết qua-loa về máy chụp ảnh, và tại làm sao mà chụp được ảnh, nay ta xét xem cách chụp ảnh thế nào.

Trước hết người làm ảnh lấy một vuông vải thâm to chùm đầu và máy chụp ảnh — (để hở ngoại-nhớn kính « *objectif* ») — mà chiêm-nghiệm vào cái chiêm-nghiệm-kính, rồi xê cái máy ảnh ra hay lui dần nó lại gần người chụp ảnh, tùy theo chụp kính nhỏ hay là to. Người làm ảnh sẽ vặn cái đinh ốc ở bên cạnh cho cái buồng tối (*chambre noire*) co vào hay rãn ra, lựa vừa chỗ để hình ảnh in vào chiêm-nghiệm-kính được gọn-ghẽ, rõ-ràng bịt cái ngoại-nhớn-kính (*objectif*) lại. Sau lấy cái hộp gỗ dẹt trong có kính ảnh — kính chưa chụp thì để vào đấy cho tối — lắp vào chỗ chiêm-nghiệm-kính, rồi lựa vặn giữ cái kính ảnh lại và rút cái hộp gỗ không ra. Bấy giờ người làm ảnh sẽ mở cái nắp đạy ngoại-nhớn-kính ra cho ánh sáng ngoài chiếu vào, nghĩa là cho hình ảnh ngoài in vào cái kính ảnh mà biến-cải chất bô-lỗ-ngân (*bromure d'argent*) đi. Độ một phần mười (1/10) phút đồng-hồ thời lại đạy cái nắp ngoại-nhớn-kính lại, rồi lại lấy hộp gỗ trước lồng lấy cái kính ảnh mà đem vào trong phòng kín ; ở đấy tối, người làm ảnh lại lôi cái kính ảnh ra mà rửa bằng thuốc *hyposulfite de soude* cho tan chất bô-lỗ-ngân (*bromure d'argent*) còn nguyên đi, rồi đem ra lấy bút lông mà sửa kính lại. Sửa xong rồi sẽ lấy giấy ảnh mà in, in bao nhiêu cũng được. Người làm ảnh, khi in ảnh, có dùng một cái khuôn-ép (*chassis-presse*), ép cho mặt kính được sát vào với giấy ảnh, rồi đem phơi ra ánh sáng ít lâu, khi đem vào thời giấy ấy có sắc hồng-hồng, rất khó trông, nếu cứ để vậy thế, thì sẽ đen sì ngay lại ; bởi vậy cho nên phải đem rửa bằng nước lã rồi ngâm vào trong một thứ thuốc ; thuốc ấy pha bằng :

1 lít nước lọc,
30 gam *acétate de sodium*
1 gam cách-lỗ-kim (*chlorure d'or*).

Rồi lại lấy ra mà ngâm vào thuốc *hyposulfite de soude* cho tan cách-lỗ-ngân

(*chlorure d'argent*) còn nguyên đi. Ngâm độ mười phút rồi lấy ra mà rửa và ngâm nước lã trong mười hai giờ đồng-hồ là được, nghĩa là lấy ra để khô thời thành ảnh vậy.

Sau này xin nói lần-lượt đến nghề chụp ảnh mùi (*photographie des couleurs*), nghề chụp ảnh đạc-điền (*photographie topographique*) và nghề chớp ảnh (*cinématographie*).

NGUYỄN ỨNG

Sinh-viên trường Cao-đẳng.

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ LUÂN-LÝ-HỌC NƯỚC TÀU(1)

VI

1. — Tổng-luận về thời-đại Hán Đường

Học-phong về khoảng đời Hán Đường. — Cuối đời nhà Chu, kẻ sĩ hoạnh-nghị, học-thuyết trăm nhà đều nổi cả lên, sau đến nhà Tần đốt sách đi, đến nhà Hán bãi-truất đi, học-thuyết của chư-tử bấy giờ mới suy đi vậy. Nhà Hán chỉ tôn có một đạo Nho-học, những người chuyên-kinh bấy giờ mới nhặt-nhạnh những sách vở sau lúc tro tàn, chỉ chuyên-trị huấn-thích nghĩa cũ không lúc nào rời. Tự đời nhà Tấn Ngụy trở xuống, lại gặp buổi loạn-li, các nhà nho-giả khi ấy chỉ ngồi thâu-sinh, chớ không có chi gì viễn-đại, chỉ noi theo cái thời-thế xu-hướng, hoặc người thì chuyên về kinh-học ; hoặc người thì chuyên về văn-uyển ; hoặc người mới hơi nếm được cái tân tư-tưởng của phương Ấn-độ thời chỉ ngồi thanh-đàm. Đến nhà Đường dấy lên, bèn lấy khoa-cử để chiêu-tập các nhà nho, thời lại xu về đàng văn-uyển, kể về đàng luân-lý-học thời cái thời-kỳ ấy học-phong rất là đồi-bại, không có mấy người hay lập được học-thuyết một nhà mà chiếm được cái giá-trị ở trong luân-lý-giới vậy.

Nho-giáo mới khởi-thủy. — Lời nói nhà nho thuần như là nhà chính-trị vậy. Từ đời vua Vũ-đế nhà Hán mới biểu-chương lên, về sau cho các quận quốc đều lập miếu thờ đức Khổng-phu-tử, tuế-thời cúng tế, hễ học-thuyết nào trái với lời đức Khổng-phu-tử thời đều bắt tội là phi-thanh, vô-phàm từ đấy nhà nho mới có cái hình-thức như nhà tôn-giáo. Học-trò nhà Hán lấy cái thuyết tai-dị, cái văn phù-sấm làm lẫn cả vào kinh-nghĩa, bởi thế lời nói nhà Nho cũng hàm cái tính-chất như là tôn-giáo đời ; sau mới gọi là Nho-giáo là khởi ra tự đó.

Đạo-giáo lúc mới khởi-thủy. — Thuyết phái Đạo-giáo thuần giống như nhà triết-học. Tự cuối đời nhà Chu các kẻ phương-sĩ nước Yên, nước Tề, cứ theo cái thói cũ các nhà vu-y(2) lảm-nhảm tự đời thượng-cổ sáng-lập ra cái thuyết nhờ thần-tiên ; thấy phàm

(1) Dịch sách *Trung quốc luân-lý học-sử* 中國倫理學史 của ông SA-CUẨN 蔡振, tiếp theo *Nam-phong* kỳ 38 số trang 127-133.

(2) *Vu Y* 巫醫 = Vu là đạo đồng cốt, Y là đạo làm thuốc.

đạo-gia có cái thuyết toàn-tính bảo-chân [1], bèn viện-dẫn phụ-họa làm thành ra một lý-luận. Vua Vũ-đế nhà Hán bãi-truất cả trăm nhà, mà chỉ độc thích thuyết thần-tiên, nên cái thuyết đạo-giáo phải nhờ ở nhà thần-tiên mới còn toàn-vẹn được ; từ đó mới diễn ra lối tu-luyện, bầy ra phép bùa-bèn, phái đạo-gia mới đủ cái hình-thức tôn-giáo, nên đời sau mới gọi là Đạo-giáo vậy.

Phật-giáo lúc mới tràn vào nước Tầu. — Học-trò nhà Hán học chuyên-kinh, chỉ mỏi-mệt về huấn-thích nghĩa cũ, nên không làm cho thỏa-thích được ý-kiến người đình-đạt ; vả lại những cái nghĩa lớn của nhà Nho, chỉ để cho những kẻ quyền-gian như Tháo Mãng nó y-thác, lại khiến cho người ta sinh nghi-ngờ ; cuối đời Hán lại gặp những cái vạ ngoại-thích, hoạn-quan, nhiều người học-trò chính-trực mắc phải thảm-họa ; mà nhân-dân thời Hán-quí bấy giờ thường mắc phải binh-tai thảm-khốc, nên mới sinh ra cái quan-niệm chán-đời không thiết gì cả. Lúc ấy chợt có Phật-giáo tràn vào, nói triết-lý cũng hợp như thuyết họ Lão, họ Trang, mà lại thâm-thúy hơn, rất là mãn-nguyện các nhà tư-tưởng ; về đàng nhân-sinh-quan lại có cái thuyết báo-ứng ba đời, đủ yên-ủi được những kẻ dân khổ-não ; mà về nghĩa đại-thừa [2], lại có cái thuyết « thể-tượng đồng-giới [3] », cũng không trái với cái xã-hội phục theo nho-giáo, cho nên Phật-giáo mới hay bày ra được những cái hình-thức nọ kia, để lưu-truyền ra nước Tầu. Dẫu có ông vua bạo-ngược đem phá chùa giết sư, hay có cái nghị đem đốt bỏ sách Phật, chiếm mất chùa-chiền, cũng không làm thế nào mà tiêu-diệt được Phật-giáo.

Trong ba giáo trên này chỉ có nho-giáo là chính-tôn về luân-lý-học. — Phái Đạo-giáo và phái Phật-giáo, dẫu đều chiếm được cái địa-vị về đàng tôn-giáo, song về phương-diện lý-luận thời chỉ phạm-vi về đàng triết-học ; mà về phương-diện thực-tiễn, thời bày ra phương tịch-cốc, phép xuất-gia, chỉ được ít phần người tin-theo mà thôi ; còn như cái lễ-nghi ma-tray, cái qui-thức cầu-cúng của phái Đạo-gia Phật-gia, dẫu có lẫn vào trong lễ-pháp của phái Nho-gia, song cũng là phụ thêm vào, chớ không xung-đột gì cả, nên ở thời-kỳ ấy cơ-sở ba giáo dẫu lập ra vẫn đều còn cả, mà cái học-thuyết luân-lý phổ-thông ở trong xã-hội, thời vẫn theo về phái Nho-gia.

2. — Hoài-nam-tử 淮南子

Lúc đời Hán-sơ răn về sự nhà Tần bại-hoại, nên làm trị lại chuộng về đạo Hoàng Lão, đó là cái sức phản-động trái với tư-trào Trung-bộ, mà khuynh-hướng về tư-tưởng phương Nam. Lúc ấy có Thúc-tôn Thông 叔孫通 nhặt cái phép nhà Tần lập ra triều-nghi ; Giả Nghị 賈誼, Triều Thác 鼂錯 chuyên-trị về phái Pháp-gia đem ra bàn trị-đạo ; dẫu có diễn-dịch cái mành-mối thừa của tư-trào Trung-bộ, song phần nhiều vẫn nói y-vi theo nho-thuật, chính là mở đường tiến-khu cho vua Vũ-đế độc-tôn một đạo Nho. Từ vua Vũ-đế trở về sau, tư trào Trung-bộ vẫn tiềm-phục ở trong cái tư-trào phương Bắc, mà không tiêu-yết ra được. Còn tư trào phương Nam thời lánh ra ở ngoài chính-trị-giới, chỉ đem cái triết-lý điều-hòa với tư-tưởng phương Bắc. Họ tôn-thất nhà Hán có ông Hà gian Hiến-vương 河間獻王

---

(1) *Toàn tính bảo-chân* 全性保眞 - giữ trọn vẹn cái chân-tính của mình.

2, *Đại thừa* 大乘 là cái nghĩa cao xa ở bậc trên.

(3) *Thể-tượng đồng giới* 體象同界 là nói về bản thể trong vũ trụ với cái hiện-tượng biến hóa cũng là một giới hạn cả.

làm vua ở phương Bắc, sửa-sang kinh-thuật, làm đại-biểu cho tư-tưởng phương Bắc. Hoài-nam-vương An thời làm vua ở phương Nam, có làm ra sách bàn về đạo-đức và thuật thần-tiên, đó là đại-biểu về tư-tưởng phương Nam.

Tiểu-truyện. — Hoài-nam-vương An 安 là con vua Hoài-nam-vương Trường 長. Trường là em vua Văn-đế nhà Hán, vì mắc tội phản-nghịch mất nước, rồi chết non. Vua Văn-đế chia cái đất cũ ấy ra làm ba phần phong vương cho ba con : An thời làm Hoài-nam-vương. An ra trị nước, thi-hành ân-đức, vỗ-yên trăm họ, chiêu-tập những kẻ tân-khách phương-thuật vài nghìn người, để lưu-truyền danh-dự. Thời vua Cảnh-đế, An có dự mưu với bảy nước làm phản, khi thất-bại, bèn tự-sát mà chết.

Những sách làm ra. — An thường sai những kẻ tân-khách là : Tô Phi 蘇飛, Lý Thường 李尙, Tả Ngô 左吳, Điền Do 田由, Lôi Bị 雷被, Mao Bị 毛被, Hà Bị 何被, Tấn Xương 晉昌 tám người và lũ chư-nho là Đại-Sơn 大山, Tiểu-Sơn 小山 giảng bàn đạo-đức, làm ra sách *Nội-thư* 內書, 21 thiên và mấy quyển sách *Ngoại-thư* 外書, lại làm riêng ra tám quyển *Trung-thiên* 中篇 chuyên nói về thuật thần-tiên, kể ra cũng đến vài mươi vạn lời nói. Sách *Nội-thư* tên là *Hồng-liệt* 鴻烈. Ông Cao-Dụ 高誘 thích-nghĩa rằng : « Hồng là lớn, liệt là sáng, nghĩa là để sáng đạo lớn vậy. » Ông Lưu Hướng 劉向, có sửa-sang lại, gọi là sách : *Hoài-nam Nội-thiên* 淮南內篇, cũng gọi là sách : *Lưu-an-tử* 劉安子. Còn sách *Ngoại-thư* và *Trung-thiên* thời thất-truyền.

Điều-hòa tư-tưởng phương Nam với phương Bắc. — Tư-tưởng phương Nam với phương Bắc sai khác nhau là vì người phương Bắc chỉ thiên về thực-tế, cốt làm cho chứng-minh chính-trị với đạo-đức ứng-dụng ra cho thực, người phương Nam thời thiên về lý-tưởng, chỉ suy cho cùng về đàng thế-giới-quan mà diễn-dịch ra cái lý-luận về nhân-sinh-quan ; người hai phương trên này đều không nghĩ đến cái giới-hạn có chỗ sai khác nhau, có chỗ không sai khác nhau, cho nên thường cãi lẽ nhau mãi ; nếu dò đến gốc thời không phải là không điều-hòa với nhau được. Cuối đời nhà Chu có cái tư-trào ở Trung-bộ nổi lên làm giới-thiệu cho cả Nam Bắc hai phương, mà điều-hòa lại một phương-diện để ứng-dụng. Đến đời nhà Hán lại có một phương-diện lý-luận nữa để điều-hòa Nam Bắc, là Hoài-nam-tử với Dương Hùng vậy. Hoài-nam-tử biết cái triết-học của họ Lão họ Trang chỉ chuyên-luận về bản-thể của vũ-trụ mà không nghiên-cứu đến tinh người, nên ông ấy yết rõ cái tinh ra để làm trung-tâm cho sự giáo-học, bảo rằng tinh người mà phát-đạt lên, có thể đạt lên đến tuyệt-đối-giới, đó là căn-cứ ở tư-tưởng phương Nam, mà lại phụ thêm lấy tư-tưởng phương Bắc vậy. Dương Hùng thấy cái học-thuyết nhà Nho dẫu bàn ở cái qui-tắc hiện-tượng biến-hóa, mà suy-diễn ra nhân-sự ; còn đến bản-thể của vũ-trụ thời chưa nghiên-cứu đến ; cho nên ông ấy mới nhặt lấy cái lẽ triết-học của họ Lão họ Trang bàn về vũ-trụ-quan, để nói cho rõ cái tinh người là thiên-nguyên ra tự đâu ; đó là lấy cái tư-tưởng phương Bắc làm căn-cứ mà lại lấy tư-tưởng phương Nam phụ thêm vào vậy. Hai ông ấy dẫu mỗi đàng bàn đi một khác, song cái lý-luận cũng là điều-hòa tư-tưởng phương Nam với phương Bắc vậy.

Đạo. — Hoài-nam-tử cho đạo là đại-biểu cả vũ-trụ, đó là bản ở cái thuyết họ Lão, họ Trang ; mà lại bảo đạo hay điều-nhiếp được cả muôn sự, bao-hàm

cả phép-tắc của trời, đó là bản ở cái tư-tưởng phương Bắc ; còn đến cái khoảng bản-thể với hiện-tượng và cái giới-hạn sai khác nhau với không sai khác nhau, thời cũng đã phát-minh cái đoan-nghê ra vậy. Cho nên ở bài *Nguyên-đạo-luận* có nói rằng : « Đạo là chùm cả trời chở cả đất, khoác rộng ra bốn phương, tách chia ra tám cõi, cao không biết đâu là chừng, sâu không biết dận mà lường, đầy lấp cả trời đất, chứa chan cả bốn bể, mà thi-thố ra không lúc nào là cùng, thư-xướng ra khắp cả sáu cõi, cuốn-thu lại không đầy một vốc, dẫu trước mà hay bác, u ma hay minh, nhược mà hay cường, nhu mà hay cương, bao-hàm cả âm-dương-vũ-trụ, núi cao, vực sâu, chim bay, thú chạy, phụng lượn, lân chơi, nhật-nguyệt chiếu-minh, tinh-lịch vận-hành, đều nhờ có đạo-lý cả ; hai đời Hoàng thời cỗ cầm cái quyền đạo đứng ở trung-ương, thần-hóa tự-nhiên mà yên-trị cả bốn phương. » Tuy rằng đạo-thể rộng-rãi tự nhiên như thế, song về phần tác dụng cốt là kết-hợp cả vạn-hữu, mà những hiện-tượng của muôn vật thời tùy-ý vận-động, đều thuộc về tiêu-cực cả, chớ không phải tích-cực, cho nên lại nói rằng : « Đạo phải có kinh-kỷ điều-tự nhất-quán, rồi mới phân ra nghìn cành muôn lá, thế cho nên sang cũng có đạo để sử-linh, hèn cũng có đạo để tự-đắc, nghèo cũng có đạo để yên-vui, khốn cũng có đạo để xử-trí. » Dụng ra được như thế là bởi vì cái bản-thể đạo vốn hư-tĩnh mà điều-hòa, khiến cái trạng-thái muôn vật lại qui về đồng-nhất. nên có nói rằng : « Đạo đời thái-thượng sinh-trưởng ra muôn vật, hóa thành ra vạn-tượng, mà cứ phó mặc tự-nhiên ; phàm giống biết đi, biết thở, biết động, biết bay đều phải nhờ về đạo mới sinh ra mà không biết ơn, mới chết đi mà không dám oán, được lợi mà không thể khen được, phải hại mà không thể chê được, súc-tích bao nhiêu cũng không là giàu, quanh gần cả đó mà không xét được ; dẫu thêm vào cũng không nhiều, bớt đi cũng không ít ; dẽo đi cũng chẳng mỏng; giết đi cũng chẳng tàn, đào đi cũng chẳng thấy sâu, lấp đi cũng chẳng thấy nông, thực là hoảng-hốt u-minh, vô-tượng vô-hình, thế mà cương-nhu tùy-dụng, âm-dương hóa-sinh. »

Tĩnh. — Đạo vốn hư-tĩnh, tính người cũng thế, sở-dĩ quấy nhiễu khiến không được hư-tĩnh ấy là tại trí ; hư-tĩnh vốn là thiên-nhiên, mà trí là bởi tự người làm, nên có nói rằng : « Người ta sinh ra vốn tĩnh là bản tự tính trời vậy ; vì có cảm-giác rồi sau mới sinh ra động, là làm hại cho tính vậy ; hễ việc gì đến mà mình ứng theo, đó là trí động, trí mình cảm-động tiếp với các sự-vật, rồi sinh ra yêu, ghét ; yêu với ghét hình ra, thời cái trí nó phải vật ngoài quyến-dụ, không biết trở lại trách mình, như thế thời diệt mất thiên-lý vậy. » Vì thế đấng thánh-nhân mới chuộng giữ gìn lấy bản-tính, mà không để mất đi, nên lại nói rằng : « Đạt được đạo thời không lấy ý người đổi được tính trời, không phải ngoại-vật nó làm trái mất nội-tính ; bản-tính rất là hư-vô mà tự-nhiên ứng-sự, cũng có lúc thư-sinh mà lại về chốn hư-tĩnh. »

Tính hợp với đạo. — Hư-tĩnh ấy là lý-tưởng của họ Lão họ Trang, song nhà tư-tưởng phương Nam xưa nay vẫn không nhận biết trong khoảng vũ-trụ có giá-trị loài người, nên những bỏ tính người không xét đến. Ông Tử-Tư là nhà tư-tưởng phương Bắc cũng đã bàn đến cái lẽ tính đạo quan-hệ với nhau, như chép ở sách *Trung-dung* vậy. Hoài-nam-tử nhân đó mới lập ra cái nghĩa tính-đạo đồng-phù, nói rằng : « Thanh-tĩnh điềm-vui, vốn là tính người. » Đó là lấy cái nghĩa *hư-tĩnh* của phái Đạo-gia, mà thay vào nghĩa chữ *thành* ở trong sách *Trung-dung*, thực là khéo điều-hòa vậy. Trong

thiên *Tử-tục-huấn* có nói rằng: « Suất-tính mà làm gọi là đạo, tự-đắc ở tính trời gọi là đức. » Tức là nghĩa *Trung-dung* bảo rằng: « Suất-tính chi vị đạo, tu-đạo chi vị giáo » vậy. Vì thế mới cho tính là cái thể thuần-thúy hoàn-toàn, nếu không phải ngoại-vật nó che đi, thời có thể hợp-nhất với đạo, nên có nói rằng: « Chất tố vốn trắng, đem rấn bùn đi thời hóa ra đen; nền lụa vốn vàng, đem nhuộm sơn đi thì hóa ra đỏ; tính người vốn không tà-khúc, vì đam về thói tục quá, nên mới đổi đi; đổi mất đi thời quên mất gốc; khác gì nhật nguyệt vốn sáng mà ám vì bóng mây; nước sông vốn trong mà lầm vì phù-sa; tính người vốn hay mà hại vì thị-dục. Chỉ có ông thánh-nhân mới hay gác bỏ vật-dục mà thôi; xem như người ta đi thuyền mà lầm đường, không biết đàng nào là hướng đông, đàng nào là hướng tây, có trông thấy ngôi sao Đẩu mới biết được, tính tức là ngôi sao Đẩu của người ta vậy, ai có tự trông thấy tính mình thời mới không sai mất vật-tính; ai không thấy tính mình thời tính động ra là sai lầm cả. »

Nói về phép tu-vi. — Nhân sau ông Tử-tư bàn tính mà lập ra cái thuyết tính-thiện ấy là ông Mạnh-tử. Ông Mạnh-tử yết ra cái phép tu-vi có hai nghĩa là: tích-cực với tiêu-cực, như là bảo phải nuôi cái khí hạo-nhiên và phải tìm thâu cái phóng-tâm lại. Còn Hoài-nam-tử đã cho tính là thuần-thúy hoàn-toàn, thời chỉ nói đàng tiêu-cực cũng đã đủ nghĩa, bảo rằng tính không phải phụ ra thêm gì cả, chỉ cốt bỏ bụng dục để giữ lại tính mà thôi, nên nói rằng: «Cái gốc làm trị cốt tại yên dân; yên dân cốt tại đủ dùng; đủ dùng thời cốt đừng cướp thời làm ruộng; không cướp mất thời làm ruộng thời cốt tại bớt việc; bớt việc thời cốt tại tiết bụng dục; muốn tiết bụng dục thời cốt tại giữ lại tính; muốn giữ lại tính thời cốt phải bỏ sự phù-hoa, bỏ sự phù-hoa thời hư-không, hư-không thời bình-chỉnh, bình-chỉnh ấy là cái nền sẵn của đạo, hư-không ấy là cái mệnh-nguyên của đạo. Nếu hay trị được thiên-hạ thời tất không mất nhà; hay trị được nhà thời tất không bỏ sót thân mình; không bỏ sót thân mình thời không quên mất tâm, không quên mất tâm mình thời không khuy mất tính; hay toàn được tính mình thời tất không lầm mất đạo.» Phù-hoa là cái vật ở bề ngoài nó cám-dỗ, nó hay làm kích-thích bụng thị-dục người ta; song Hoài-nam-tử cho cái bụng dục là tính người ta sẵn có, không thể tuyệt hẳn đi được, nên nói rằng: « Đấng thánh-nhân thời cái tâm thắng hơn; kẻ chúng-nhân thời bụng dục thắng hơn; người quân-tử thời theo chính-khí mà làm; kẻ tiểu-nhân thời theo tà-khí mà làm. Trong bản ở tính, ngoài hợp với nghĩa, cứ noi theo lẽ phải mà động-tác, chớ không có thiên-lệch, là chính-khí vậy. Trọng mùi ngon, dâm thanh sắc, hốt hỉ hốt nộ, không nghĩ đến lo sau, là tà-khí vậy. Tà với chính cùng địch nhau, dục với tính cùng hại nhau, hai đàng không cùng đứng được cả đôi, một cái đứng lại thời một cái phải bỏ, vì thế đấng thánh-nhân phải bớt bụng dục, mà chăm giữ gìn lấy bản-tính. Mắt ưa sắc, tai ưa tiếng, miệng ưa mùi, tiếp đến mà lấy làm thích, không biết tính lợi hại, đó là lòng thị-dục vậy. Ăn vào mà không yên thân thể, nghe đến mà không hợp phải đạo, trông đến mà không tiện với tính, ba quan (1) ấy tranh thắng nhau, phải lấy nghĩa làm tiết-chế, ấy là tại tâm mình vậy. Đau ung-thư không phải là không

(1) Ba quan tức là khẩu-quan, ăn; nhĩ quan, nghe; mục-quan, trông.

đau, phải uống thuốc đắng không phải là không khổ, nhưng cũng phải chịu, là vì tiện cho thân mình vậy. Khát mà nống cho thích, đói mà ăn cho nhiều, không phải là không ngon không sướng, nhưng thái-quá không chịu được, là vì hại mất tính vậy. Bốn cái trên đó bởi vì miệng, tai, mắt, mũi, không biết lấy bỏ có chừng, phải có tâm làm tiết-chế, thời mới có chừng-mực vậy. » Xem đó thời biết rõ rằng bụng dục không thể thắng được, cho nên trị-thân dưỡng-tính, phải tiết cư-xử, vừa ăn uống, hòa mừng giận, tiện động tĩnh, cốt ở tại mình, thời tà-khí không bởi đâu mà sinh ra được, nên lại nói rằng : « Tình cho nó vừa phải hợp với tính, thời bụng dục mới không quá tiết-độ. » Thế thời ý Hoài-nam-tử vẫn bảo rằng bụng dục không thể diệt hết được, chỉ cốt phải có tiết-chế, khiến cho nó không sinh ra tà-khí để hại tính mà thôi. Bởi vì bụng dục mà thích-hợp với tính là lẽ tự-nhiên, còn điều gì mà không thích-hợp với tính thời không phải là tự-nhiên; cái bụng dục tự-nhiên thời khá để được, còn cái bụng dục không tự-nhiên thời phải cố mà bỏ đi.

Thiện tức là vô-vi. — Hoài-nam-tử cho cái công phản-tính là cái cực-công tu-vi, cho nên bảo vô-vi tức là trí-thiện; nói rằng : « Thiện tức là tĩnh mà vô-vi ; làm điều bất-thiện thời hay táo-cấp mà đa-dục. Làm thiện thời cứ thích-tính mà làm, không phải cái gì nó dụ-hoặc ; noi theo tính giữ cho chân-thực, không có biến đổi gì, cho nên làm thiện dễ. Làm bất-thiện thời vượt thành-quách, qua hiểm-trở, trá ẩn-phủ, trộm vàng bạc, cướp giết vu-vạ, đó không phải là tính người, cho nên làm bất-thiện khó. »

Lý-tưởng ra một cái thế-giới. — Cái thuyết tính-thiện của Hoài-nam-tử, vốn theo cái ý vũ-trụ-quan của họ Lão họ Trang, cho nên có lý-tưởng ra một thế-giới cũng giống như Lão Trang, nói rằng : « Bản-tính mất đi rồi mới qui đến nhân, lỗi-lầm đi rồi mới qui đến nghĩa, cho nên nhân nghĩa sung-túc quá thời đạo-đức biến dời đi ; lễ nhạc dư-dật quá thời thuần-phác tan mất đi; phải trái hình ra lắm thời trăm họ mơ-hồ ; châu ngọc tôn-quí lắm thời thiên-hạ tranh nhau ; bốn điều trên đó là đạo đời suy, là sự trọng-dụng của đời mạt-thế vậy. » Lại rằng: « Đời cổ-giả dân còn ngây thơ, không phân-biện đông tây, nét mặt không có giả tình vờ, lời nói không có quá nết thực, áo mặc cốt ấm mà không cần văn-vẻ, đồ binh có cán-đốc mà không có mũi nhọn; lúc hát vui mà không dâm, lúc khóc thương mà không hại ; đào diếng mà uống, cày ruộng mà ăn, không ai khoe cái tốt của mình, mà cũng không cầu được tiếng ; thân-thích không có khen chê lẫn nhau, bè-bạn không có ân oán lẫn nhau. Đến khi sinh ra lễ-nghĩa, quí trọng của cải, thời mới sinh ra dối dá, rồi về khen chê, nào ân nào oán không ra thế nào cả, nào là nết tốt như Tăng Sâm, Hiếu Kỷ ; thói tà như Đạo Trích, Trang Kiệu ; vì có người xe lớn, ngựa liền, lọng xanh, cờ đỏ, nên mới có kẻ khoét tường, bẻ khóa, giật thúng, qua giáo ; vì có người gấm vóc lụa là, nên mới có kẻ áo tơi khố rách ; nhân thế mới sinh ra kẻ hơn người kém đọ lẫn nhau, kẻ cao người hạ khuynh lẫn nhau vậy. » Cứ như lời nói ấy thời ra đảo lầm sự kết-quả mà làm nguyên-nhân. Song cái ý ông ấy bảo rằng phàm trong xã-hội mà sinh ra tội ác, đều tại là không bình-đẳng ; còn như bảo rằng đời trí-trị không ai khoe cái tốt của mình, mà cũng không cầu tiếng khen, đó thực là lời danh-ngôn vậy.

Lời bàn về tính có mâu-thuẫn với nhau. — Sách của Hoài-nam-tử tập thành ra bởi tại tay nhiều người, cho nên cái thuyết tính-thiện, dẫu đã thuật

như trên kia, nhưng cũng còn có chỗ mâu-thuẫn với nhau; như là nói rằng: « Minh ngay tính lành, noi theo nhân-nghĩa, yên vui tính-mệnh, không phải đợi học-vấn mà cũng hợp với đạo ấy là vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Văn-vương vậy; say mê hoang-dâm, không dạy bảo lấy đạo được, đó là người Đan-Chu, Thương-Quân vậy; má-đào răng trắng, hình-dung bóng-bẩy, không phải đợi phấn sáp, mà tự đẹp thiên-nhiên, ấy là nàng Tây-Thi vậy; lưng gù môi sứt, xấu-xa nhem-nhuộc, dẫu đánh phấn tô son vào cũng không nổi cái đẹp lên được, đó là nàng Chung Vô-Diệm vậy. » Còn như hạng người trên không bằng Nghiêu, Thuấn, dưới không như Thương-Quân, đẹp không bằng Tây-Thi, xấu không đến nỗi như Chung Vô-Diệm; hạng người ấy thời còn phải đợi dạy-dỗ tô-điểm ». Thế thời cái tính đặc-biệt của người ta, có người thiên về đàng thiện, có người thiên hẳn về đàng ác không thể biến-hóa được, cũng như là có người thiên về đẹp hay là thiên về xấu vậy; còn hạng người thường ở khoảng giữa, thời phải giáo-hóa mới làm thiện được, tức như Không-phu-tử bảo rằng hạng người ấy tính thiện tương-tự gần giống nhau, chỉ có bậc thượng-trí là khôn nhất và bậc hạ-ngu là dốt nhất không thể biến đổi được vậy. Hoài-nam-tử lại kể cái đặc-tính của các ông Nghiêu 堯, Thuấn 舜, Vũ, 禹, Văn-vương 文王, Cao-Giao 皐陶, Khải 啓, Tiết 契, Sử-Hoàng 史皇, Nghệ 羿, chín ông ấy ra mà bàn rằng: « Ấy chín ông ấy nghìn năm mới có một lần, nay nối gót mà sinh ra đã không có cái thiên-tư như năm ông thánh và tài giỏi như bốn kẻ biền, mà lại muốn bỏ học cứ noi theo tính, ấy cũng như bỏ thuyền mà vượt qua nước vậy. » Thế thời bảo người thường không thể noi theo tính được, lại trái với cái bản-nghĩa tính-thiện vậy.

Kết-luận. — Hoài-nam-tử có cái sở-trường là hay điều-hòa được hai phái Nho-gia và Đạo-gia; còn học-thuyết ông ấy đại-để chỉ là nhân cái sở-kiến của người trước mà siển-thuật lại mà thôi. Ông ấy chủ-trì cái thuyết tính-thiện, mà còn cái bụng dục nó đối-đãi với tính thiện ấy, không hay xét nó ra tự đâu, cũng không khác gì ông Mạnh-tử vậy.

Đổng Trọng-Thư 董仲舒

Tiểu-truyện. — Đổng Trọng-Thư người Quảng-xuyên, khi còn nhỏ chuyên-trị sách *Xuân-thu*. Thời Cảnh-đế, được cử làm quan Bác-sĩ. Thời vua Võ-đế ứng-cử thi khoa hiền-lương, dâng bài đối-sách được xứng ý vua. Võ-đế lại ra bài sách nữa để hỏi, Trọng-Thư lại dâng ba bài *Thiên-nhân-sách* 天人策. Vậy sau ra làm tướng giúp vua Giang-đô và vua Giao-tây rồi vì có bệnh phải miễn về nhà ở làm sách, rồi mất.

Những sách làm ra. — Bài sách *Thiên-nhân* là bài trứ-danh của Trọng-Thư, cái bài sách thứ ba, Trọng-Thư xin tuyệt bỏ dị-học, thống-nhất cả tư-tưởng quốc-dân, vua Võ-đế theo dùng, bèn chỉ tôn nho-thuật làm quốc-giáo, ấy là một điều kỷ-niệm lớn ở trong sử luân-lý vậy. Còn làm ra những sách khác nữa là: *Xuân-thu phồn-lộ* 春秋繁露, *Ngọc-bôi trúc-lâm* 玉杯竹林, nhưng không xét được tường; chỉ có sách *Xuân-thu phồn-lộ* còn truyền ở đời, nhưng cũng là kẻ hậu-nho cóp nhặt mà biên-tập lại, dẫu sách ấy có nhiều cái thuyết ngũ-hành tai-dị, song những điều quan-hệ đến học-thuyết luân-lý, cũng có thể xét biết được.

Trọng-Thư bàn về học-thuyết luân-lý, chỉ chuyên xét cái động-cơ tự-nhiên mà bàn, bài-bác bỏ cả cái thuyết công-lợi, cho nên nói rằng: « Cứ chính nghĩa phải mà không mưu lợi, cứ làm cho đạo sáng ra mà không

kể công. » Cái thuyết ấy học-trò nhà Tống truyền tụng mãi, chiếm được cái thế-lực lớn ở trong học-giới luân-lý.

Trời với người quan-hệ với nhau. — Trọng-Thư lập ra cái thuyết trời người khế-hợp với nhau, là bản tự đời thượng-cổ vẫn sùng-bái cái tôn-giáo tự-nhiên mà phu-diễn ra, bèn suy dò cái thống-hệ người ta sinh ra là từ cha mẹ, trên là ông bà, mà trên nữa là ông bà Tằng-tổ, đệ suy mãi lên là gốc tự Trời, thế thời cha loài người tức là Trời, không những Trời làm cái tiêu-chuẩn pháp-lý cho người ta, mà thực có quan-hệ đến huyết-thống loài người, cho nên người ta là phải kính Trời mà bắt-chước Trời ; song muốn bắt-chước Trời thời bởi đâu mà bắt-chước ? Cho nên lại nói rằng : « Trời che-chở cho cả muôn vật, sinh-hóa ra mà lại nuôi-nấng cho thành. » Xem ý Trời như thế là có bụng nhân vô-cùng, Trời vẫn thường có ý yêu người mà làm cho lợi, vẫn là chuyên-chủ dưỡng-thành muôn vật, nên lại nói rằng : « Người ta sinh ra, Trời phú cho tính hiếu để, không có hiếu để là mất cái tính sơ-sinh ; Đất lấy áo cơm nuôi cho, không có áo cơm là mất cái thức để nuôi ; người lấy lễ-nhạc để thành-lập cho, không có lễ-nhạc là không có cái gì để thành-lập. » Đó là nói đạo trời, đất, người ba tài cũng như là một, mà cái lý-tưởng cùng-cực vũ-trụ, cũng chẳng ngoài khuôn đạo-đức vậy ; bởi thế mới cho thân người cũng là một tiểu-vũ-trụ, mà những điều biến-hiện ở trong tự-nhiên-giới cũng ứng theo với việc người cả, xem cái thuyết ông ấy cũng giống như cái thuyết *hữu-thần* của Mặc-tử, mà nói rằng đạo trời vốn là yêu người mà làm lợi cho người, đó cũng bản tự cái ý của Mặc-tử vậy.

Tính. — Trọng-Thư đã cho toàn-thể vũ-trụ đều qui-túc cả về đạo-đức, thời hình như cho tính người là chí-thiện tuyệt-đối, song cứ như thuyết ông ấy lại không nói như thế, mà nói rằng : « Cây lúa dẫu sinh ra gạo, mà tự cây lúa cũng chửa thành gạo được ; tính người dẫu là bản-thiện, mà tự tính cũng chửa làm thiện được ; kén dẫu có tơ, mà kén không phải tơ ; trứng dẫu nở ra chim non, mà trứng không phải là chim non ; cho nên tính không phải là thiện, tính cũng như là cây lúa, như là trứng, như là kén ; trứng phải đợi ấp rồi sau mới nở ra chim non ; kén phải đợi ươm rồi sau mới thành ra tơ tốt ; tính phải đợi dạy-dỗ rồi sau mới thành ra thiện ; thiện ấy là tại dạy-dỗ nó khiến nên thế, chớ không phải nguyên chất-phác nó đã thế vậy. » Xem thế thời tính vẫn có thể làm thiện được, chớ tính không phải nguyên là thiện, cho nên lại bác cái thuyết tính-thiện nói rằng : « Noi giữ được ba cương, năm kỷ, thông suốt lẽ tám đoan, trung-tín mà rộng yêu, đôn-hậu mà giữ lễ, ấy gọi là thiện ; đó là thiện ông thánh-nhân vậy, cho nên đức Khổng-tử nói rằng : « Người thiện ta không được trông thấy, ta được trông thấy người giữ được đạo thường cũng đã là khá vậy. » Xem thế thời dẫng thánh-nhân gọi là thiện cũng chưa dễ ai đã làm được, mà thiện hơn loài cầm thú, cũng không gọi là thiện được. Nên lại rằng : « Tự trời đất bẩm-sinh ra gọi là tính-tình, tình với tính cũng như là một, tình có lúc mờ-mịt làm xằng cũng là tính, nếu bảo tính thiện còn như tình làm sao, cho nên ông thánh-nhân không dám bảo tính người thiện để cho lụy mất tiếng đi ; thân người ta có tính-tình, cũng như trời có âm dương ; nói người ta có tính mà không có tình, cũng như nói trời có dương mà không có âm vậy ; nhân với tham, hai điều ấy đều tự tính người ta ra cả, chớ không gọi là một được. »

Cái phạm-vi tính. — Trọng-Thư thấy đức Khổng-phu-tử có cái thuyết chia ra bậc thượng-trí với bậc hạ-ngu không thể dời đổi đi được nữa, nên lại theo ý mà nói rằng : « Tính ông thánh-nhân không thể gọi là tính được, mà tính kẻ hèn-hạ cũng không thể gọi là tính được ; gọi là tính ấy là kể tính kẻ thường-dân mà thôi. » Đó là khai cái mối chia ra *tính có ba bậc* vậy.

Giáo. — Ông Trọng-Thư bảo tính người ta cốt phải đợi dậy bảo mới nên thiện được, nhưng dạy bảo người ta là ai ? Tất phải bảo là đã có đấng vương-giả, đấng thánh-nhân, ấy tức là theo ý đức Khổng-tử bảo rằng chỉ có bậc thượng-trí không phải đợi dạy mà cũng thiện vậy ; nên ông ấy nói rằng : « Trời đất sinh-trưởng che-chở cho nhân-dân, đấng thánh-nhân dạy bảo cho nhân-dân ; vua ấy là tâm-chí của dân, dân ấy là thân-thể của vua, tâm muốn cái gì thời thân-thể yêu cái đó, vua sai-khiến điều gì thì dân nghe theo điều đó ; cho nên làm vua cai-trị dân mà quí hiếu-đễ, muốn lễ-nghĩa, trọng nhân-liêm, khinh tài-lợi, tự thân mình mà dóng-dả ở trên, thời muôn dân tự-khắc nghe theo mà làm thiện ở dưới ; cho nên phải nhờ đấng tiên-vương để dạy bảo dân. »

Nhân-nghĩa. — Trọng-Thư nói đạo tu-thân thống cả về nhân-nghĩa, cũng gần giống như ông Mạnh-tử. Song ông Mạnh-tử nói nhân là cái tính đạo-đức sẵn có, mà nghĩa là cái phép-tắc của đạo-đức nhận biết ra, đều bảo là có quan-hệ đến tâm-tính. Trọng-Thư thời lấy cái tác-dụng đối với nhân (người), ngã (ta) mà nói, đó là nguyên bản tự cái nghĩa chữ nhân-nghĩa mà lập-thuyết ra vậy. Nói rằng : « Kinh *Xuân-thu* mở đầu ra là vì có người với ta, sở-dĩ trị người với ta là có điều nhân với nghĩa ; nhân để yêu người, nghĩa để chính mình, cho nên nghĩa chữ *nhân* là « *nhân* (người), » nghĩa chữ *nghĩa* là « *ngã* (ta), », mỗi chữ nghĩa một khác, nhân để xử với người, nghĩa để xử với ta, phân-biệt khác nhau; người ta không xét, lại lấy nhân tự xử mà lấy nghĩa xử người, trái nghĩa như thế có khi đến loạn vậy. » Lại rằng : « Kinh *Xuân-thu* là làm cái phép nhân nghĩa, phép nhân cốt tại yêu người, không phải là yêu mình ; phép nghĩa cốt tại chính mình, không phải để chính người ; mình không chính được, dẫu hay chính được người cũng không phải là nghĩa ; không thi-ơn khắp cho người, dẫu chỉ tự yêu lấy mình, cũng không phải là nhân. »

Kết-luận. — Cái học-thuyết luân-lý của Trọng-Thư, dẫu truyền lại không được đủ ; song ông ấy bàn về tính không có nhất-thiên về thiện hay ác, các nho-giả về đời Hán Đường không ai hay ngoại được cái thuyết ấy vậy. Còn những lời bàn chủ - trì thuần về động-cơ, thời có một hai phái nhà Tống-nho cũng bởi đó mà bàn ra, học-thuyết ông ấy rất có quan-hệ trọng-yếu về luân-lý học-giới vậy.

4. — Dương Hùng 楊雄

Tiểu-truyện. — Dương Hùng tên chữ là Tử-Vân 子雲, người Thành-đô nước Thục. Khi nhỏ chăm học, chú-thích từng câu từng chương, hay xem rộng, thích nghĩa ý-tứ xa ; làm người giản-dị thanh-tĩnh, không có vội ngấp-nghé về đàng phú-quí. Thời vua Ai-đế nhà Hán, làm đến chức Hoàng-môn-lang. Thời người Vương Mãng, phải triệu ra làm quan đại-phu, năm niên-hiệu Thiên-Phụng thứ bảy thời mất, thọ 71 tuổi.

Những sách làm ra.—Hùng thường chuyên-trị văn-học và khoa học ngôn-ngữ, làm ra các bài từ-phú, và thiên *Phương - ngôn huấn-toản* 方言訓纂 Hồi vãn - niên, Hùng chuyên-trị về

triết-học, bắt-chước *Dịch-truyện* làm ra thiên *Thái-huyền* 太玄, bắt-chước *Luận-ngữ* làm ra sách *Pháp-ngôn* 法言; sách *Thái-huyền* là thuộc về phương-diện lý-luận, bàn xét cái nguyên-lý của hiện-tượng trong vũ-trụ và cái phương-pháp tiến-động; sách *Pháp-ngôn* là thuộc về phương-diện thực-tế, suy xét cái phép-tắc về đạo-đức và chính-trị; cái học-thuyết luân-lý thời đại-để thấy nói ở sách *Pháp-ngôn*.

Huyền. — Học-thuyết luân-lý của Dương Hùng, có quan-hệ mật-thiết với triết-học, mà triết-học thời dung-hội cả tư-trào phương Nam phương Bắc, so với cái thuyết của Hoài-nam-tử lại càng rõ-ràng thiết-thực hơn. Ông ấy cho cả bản-thể vũ-trụ là *huyền*, tức như là họ Lão, họ Trang gọi là đạo. Lại tiến lên luận về một phương-diện động-tác, thời bàn cái phép-tắc hiện-tượng biến-hóa ở trong tượng kinh *Dịch*, mà suy-siển ra làm cái phương-pháp các hiện-tượng động-tác chung, cứ như thuyết ông ấy thời các bộ-phận vạn-vật cùng với cả toàn-thể đều có cái tinh-chất đồng-nhất, trong khoảng vũ-trụ phát-sinh ra loài người, thời cái tinh loài người ắt cũng đủ tinh trong vũ-trụ, nay cho bản-thể vũ-trụ là huyền, thời thân người ta đều có một cái thể tiểu-huyền, mà cái tinh ai cũng có cái đặc-chất huyền cả; thế nào gọi là *huyền*? Nói rằng: « Huyền ấy là lúc vạn-vật còn mờ-mịt chửa trông thấy hình, rồi sinh ra khuôn để đào-thành muôn vật, định ra mẫu để khai-giác thần-minh, thông-suốt cổ kim mới chia ra từng loài, phân-phán âm dương mới phát ra khí; khí có phân có hợp mới thành ra trời đất; vận trời luân-chuyển vòng quanh lại bắt đầu, mới định ra trước sau; vạn-vật có sinh có tử mới rõ ra tinh-mệnh, xem tượng xét tình, xét tình biết mệnh, thời tam-tài cùng là một thể; nào là hình tròn bao-bọc, thể vuông trọng-hậu, nào hơi thở ra thành lưu-chất, chất đọng lại thành hình-thể. » Đó là bản-thể huyền dẫu là hư-tĩnh mà vẫn bao-hàm cái động-lực ở trong, cho nên động ra không sai phép-luật; bởi vì hai sức tiêu trưởng, vẫn ở trong bản-thể, mà giữ được quân-hành, cho nên bản-thể vẫn là hư-tĩnh, mà cái tiềm-lực tiêu trưởng vẫn thường còn mãi, chớ không mất được.

Tính. — Huyền đã như thế, thời tính cũng thế, cho nên bảo rằng trời giáng-sinh nhân-dân, vốn là hư-không mờ-mịt, là bảo mới xem ra chẳng qua là cái trạng-thái vô-tri vô-ngã; song trong cái huyền lại bởi hai cái động-lực, khí âm khí dương nó hấp-dẫn nhau mà vẫn hư-tĩnh; thời trong tính cũng có hai cái phần-tử thiện-ác cường-độ nó bằng nhau, cũng như nước lã không phải chỉ tự cái khí bốc lên mà thành nước, là bởi tự hai cái tính chua và mặn nó hóa-hợp đều nhau mà thành ra, nên nói rằng: « Tính người ta thiện với ác vẫn hỗn-hợp, làm thiện thời là người thiện, làm ác thời là người ác, khí tức là con ngựa chạy ra hai đàng thiện với ác vậy. » Dương Hùng gọi là khí là trỏ cái năng-lực nó xung-động, cũng là phát ra tự tính, chớ không phải ở ngoài tính vậy. Thế thời Dương Hùng bàn tính cũng là triết-trung ở cái thuyết ông Mạnh nói tính-thiện và họ Tuân nói tính-ác mà bàn ra; còn như bàn về nghĩa *huyền*, so với thuyết họ Tuân, họ Mạnh lại viên-mãn hơn vậy.

Cái phương-pháp để tu tính. — Tính người ta là một thể tiểu-huyền, cảm-xúc đến bề ngoài thời khí động lên mà sinh ra thiện ác, cho nên người ta phải khéo ngự cái khí của mình, thời phải có cái phương-phép tu-vi.

Hoặc có người hỏi như thế nào thời gọi là người? Dương Hùng rằng: « Lấy bốn điều trọng, bỏ bốn điều khinh. » — Thế nào gọi là bốn điều trọng? — Nói rằng: « Trọng ngôn, trọng hạnh, trọng mạo, trọng hiếu, nói cần-trọng thời có phép, nết cần trọng thời có đức, mạo cần-trọng thời có uy, muốn cần-trọng thời có vui. » — Thế nào gọi là bốn điều khinh? Nói rằng: « Nói khinh-suất thời thêm lo, nết khinh-suất thời thêm tội, mạo khinh-suất thời thêm nhục, muốn khinh-suất thời thêm dâm. » Những lời nói ấy đều không ra ngoài cái phạm-vi lời nói của đức Khổng phu-tử; học-thuyết của Dương Hùng về đàng phương-diện thực-tiễn, toàn là theo cái lối cũ của phái nho-gia, có nói rằng: « Lời nói của Lão-tử bàn đạo-[illegible], ta vẫn lấy làm hay; còn bàn đập-bỏ cả nhân-nghĩa, tuyệt-diệt cả lễ-nhạc, thời ta không cho làm phải. » Xem đó thời biết đại-khái cái học của Dương Hùng vậy.

Mô-phạm. — Dương-Hùng cho thân người ta là một thể tiểu-huyền, cho nên muốn tu thân thời phải có thầy, học được thầy lâu dần rồi cũng hóa như thầy, cho nên nói rằng: « Chăm học một mình không bằng tìm thầy, ông thầy là làm mô-phạm cho người ta vậy. Xem như con nhện phải con tò-vò bắt nuôi, tò-vò đắp tổ lại nuôi, mà cầu khẩn rằng giống ta, lâu dần rồi con nhện hóa giống tò-vò thật. Chóng thay bảy mươi gã học-trò sao giống thầy Trọng-Cung như vậy? Hoặc người hỏi: người có thể đúc được không? Nói rằng: Đức Khổng-tử thường đúc ra ông Nhan-Hồi vậy. »

Kết-luận. — Học-thuyết Dương-Hùng luận về tính cũng cho làm rất thiện, nhưng còn cái tiềm-lực của khí nó phát-động ở trong tính, thời chưa nói rõ cái tính-chất nó thế nào, đó là luận về tính mà cũng còn có khuyết-điểm vậy.

ĐÔNG-CHÂU *dịch.*

BÀI PHÚ PHƯƠNG-NGÔN

Phóng-vận (100 vần)

Phương-ngôn tục-ngữ là cái kho tài-liệu rất quí-báu cho văn quốc-ngữ bây giờ. Những nhà để-tâm về quốc-văn, yêu chuộng đến quốc-túy, phải nên chú-ý sưu-tập lấy cho nhiều, biên chép lấy thật kỹ, vì giọng văn tự-nhiên của người mình là ở đó, tấm hồn cố-hữu của nòi giống cũng ở đó. Nếu cứ khinh là nôm-na mách-quê, mà chỉ để truyền ở cửa miệng bọn hạ-lưu, không chịu ghi-chép vào sách-vở người tri-thức, thời cái kho văn, cái túi khôn của dân-tộc mình ấy, chẳng bao lâu mà tiêu-mòn đi mất, thật đáng tiếc thay.

Nay ông Ngạc-đình PHẠM QUANG-SÁN *có soạn ra bài phú sau này, ghép toàn bằng phương-ngôn tục-ngữ, chia ra một trăm vần, được tới ngót nghìn câu, thật cũng đã dụng công sưu-tập lắm. Bản-chí kỳ trước đã đăng bài « Việt-Nam phong-sử », giải nghĩa một trăm câu phong-dao, kỳ này lại in bài « Phú phương-ngôn » này, gom-góp nghìn câu tục-ngữ, là chủ ý muốn giúp cho việc bảo-tồn quốc-túy, gây dựng quốc-văn vậy.*

N. P.

* * *

1. — Ngẫm câu phương-ngôn; ngán thay thế-tục. Trăm khéo nghìn khôn; nằm lừa bảy lọc. Thi nhau bằng lá gan; dính nhau như miếng mộc. Bầu leo giây-bí cũng leo; húng mọc tía-tô cũng mọc. Biết mùi chùi không sạch, thấy bở thì đào; quen hơi lôi chẳng ra, cứ mềm thì đục. Trắng như bông, đông như mỡ, tốt mã rẻ-cùi; lành làm gáo, vỡ làm môi, đứt đuôi nòng-nọc.

2. — Đứt tay hay thuốc; có tật dật mình. Nối giáo cho giặc; đánh đu với tình. Nước khe đè nước suối; nhà ngói như nhà gianh. Giùi đến đục, đục đến chạm; béo chê gầy, gầy chê tanh. Làm biếng phải thì, đan lỗi hóa miếng trám; nói khoác được thề, buồn ngủ gặp chiếu manh. Xé mắm không được mút tay, trăm cái khôn dồn cái dại; tránh vôi chẳng sợ xấu mặt, một câu nhịn là chín câu lành.

3. — Đất vua chùa làng; của đời người thế. Lọt sàng xuống nia; hỏng nồi vơ rế. Cờ-bạc là bác thằng bần; nôm-na là cha mách-qué. Bới lông tìm vết, trâu buộc ghét trâu ăn; lấy thịt đè người, cá lớn nuốt cá bé. Xương bỏ ra, da bọc lấy, xanh vỏ đỏ lòng; cây muốn lặng, gió chẳng đừng, xẩy đàn tan nghé.

4. — Cơm vua áo chúa; lệnh ông cồng bà. Cây non dễ uốn; người khôn chóng già. Hò voi bắn súng xậy; cồng rắn cắn gà nhà. Chữa được bệnh, không chữa được mệnh; lành với bụt, ai lành với ma. Sầm vào cuội ra, được mùa cau đau mùa lúa; quít làm cam chịu, tội thằng báo oan thằng gia. Con dại cái mang, dột từ nóc dột xuống; môi hở răng lạnh, rời trong xương rời ra. Xứ Thanh cậy thế, xứ Nghệ cậy thần, giang-sơn nào anh-hùng nấy; hội đám xem bơi, hội chơi xem dước, đình đám người mẹ con ta.

5. — Của người phúc ta; khôn nhà dại chợ. Ba vuông bảy tròn; nhất tội nhì nợ. Trẻ cậy cha, già cậy con; giầu về bạn, sang về vợ. Một nhà ba con ngọng, con ngô con khoai; ba vợ bảy nàng hầu, vợ nằm vợ mới. Tối như đêm dầy như đất, gác kéo đầu kim; xem bằng mặt bắt bằng tay, múa dìu mặt thợ. Nồng như vôi, cay như ớt, ghét đào đất đổ đi; trơ như đá, vững như đồng, gan đất trời không sợ.

6. — Thuốc đắng dã tật; mật ngọt chết ruồi. Vung tay quá trán; dấu đầu hở đuôi. Tay xỏ ra, tà đâm xuống; kèn thổi ngược, trống đánh xuôi. Ngu-cư bắt nạt chúa làng, trứng trọi với đá; đám cưới không bằng lại mặt, gáo dài hơn chuôi. Khôn lắm dại nhiều, chẳng thấy ai nằm tay đến tối, ruồi tay đến sáng; nòi nào giống ấy, có lẽ đâu đen đầu thì bỏ, đỏ đầu thì nuôi.

7. — Lưng đen khố cao; chân bùn tay lấm. Chó già giữ xương; chuột chù nếm dấm. Nhởn-nhơ như con đĩ đánh bồng; vênh-váo như bố vợ phải đấm. Rô cũng tiếc, diếc cũng muốn, bắt cả hai tay; trẻ chẳng tha, già chẳng thương, vơ đũa cả nắm. Chuông kêu thử tiếng, đem chuông đi đấm nước người; trống thủng còn tang, đánh trống qua cửa nhà sấm.

8. — Bắt nhái bỏ đệp, rước voi rầy mồ. Mù trời được kẻ; đục nước béo cò. Ốc mang mình chẳng nổi; ếch thấy hoa thì vồ. Bống có gan bống, bớp có gan bớp; trâu chết mặc trâu, bò chết mặc bò. Nói chữa sạch, vạch chẳng thông, khôn ngoan rùa mộc; học chả hay, cầy chả biết, tài-cán cóc khô. Hương-đảng tiểu triều-đình, miếng việc làng bằng sàng só bếp; kim-ngân phá lề-luật, tiền nhà quan như than vào lò. Khôn mỗi người một ý, lịch mỗi người một mùi, đi dác sắm bầu, đi câu sắm dỏ; sống mỗi người một nết, chết mỗi người một tật, thợ may ăn rẻ, thợ vẽ ăn hồ.

9. — Đầu rồng đuôi tôm ; lòng chim dạ cá. Châu-chấu đá voi ; giồng-giồng theo nạ. Mất tiền tậu trâu chiêu, đa nhân hiếp cá quả. Dân tổng-lý, quốc công-hầu ; đất thổ-công, sông hà-bá. Tiền lĩnh quần chị không bằng tiền chỉ quần em ; một mảnh bát ngô còn hơn một bồ bát đá. Người khôn của khó, nhanh-nhảu đoảng, thật-thà hư ; tiếng cả nhà không, phong-lưu mượn, đài-các giả. Ở hậu lại gặp hậu, ăn cơm với mắm thời ngắm về sau ; làm ơn được nên ơn, uống rượu không say như vay chẳng giả.

10. — Tiền rừng bạc bể ; ruộng cả ao liền. Thương con ngon của ; tốt ông không tiền. Chưa múa mã đã giã đám ; mới có ván đã bán thuyền. Cả giận mất khôn, ông phải đấm, bà phải đạp ; già đòn non lễ, quan cứ lệnh, lính cứ truyền. Năm quan cất ra, ba quan cất vào, có tiền mua tiên cũng được ; một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa, không thầy đố mày làm nên. Thằng dại làm hại thằng khôn, chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết ; cái nết đánh chết cái đẹp, ăn giầu có tốt, bà cốt nên tiên.

11. — Cá bể chim ngàn ; chó khôn mèo lạc. Giả tỉnh giả say ; nửa mở nửa nạc. Ăn đã vậy múa gậy làm sao ; bói ra ma quét nhà ra rác. Sống về mồ về mả, chẳng sống về cả bát cơm ; cấm giả lệnh giả thị, ai cấm mang bị nói khoác. Buôn thúng bán mẹt, bốc ô nọ bỏ ô kia ; buông dầm cầm trèo, hết việc này sang việc khác. Thấy của thì tối mắt lại, nhân nghĩa gì bằng nhân nghĩa tiền ; khi vui thì vỗ tay vào, trung-hậu cũng là trung-hậu bạc. Tát cạn bắt lấy, chẳng được con chắm con chép, cũng được mớ tép mớ tôm ; lường gạt ăn thua, đấy có hoàng-cầm hoàng-kỳ, đây có trần-bì chỉ-sắc.

12. — Tre già măng mọc ; đậu đỗ bìm leo. Nước đổ đầu vịt ; mỡ để miệng mèo. Hết khôn giồn đến dại ; có ít sít ra nhiều. Cháy nhà mới ra mặt chuột ; cả sóng thời ngã tay chèo. Rút ruột giả người, một nong tằm năm nong kén ; nuôi lợn lấy mỡ, bảy bồ cám tám bồ bèo. Của ai người ấy ăn, của anh anh mang, của nàng nàng xách ; con ai người ấy xót, con vua vua dấu, con chúa chúa yêu. Gà mọc đuôi tôm, bụt không thèm mày ma, hộ-pháp không thèm cắn chắt ; chó cắn áo rách, ma không thương người ốm, kẻ trộm không thương người nghèo.

13. — Chúa tầu nghe kèn ; nhà trò giữ dịp. Phù-thủy đền gà ; hộ-pháp ăn tép. Khôn làm lại, dại ở nhà ; giầu coi kho, no nhà bếp. Non cũng trèo, bể cũng lội, có chí thì nên ; cơm chẳng lành, canh chẳng ngon, trái duyên khôn ép. Qua dào vỗ vế, chưa khỏi vòng đã cong đuôi ; già léo đứt giây, hồ vo tròn lại bóp bẹp. Tiền dòng bạc chảy, của nhà giầu như nước như non ; ăn được nói nên, miệng kẻ sang có gang có thép.

14. — Ma chết mất miệng ; gái đĩ già mồm. Trời cùn rế rách ; khố nhất áo ôm. Đi buôn gặp năm hồng-thủy ; làm đĩ có văn tế nôm. Trơn lông đỏ da, ở nhà giầu, hầu quan lớn ; no lòng ấm cật, ăn cơm hom, nằm giường hòm. Hỏng dắng nọ vớ dắng kia, năng nhặt chặt bị ; đứng núi này trông núi nọ, già kén kẹn hom. Chân nam đá chân chiêu, buộc cổ mèo, treo cổ chó ; tay sốt đồ tay nguội, giật đầu cá vá đầu tôm.

15. — Xấu mã tốt duyên ; vụng chèo khéo trống. Có voi đòi tiên ; vẽ bò bán bóng. Lươn ngắn lại chê trạch dài ; trâu ho cũng bằng bò rống. Dại thật là dại, chim-chích cứ chực ghẹo bồ-nông ; dơ chẳng biết dơ, bìm-bịp chỉ dình bắt gà sống. Ăn bữa sáng lần bữa tối, miếng khi đói bằng gói khi no ; vào cửa mạch ra cửa tả, tiền nhà khó như gió nhà trống. Hơi có

mã đã khoe mình đẹp, đẹp cái tép kho tương ; động lập nói đã cất miệng thề, thề cá trê chui ống.

16. — Qua cầu cất dịp ; đánh trống bỏ giùi. Mỏng môi hay hớt ; to đầu khó chui. Mặt cưa lại gặp mướp đắng ; bọ nét đã có rể-cùi. Anh em như chân tay, anh nhường em kính ; vợ chồng xét nhân nghĩa, chồng tới vợ lui. Trèo cao ngã đau, trăm cái đấm không bằng một cái đạp ; kín trên bền dưới, một cái nóc chở được nghìn cái rui. Liệu gió phất cờ, được mùa buôn vải buôn vóc, mất mùa buôn thóc buôn gạo ; đánh mộc tùy miếng, thương con cho roi cho vọt, ghét con cho ngọt cho bùi.

17. — Đong đầy khảo vơi ; ăn không nói có. Đá thúng đụng nia ; mắng mèo chửi chó. Tiền có ít thịt muốn nhiều ; cơm chẳng ăn gạo còn đó. Người làm quan nhất-tự cách-trùng ; kẻ có nhân mười phần chẳng khó. Tầu cứ mạn quán cứ vách, tế nước theo mưa ; thuyền theo lái gái theo chồng, thuận buồm xuôi gió. Tiền trao cháo múc, ăn miếng chả giả miếng bùi ; xôi hỏng bỏng không, vào chỗ hà ra chỗ hố.

18. — Chồng hòa vợ thuận ; trong ấm ngoài êm. Giầu tậu khó bán, lớn bùi bé mềm. Của anh như của chú ; con chị cũng con em. Người Lào hay ăn mắm nhái ; bụt Nam lại từ oản chiêm. Uống nước lã cầm hơi, không ăn mẻ cũng phải chết ; ngậm bồ-hòn làm ngọt, đã khó chó lại cắn thêm. Cầm gậy chọc trời, hẫng-hờ như hàng tổng đuổi kẻ cướp ; cắm sào đợi nước, lần-quần như ông già trèo đò đêm. Hết trò nọ giở trò kia, ông nói gà bà nói vịt ; hay của nào chào của ấy, chồng ăn chả vợ ăn nem.

19. — Đi nhớ về thương ; ra luồn vào cúi. Chạy ngược chạy xuôi ; đâm sầm đâm dụi. Xấy vai thì xuống cánh tay ; vuốt mặt không biết nể mũi. Bán rao chào khách, nói ngọt lọt đến xương ; giả dại làm ngây, có tinh dinh trong bụi. Giỏ nhà ai quai nhà ấy, gà quê ăn quẩn cối xay ; sống quê cha ma quê chồng, cáo chết quay đầu về núi. Khôn hiện ra mặt, nhân hiền tại mạo, trắng gạo ngon cơm ; hay xoay vào lòng, sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi.

20. — Nịnh - thần ôm áo ; sửa túi nâng khăn. Nhón tay làm phúc ; rây máu ăn phần. Thầy già con hát trẻ ; quan xa bản-nha gần. Trông thấy có họa mắt thánh ; chẳng thiêng ai gọi là thần. Mài sắt nên kim, kiến tha lâu cũng đầy tổ ; bóp cổ lẻ lưỡi, giun xéo lắm cũng phải quằn. Cái da bọc cái xương, khôn chân gân mặt ; miếng thịt là miếng nhục, tham thực cực thân. Vừa dòn vừa xinh, đẹp cũng không mài mà uống ; giả đui giả điếc, dại chưa dễ bán mà ăn. Kiện dan bàn ngay, được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười lăm quan chẵn ; giầu ăn khó chịu, nhà giầu ngày ăn ba bữa, nhà khó đỏ lửa ba lần.

21. — Mặt cú da lươn ; đầu cua tai ếch. Như cóc vái trời ; như gà đá vách. Chết trẻ càng khỏe ma ; sống lâu hơn ở sạch. Người hiếm của kiếm, cái khó bó cái khôn ; chị ngã em nâng, lá lành đùm lá rách. Mắt la mắt lét, chợ chưa họp kẻ cắp đã đông ; chân trong chân ngoài, quan chầy rồi thợ ngói cũng tếch. Khó giữ đầu, giầu giữ của, người làm nên của, của chẳng làm nên người ; buôn có bạn, bán có phường, khách nhớ nhà hàng, nhà hàng không nhớ khách.

22. — Sào sâu khó nhổ ; đò nát đụng nhau. Có mới nói cũ ; ăn xưa chừa sau. Bỏ thì thương, vương thì tội ; yêu nhau lắm, cắn nhau đau. Của như non ăn mòn cũng hết ; muối bỏ bể không kể vào đâu. Đòn sóc hai đầu, làm trai phân hai mà nói ; chỏ tay năm ngón, có cơm thì vạn người hầu. Cháy thành vạ lây, đâm bị thóc chọc bị gạo ; nằm ngửa nhổ ngược, được đằng chân lân

đẳng đầu. Yêu hoa nên phải vin cành, chiều chồng lấy con, chiều người lấy việc ; trồng cây có ngày ăn quả, có chi làm quan, có gan làm giầu.

23. — Đầu đội vai mang; mắt lòa chân chậm. Ăn xổi ở thì, cầy sâu cuốc bẫm. Đen đầu cũng kể là người; sưng chân một phường chết dấm. Nói lành sành ra dữ, bằng cái sẩy nẩy cái ung ; việc bé xé ra to, sai một ly đi một dặm. Giận cá chém thớt, vật chụi chẳng được vật thày tu; bắt ngựa đẳng đuôi, đường quang chẳng đi đi đường rậm. Tay cầm tay cắp, thẳng còng làm thẳng ngay ăn ; bước trước bước sau, quan Phủ đi quan Tri nhậm.

24. — Chó cùng dứt dậu; trâu lấm vẫy cày. Góp gió làm bão; theo đóm ăn tàn. Đồng tiền liền khúc ruột; mặt dỗ tổ lá gan. Cháu bà nội tội bà ngoại; con nhà lính tính nhà quan. Nhiều tiền thì thắm ít tiền thì phai, sấu đều còn hơn tốt lỏi ; có mười thì tốt có một thì xấu, khôn độc không bằng ngốc đàn. Khi nên trời cũng chiều lòng, đặt lửa lửa đỏ đặt cỏ cỏ xanh; ra tay gạo xay ra cám, chỉ sông sông cạn chỉ núi núi tan.

25. — Ở hiền gặp lành; làm phúc phải tội. Lễ giả chúa mường; gan già ma mọi. Chùa rách có bụt vàng; áo bả gặp ngày hội. Thương con để bụng, yêu cho đòn, ghét cho chơi; làm biếng dồng xương, sớm chẳng cần, trưa chẳng vội. Tiểu-nhân dắc-chí, ăn mày đòi xôi gấc, ăn chực đòi bánh trưng. quân-tử phòng-thân, đi bừa có áo tơi, đi chơi có nón đội. Làm phúc muốn cho được phúc, có của thêm vào chẳng có của bào ra; thờ thày mới được làm thày, bắc cầu mà nọi ai bắc cầu mà lội.

26. — Bọ-chó múa bấc; bồ-gìn giữ dưa. Buôn mây bán gió; giãi nắng dầm mưa. Được mùa thày chùa no bụng; thơm-thảo bà lão ăn thừa. Lấy nong mà đẻ, lấy đấu mà đong, xấu mặt xin tương cùng húp; có mồm thì cắp, có nắp thì đạy, biết tay ăn mặn thì chừa. Khấu trâu giả lễ bò, vào quả cà ra quả táo ; giả lửa đẻ ra ngựa, tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Sướng lắm khổ nhiều, đời cha ăn mặn đời con khát nước, ăn thật làm giả thợ sơn bôi-bác thợ bạc lọc-lừa.

27. — Phú-quí giật lùi ; hàng văn đánh ngược. Đau chóng đã chầy ; đẻ sau khôn trước. Thách nhà giầu húp tương ; hỏi thày tu mượn lược. Yêu thầm nhớ vụng, giận thời mắng lặng thời thương; ăn gửi nằm nhờ, hay thời ở dở thời bước. Làm ruộng thời gia, làm nhà thời tốn, mọc lạt bát cơm; đi buôn có bạn, đi bán một mình, ngày đàng gang nước. Lo quanh lo quẩn, lo gì lo, lo con bò trắng răng; thương miệng thương môi thương gì thương, thương gặm xương chẳng được.

28. — Thuyền xuôi gió ngược ; nước chảy đá mòn. Cửa cao nhà rộng; gác tía lầu son. Trăm sông dồ cả về bể, một cây làm chẳng nên non. Chửa học làm xã đã học ăn bớt; có gan ăn cắp có gan chịn đòn. Ăn xó ngó niêu, thân lươn chẳng quản lấm mắt; lặn ngòi ngoi nước, cá chuối đắm đuối vì con. Sẩy mẹ bú dì, chị nó đi dì nó lớn; sẩy cha còn chú, cháu nó lú chú nó khôn. Bóc ngắn cắn dài, cây to bóng to, cây nhỏ bóng nhỏ; ngoàm nào đố ấy, nồi méo vung méo, nồi tròn vung tròn.

29. — Tiếng nọ điều kia; đồ nào thức ấy. Búa đánh không ra; thuổng đào chẳng thấy. Thành lở đã có chúa xây ; giặc phá không bằng nhà cháy. Một đào một kép, đũa mốc chòi mâm son ; ba cọc ba đồng, giùi đục trấm nước cáy. Chết đuối vớ phải bọt, số nghèo làm chẳng nên giầu ; nước lã quấy nên hồ, nhà giầu nói đâu ra đấy. No giồn đói góp, mồng ba ăn giỗ, mồng bốn ngồi không ; bớt ngủ khoan ăn, canh một chưa nằm, canh năm đã dậy.

30. — Của chồng công vợ; phúc chủ lộc thầy. Cơm no bò cưỡi; ruộng sâu trâu cầy. Con hơn cha nhà có phúc; cơm nhà chúa múa tối ngày. Trống bỏi vật mình, khỏi nhà ra thất-nghiệp; thắt lưng buộc bụng, đóng cửa đi ăn mày. Ngoảnh mặt làm ngơ, cửa chẳng qua nhà chẳng đến; trọc đầu càng mát, con không học thóc không vay. Mạnh về gạo bạo về tiền, nén bạc đâm toạc tờ giấy; khôn ăn cái dại ăn nước, miếng ngon đánh ngã bát đầy.

31. — Cõng rắn vào nhà; nuôi ong tay áo. Trạch bỏ giỏ cua; chuột sa chĩnh gạo. Không bột sao gột nên hồ; có thực mới vực được đạo. Một may một rủi, chó ngáp phải ruồi; càng rẻo càng dai, mèo già hóa cáo. Mua đắt bán rẻ, ngoa-ngỏa như ả bán gà; phận hẩm duyên hôi, buồn tanh như đĩ về lão. Bạc đầu vẫn dại, đã hai thứ tóc còn tính trẻ con; bé người chơi trèo, chưa ráo máu đầu đã học nói láo. Đĩ dầy đĩ dạc, con sâu bỏ cả nồi canh; nói viển nói vông, mười voi không được bát sáo.

32. — Vị cây giây cuốn; sẻnh nạ quạ tha. Tay xờ lên gáy; ruột để ngoài da. Quan cần mà dân chẳng vội; trẫm chết thì trạng cũng già. Ra cửa trước vào cửa sau, đạo thánh là đạo rộng; ăn cây nào giào cây ấy, của người như của ta. Đi lạy quan, về lạy dân, khôn ngoan đến cửa quan mới biết; sống ở làng, sang ở nước, quan sang cũng bởi làng mà ra. Thương người, người chẳng thương, làm phúc làm duyên, bán-thân bất-toại; của trời, trời lại lấy, chẳng ăn chẳng chơi, nửa đời ra ma.

33. — Tiếng bấc tiếng chì, lá mặt lá trái. Có thịt đòi xôi; ăn sung giả ngái. Hoài ngọc cho ngâu vầy; làm hoa cho người hái. Thao-láo như cáo trông trăng; oai-oái như rắn bắt nhái. Trai có vợ như dọ có hom; gái không chồng như thuyền không lái. Ăn chung đồ lộn, tiền của là chúa trên đời; ngang bằng xổ ngay, thật-thà là cha quỉ quái. Mở miệng nói không khỏi họng, lầm-dầm như đĩ khấn tiên-sư; có của làm chẳng nên ăn, lật-đật như ma vật ông vải. Bới lắm càng xấu mặt, duốc ông cũng thối, duốc bà chẳng thơm; ở sao cho vừa lòng, bên cha cũng kính, bên mẹ cũng vái.

34. — Của thiên giả địa; câu chuôm thả ao. Sư nói sư phải; vãi hay vãi vào. Vụng tay khéo con mắt; no cơm dửng hồng-mao. Thừa tiền ném xuống sông xuống bể; nói dại đồ bên ngô bên lào. Đông có mây tây có sao, máu chảy đến đâu ruồi bâu đến đấy; ao có bờ sông có bến, xanh chẳng có lỗ cá đi đằng nào. Bán anh em xa mua láng giềng gần, làm bạn lo gì mất bạn; gặp thì buổi nào theo kỷ-cương ấy, đâm lao thời phải theo lao. Có bụng ăn có bụng lo, thân trâu trâu lo, thân bò bò liệu; được bữa nào xảo bữa ấy, đời cua cua máy, đời cáy cáy đào.

35. — Chiếu miến chăn đào; bàn sou con tiện. Có răng răng nhai; oan hồn hồn hiện. Con mắt là mặt đồng cân; miếng trầu là đầu câu truyện. Trong anh em, ngoài cờ bạc, hơn chục kém đừng; nhất quận-công, nhì không lều, còn ăn hết nhịn. Đem tiền mà dẫy, phóng tài-hóa thu nhân-tâm; lấy của che thân, bán gia-tài mua danh-diện. Quan tha nha bắt, cứ người có tóc, ai cứ người chọc đầu; trên thuận dưới hòa, xui nhau làm phúc, ai giục nhau đi kiện.

36. — Cây cao bóng cả; nước chảy bèo trôi. Qua sông đến bến; ở bề vào ngòi. Cò gỗ mồ cò thịt; lợn lành chữa lợn toi. Không có cá lấy cua làm trọng; mới có bí chê bầu rằng hôi. To gan chí mề, voi chéo ngà, bà một mắt; mọc lông trong bụng, cua thâm càng, nàng thâm môi. Rộng người cười, hẹp người chê, đố ai uốn câu vừa miệng cá; gần thì nhờn, xa thì oán, chưa dễ

lấy chỉ buộc chân voi. Mang nặng đẻ đau, có hoa mừng hoa, có nụ mừng nụ ; lành ăn dễ khiến, bảo thịt ừ thịt, bảo xôi ừ xôi.

37. — Tiếc thịt trâu toi ; cưỡi đầu voi dữ. Mua của đồng cân ; bán quá-phòng-tử. Quyền ai bằng quyền bà hoàng ; lo gì bằng lo sang sử. Bán hương buôn phấn, làm đĩ có minh-tinh ; đổi trắng thay đen, bán trời không văn-tự. Ăn có mời làm có khiến, hữu-thỉnh hữu-lai ; còn không biết hết không hay, vô-lo vô-lự. Nhân bần trí đoản, đói ăn vụng túng làm càn ; phúc-chí tâm-linh, giầu vẻ-vang sang lịch-sự. Cây chọn lá cá chọn vầy, suy lạng tính đồng ; ruộng giữa đồng chồng giữa làng, tròn vành rõ chữ.

38. — Xác-xơ tổ địa ; mầu-mỡ riêu cua. Khôn sống bống chết ; mạnh được yếu thua. Vợ chồng chẳng duyên thì nợ ; thế-gian thấy bán thì mua. Lỡ thì gặp quan-tri hóa vợ ; làm đĩ có hương-án thờ vua. Thi khéo thi khôn, voi đá chó cũng đá ; lành tranh lành chói, thuyền đua lái cũng đua. Mỗi người mỗi nghề, khéo vá may vụng chầy cối ; phận nào phận ấy, khôn làm lẽ khỏe ở mùa. Một mất mười ngờ, trăm tội cứ dồ đầu nhà oản ; năm cha ba mẹ, lắm sãi không ai đóng cửa chùa.

39. — Ngày trải tháng qua ; nay lần mai lữa. Yếu chân mềm tay ; non măng trẻ sữa. Thua trời một vạn còn hơn thua bạn một ly ; làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm ba lứa. Của ngon vật lạ, hết nạc thời vạc đến xương ; lễ thiệt điều hơn, nói phải như gãi chỗ ngứa. Bảo một đường thỉnh một nẻo, nước đổ lá khoai ; hết truyện nọ gọ truyện kia, nói ngang cành bứa. Ôm chân ngồi xó, ở với mẹ biết ngày nào khôn ; vuốt bụng thở dài, chê của dì lấy gì làm bữa.

40. — Trứng đẻ đầu đẳng ; táo đỏ mặt mâm. Ăn hơn hờn thiệt ; đứt nối tối nằm. Tối như hũ đút ; nát như tương đâm. Rát như lửa cháy ; buốt như kim châm. Nhung-nhúc như rươi tháng chín ; len-lét như rắn mồng năm. Bóng-bẩy nước sơn, trong đom-đóm ngoài bó đuốc ; đá-đưa đầu lưỡi, miệng thơn-thớt dạ ớt ngâm. Ngày đàng học một sàng khôn, nào ai phải theo chân nối gót ; lời nói bằng một đọi máu, không còn hòng mọc mũi sủi tăm. Trước mặt ông sứ, vắng mặt thằng ngô, mồm đọc ca tay gảy đàn lỗi ; của người bồ-tát, của mình lạt buộc, miệng nam-vô bụng bồ dao găm.

41. — Mưa ngọ gió mùi ; đầu dần cuối dậu. Mật ít ruồi nhiều ; đất lành chim đậu. Bỡ-ngỡ như bợ vào rừng ; ươm-ướp như cá trong chậu. Khêu gan chọc tiết, lửa đương cháy lại tưới dầu thêm ; kén cá chọn canh, cơm không ăn lại chờ cháo nấu. Tốt phô ra xấu-xa đậy lại, phấn ai giồi gót chân ; ăn tìm đến đánh nhau tìm đi, gà bới thóc gà nào bới đống chấu. Cơm ăn tiền lấy, sáng rửa cưa, chưa mài đục, tối giục nhau về ; ngày tối mai qua, nay tát đầm, mai tát đìa, ngày kia giỗ hậu.

42. — Dắt lưng đầu rắn ; ăn cướp cơm chim. Trăm khoanh tử đốm ; bảy nổi ba chìm. Khó muốn giầu đau muốn đã ; thương đi gọi nhớ đi tìm. Lịch-sự đủ mùi, nước chè tầu trầu cơi thiếc ; phong-lưu ra giáng, gạo da ngà nhà gỗ lim. Củ tỏi giắt lưng, khư-khư như ông từ giữ oản ; áo dài quét gót, lúng-túng như thợ vụng mất kim. Bệnh quỉ đã có thuốc tiên, đỏ như hoa vông đông như miếng tiết ; xấu máu đòi ăn của độc, người đáng đồng sứt cứt đáng chầy lim.

43. — Mạnh chân khỏe tay ; no lòng ấm cật. Của bền tại người ; sơn ăn từng mặt. Mèo đến thì khó, chó đến thì giầu ; người ăn thì còn, con ăn thì mất. Thề sống thề chết, một đời cha ba đời con ; khấn ngày khấn đêm, chín

phương trời mười phương đất. Khi thừa phòng có khi thiếu, tháng tám trông ra, tháng ba trông vào ; hay làm mà chẳng hay lo, quan tám cũng ừ, quan tư cũng gật. Chú khỉ ni mi khỉ khác, có đi có lại mới toại lòng nhau ; cơm là gạo áo là tiền, nói gần nói xa chẳng qua nói thật.

44. — Mày ngang mũi dọc ; đầu tròn gót vuông. Dắt trâu qua ống ; đo bò làm chuồng. Gái có chồng như gông đeo cổ ; trai không vợ như cau không buồng. No xôi thổi cơm, dửng-dưng như bánh trưng ngày tết ; ăn cháo đái bát, đểnh-đoảng như canh cần nấu xuông. Đón trước dào sau, ăn có nhai nói có nghĩ ; giơ cao đánh sẽ, mềm thì nắn rắn thì buông. Đi đêm có lần gặp ma, trăm bó đuốc vớ được con ếch ; đề đất nặn lên ông bụt, một hòn chì đúc chẳng nên chuông.

45. — Há miệng chờ ho ; ghé đầu chịu báng. Tức nước vỡ bờ ; cạn tầu ráo máng. Năm cũng đợi tháng cũng chờ ; đêm có khuya ngày có rạng. Bắt nạt con trẻ, cả vú lấp miệng em ; phung-phá của trời, vén tay đốt nhà táng. Học ăn học nói, học gói học mở, dao năng liếc thì sắc, người năng chào thì quen ; có cấy có trông, có trồng có ăn, chuông có gõ mới kêu, đèn có khêu mới sáng.

46. — Xỏ chân lỗ mũi ; buộc chỉ cổ tay. Bắt cóc bỏ đĩa ; dạy khỉ trèo cây. Rẻ liền mặt đắt tiền chịu ; sáng tai họ điếc tai cầy. Con có cha như nhà có nóc ; gái có chồng như rồng có vây. Lắm thầy thối ma, cha chung không ai khóc ; kẻ tung người hứng, mẹ bắt con khen hay. Năm người mười làng, đèn nhà ai rạng nhà ấy ; trăm giọng nghìn lưỡi, sấm bên đông động bên tây. Chồng xướng vợ theo, thuận vợ thuận chồng bể đông cũng cạn ; cha sinh mẹ dưỡng, không cha không mẹ như đàn đứt giây.

47. — Nhờ gió bẻ măng ; bới bèo ra bọ. Chết đuối đọi đèn, nghe hơi nồi chõ. Mạnh bạo anh-hùng rơm ; chàng-giàng hoa viên gỗ. Loi-thoi như mèo xổ ruột, chật thây ra ngoài ; thin-thít như thịt nấu đông, tra tay vào lọ. Kiếm ăn mỗi người một ngả, em ăn bể bắc anh tìm bể đông ; của chung thiên-hạ đồng lần, ông có của kia bà chìa của nọ. Bán chôn nuôi miệng, đã làm đĩ lại toan cáo làng ; khác máu tanh lòng, thấy người sang bắt quàng làm họ.

48. — Miệng khôn chôn dại, tay sách nách mang. Nữ hành dành bạc ; người sống đống vàng. Con cháu khôn hơn ông vải ; sứ-giả ăn trước thành-hoàng. Đói cho sạch, rách cho thơm, tốt danh hơn lành áo ; đất có lề, quê có thói, phép vua thua lệ làng. Kể-lể con cà con kê, nói gàn bát-sách ; gật-gù tay đũa tay chén, say tuýt cung thang. Đồ rớt cho nheo, mắng đếch không thiêng, mắng láng-giềng giữ vía ; đua hơi với giải, dạy đĩ vén sống, dạy ông cống vào tràng.

49. — Máu chảy ruột mềm ; bụng đói cật rét. Không đánh mà dau, đã chót thì chét. Bồ-hôi nước mắt, ky-cóp cho cọp nó ăn ; dùi đục cắng tay, loi-thoi đấm voi không chết. Ăn ngay nói thẳng, mất lòng trước hơn được lòng sau ; trên kính dưới nhường, lắm kẻ yêu hơn nhiều người ghét. Đánh con kể tội, ngảnh đi con dại, ngảnh lại con khôn ; giữ của cho trời, người sống của còn, người chết của hết.

50. — Trâu khỏi bò mắc ; cú có vọ mừng. Mua vải bán áo ; vay mật trả gừng. Phải ai tai người nấy ; chờ mạ má đã sưng. Tiền nào xỏ không lọt chuỗi ; gạo đồ bốc chẳng đầy thưng. Có mắt thì trông, ăn mày chẳng tày giữ bị ; đến tay phải phất, khát nước chẳng lọ đè sừng. Giẳng không đứt, dứt không ra, ky-ky cồm cồm ; trẻ chửa qua, già chưa đến, nhỡ-nhỡ

những nhừng. Ăn chắt để dành, vặt mũi chẳng đủ đút miệng; quấy hôi bôi nhọ, giải áo cho người xem lưng. Chốn chùa đi ở chùa, của thập-phương ăn mày lộc phật; làm quan sang cả họ, cháu chín đời còn hơn người dưng.

51. — Sinh-sự sự-sinh; hại-nhân nhân-hại. Bạc-ác bất-nhân; từ-bi từ-tại. Khôn ba năm, dại một giờ; quan nhất-thời, dân vạn-đại. Cờ bạc khát nước, mong gỡ ra lại buộc thêm vào; buôn bán câu giầm, không có vốn lấy đâu làm lãi. Hay ăn thì lăn vào bếp, khen nết hay làm, chẳng ai khen nết hay ăn; nói ngọt như rót vào tai, đánh kẻ chạy đi, không nỡ đánh kẻ chạy lại. Mèo lành không ở mả, giặc bên Ngô không bằng cô bên chồng; chó gầy hồ người nuôi, tớ người khôn hơn làm thày người dại.

52. — Mồ mèo lấy mỡ; ăn chó cả lông. Kéo cày trả nợ; làm mướn không công. Thèm lòng chẳng ai thèm thịt; bằng mặt mà chẳng bằng lòng. Tính quẩn lo quanh, lục-dục như thày bói giọn cưới; ra ngẫm vào vuốt, nhởn-nhơ như con đĩ đánh bồng. Hơn chẳng bõ hao, một nghề thì kín, chín nghề thì hở; đan chẳng tầy dậm, một lần chẳng tốn, bốn lần chẳng xong. Làm quan có mả, kẻ cả có giòng, con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh; ăn trộm có tang, chơi ngang có tích, gái xuất-gia phi chốn chùa thì lộn chồng.

53. — Mối đục chân vua; kiến bò miệng chén. Sự thật mất lòng; lâu ngày dài kén. Trẻ chơi dạo trẻ, già chơi đạo già; cóc có gan cóc, kiến có gan kiến. Ra đụng vào chạm, chim vào lồng biết thủa nào ra; trước lạ sau quen, lửa gần rơm lâu ngày cũng bén. Nhiều no ít đủ, cơm ba bát, áo ba manh; lễ bạc lòng thành, của một đồng, công một nén. Gặp sao hay vậy, biết tội đâu mà tránh, biết phúc đâu mà cầu; ăn vóc học quen, có học thì mới biết, có đi thì mới đến.

54. — Mông-mênh bể Sở, nông-nổi giếng khơi. Mưa hòa gió thuận; vật đổi sao dời. Gậy vông phá nhà gạch; đất bụt nem chim trời. Có con tội sống, không con tội chết; nhiều tiền đong đầy, ít tiền đong vơi. Càng quen càng lên cho đan, rán sành ra mỡ; thấy đỏ đã ngỡ là chín, bắc chõ nghe hơi. Nguyên viết hữu, bị viết vô, yêu nhau nên tốt, ghét nhau nên xấu; dám có tang, đạo có tích, khôn chẳng qua lẽ, khoẻ chẳng qua lời. Già quen việc, trẻ quen ăn, cho biết hơn một ngày hay một chước; sông có khúc, người có lúc, chẳng ai giầu ba họ khó ba đời.

55. — Vượn hót chim kêu; cọp tha ma bắt. Lên ngược xuống xuôi, đi ngang về tắt. Ăn xứ bắc, mặc xứ kinh; trai tay trái, gái tay mặt. Bé người to con mắt, ra tay cầm lửa đốt trời; sống lâu lên lão làng, cạn ao thì bèo xuống đất. Bỉ khinh bỉ trọng, giở mặt như bàn tay; cành thấp cành cao, khinh người nửa con mắt. Đi cầu nào biết cầu ấy, nhà giầu tham việc, thất-nghiệp tham ăn; suy bụng ta ra bụng người, làm quan muốn sang, nhà bàng muốn dắt.

56. — Ma chê cưới trách; ngựa ghẻ dòn ghen. Sà ngang duỗi dọc; giấy trắng mực đen. Đẹp vàng son, ngon mật mỡ; chết kèn trống, sống dầu đèn. Có thủy có chung, trước làm sao sau làm vậy; biết lui biết tới, trên trông xuống dưới trông lên. Được nước làm tràn, vừa đánh trống vừa ăn cướp; cháy nhà cùng sưởi, người bưng lỗ người thổi kèn. Dễ người dễ ta, hòn đất ném đi, hòn chì ném lại; sinh voi sinh cỏ, của đồng làm ra, của nhà làm nên.

57. — Hai ông một bà; ba vua bầy chúa. Thịt nạc giao phay; xương chối dìu búa. Nằm giữa chẳng sợ mất phần chăn; ăn cơm không biết giở đầu đũa. Coi như cái tàn cái lán, của trọng hơn người; hơn nhau cái áo cái quần,

người tốt về lụa. Bán hàng chiều khách, trăm kẻ bán vạn người mua ; họp chợ lấy người, một mặt người mười mặt của. Ăn cơm mới nói chuyện cũ, miếng ngon nhớ lâu, lời đau nhớ đời ; uống nước sông nhớ ngọn nguồn, nhai kỹ no lâu, cầy sâu tốt lúa.

58. — Đầu bù tóc rối ; thịt bắp vai u. Được ăn thua chịu ; xấu đổi thiếu bù. Bà già vớ được kẻ cắp ; con dại làm hai thằng tù. Bước chân vào vòng, lại khéo vẽ đường cho hươu chạy ; đâm đầu vào bụi, những toan giơ nách cho người cù. Ích kỷ hại nhân, chín người yêu mười người ghét ; xui nguyên giục bị, một đời kiện ba đời thù. Của trời tám vạn nghìn tư, ai có phúc thì gặp ; lộc Phật Hằng-hà sa-số, đường nào lợi thì tu.

59. — Gà mọc lông măng ; chó có váy lĩnh. Ngậm đắng nuốt cay ; quạt nồng ấp lạnh. Nhạt như nước ao bèo ; thơm như hoa dứa ánh. Nheo-nhéo như mõ réo quan-viên ; tấp-tửng như trẻ được cái bánh. Lừ-đừ như ông từ vào đền ; nhấp-nhảy như thầy bói cúng thánh. Của đưa đến miệng, qui-vật dãi qui-nhân ; nói để ngoài tai, thần hồn nát thần tính. Tham vàng bỏ ngãi, được lòng ta, xót-xa lòng người ; phản bạn lừa thầy, bạc thì dân, bất-nhân thì lính. Vợ xứ đông, chồng xứ bắc, khó nước người phải kiếp thì theo ; trai thì loạn, gái thì bình, giặc đến nhà đàn bà phải đánh.

60. — Ba làng bảy chợ ; một chốn bốn quê. Mò kim rốn bể ; đơm đó ngọn tre. Vừa được ăn vừa được nói ; mặc ai lười mặc ai te. Chỉ Tấn tơ Tần, trâu làng nào ăn cỏ đồng ấy ; dầu Ngô mình Sở, râu ông nọ cắm cằm bà kia. Khôn văn tế, dại văn bia, giốt đặc hơn hay chữ lỏng ; thần cây đa, ma cây gạo, bợm già mắc bẫy cò-ke. Làm phúc cũng như làm giầu, khó hai bàn tay giầu hai con mắt ; đói năm không ai đói bữa, no ba ngày tết, đói ba tháng hè.

61. — Lắm rễ nhiều cành ; đông đàn dài lũ. Sáng cửa rạng nhà, dài áo cao mũ. Hầu quân-tử, hơn chồng đần ngu ; khó huyện-quan hơn giầu tư-vụ. Tin đi tin lại, lắm mối tối nằm không ; lo khó lo khăn, có công chồng chẳng phụ. Nhá hạt cơm chẳng vỡ, khôn đâu đến trẻ, khỏe đâu đến già ; lấy đồng tiền làm lào, đi nói dối cha, về nói dối chú. Rộng miệng cả tiếng, dâu dữ mất họ, chó dữ mất láng-giềng ; lâu ngày thành tinh, mèo già hóa cáo, táo già hóa thần-chủ.

62. — Đầu tắt mặt tối ; tay làm hàm nhai. Mất lòng còn ruột ; giật gấu vá vai. Dốc một lòng, trông một đạo ; người ba đấng, của ba loài. Mắt dẹt mắt tròn, lấm-lét như quạ chui chuồng lợn ; chân le chân vịt, lông-bông như ngựa chạy đường quai. Gửi của tay người, gần mực thì đen, gần đèn thì sáng ; quen hơi bén tiếng, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Khôn thì tại tính tại tâm, trai khôn lắm nước đái, gái khôn lắm nước mắt ; ở cho có nhân có nghĩa, dâu hiền hơn con gái, rể hiền hơn con trai.

63. — Thày mật tớ ruồi ; mẹ gà con vịt. Vào nhỏ ra to ; thử kêu đốt tịt. Yếu trâu cũng bằng khỏe bò ; đắt cá còn hơn rẻ thịt. Thày bói nói dựa, thì-thào thì-thầm ; khách nợ làm rầy, díu-da díu-dít. Của đâu vãi ra giồng - giồng, bạc vụn tiền dời ; số giầu mang đến dửng-dưng, nhà ngói cây mít. Làm cỗ phải ăn cỗ lẽo, của làm ăn no, của cho ăn thèm ; dạy con từ thủa con thơ, người dại dạy nhiều, người khôn dạy ít. Thiên-hô bát-sát, nói một tấc đến trời ; chín đụn mười trâu, chết hai tay cắp đít.

64. — Ăn no vác nặng ; chặt to bung dừ. Đồ dùng phó đề ; miệng nói ông hừ. Bé con nhà bác, lớn xác con nhà chú ; ăn ngồi áp vách, có khách ngồi ngụ-

cư. Nồi nát về cầu nôm, vào mồng ba ra mồng bảy ; cơm hàng ngồi đầu ghế, buôn quan tám bán quan tư. Thớt mỏng lại đến thớt dầy, tiền ra khỏi cửa tiền để ; tật nào vẫn giữ tất ấy, người không ăn lời người hư. Chở củi vào rừng, của thế-gian đãi người ngoan thiên-hạ ; cất lúa dựng thóc, bảng thẳng trọc chẳng nề lòng ông sư.

65. — Kiếp trâu kéo cày ; thân lừa ưa nặng. Cỗ ghét tám từng, áo vá trăm chặng. Thông-gia lại hóa oan-gia ; thượng-đẳng phải sợ bất-đẳng. Bút sa gà chết, đi đời nhà ma ; tiền mất tật mang, chết cha thẳng khoẳng. Áo bông lồng áo kép, một cỗ hai tròng ; bát máu đổi bát cơm, hai sương một nắng. Thánh ứng ra miệng, làm ơn nên oán, làm bạn thiệt mình ; thần cũng vị tiền, vô vật bất linh, vô tiền bất ứng. Tiền thật mua của giả, bọ người thì nhắm, bọ mắm thì chê ; nhà khó đẻ con khôn, sâu muống thì đen, sâu dền thì trắng.

66. — Trời đánh thánh vật ; ma chê quỉ hờn. Giường cao chiếu sạch ; ăn trắng mặc trơn. Chửa ăn đã sợ mất phần, no bụng đói con mắt ; chẳng đẹp cũng kể là mới, xấu gỗ tốt nước sơn. Mua kẹo bán đường, vay nên ơn, trả nên nghĩa ; liệu cơm gắp mắm, rộng làm kép, hẹp làm đơn. Của mua đầy nồi của chẳng ngon, trâu toi bò ngã ; đồng tiền đi sau đồng tiền dại, rau già cá ươn. Của ít lòng nhiều, ăn chẳng hết, thết chẳng khắp ; tiền nằm lãi chạy, vay nên nợ, dỡ nên ơn.

67. — Quỉ quấy nhà tray ; ma mặc áo giấy. Đói khóc no cười ; cầu được ước thấy. Mắt như mắt cá-chầy ; đầu như đầu chầy mày. Hết của nhà ra của người ; cưa mạch nào đứt mạch ấy. Phòng không chực tuyết, cơm tận miệng chẳng ăn ; áo đơn đợi hè, nước đến chân mới nhảy. Hàng thịt nguýt hàng cá, bè ngồ đi trước, bè dừa đi sau ; lòng vả như lòng sung, bụng trâu làm sao, bụng bò làm vậy. Mau chân nhẹ bước, đói đầu gối phải bò ; mất nết hư thân, chửa mùa dưa lại chảy. Ăn phải có mực, bồ-dục đâu đến bàn thứ năm ; giỏ chẳng chót đời, bạc đầu không bằng đứa lên bảy.

68. — Nụ cà hoa mướp ; rễ má giầy mơ. Cả sông đông chợ ; sâu ao cao bờ. Đỗ nành là anh dưa chuột ; sợi chỉ là chị cái tơ. Nói không hết lời, há miệng mắc quai nón ; ăn chả bỏ ỉa, khỏi họng ra bọng dơ. Hai năm rõ mười, ngắn quan hai dài quan tám ; của mười lấy một, lợi bốn tám hại năm tư. Sa cơ phải lụy cơ, gió chiều nào che chiều nấy ; xử thế nên tùy thế, mưa bao giờ mát bấy giờ.

69. — Xứa vượt qua dăng ; ếch ngồi đáy giếng. Buông rộng thả dài ; ăn bơ làm biếng. Ướt sề còn hơn về không ; chửi cha không bằng pha tiếng. Dịu-dàng con gái, đẹp nết còn hơn đẹp người ; nết-na học-trò, có tiếng mà không có miếng. Nay đầu cầu, mai cuối chợ, xỏ-lá ba-que ; trai xóm trại, gái hàng cơm, giang-hồ tứ-chiếng. Họa lại thần âm, đường đi hay tối, nói dối hay cùng ; tập dữ tính thành, ngủ ngày quen mắt, ăn vặt quen miệng.

70. — Nhà rách vách nát ; cửa đóng then cài. Cha căng chú kiết ; chồng đông vợ đoài. Uống chè tầu, ngồi trường-kỷ ; ăn cơm nguội, nằm nhà ngoài. Lôi-thôi như cá chôi xổ ruột ; lẵng-nhẵng như bò lẵng đứt quai. Tốt số được mùa sinh, con gái tháng hai, con trai tháng tám ; bán hàng phải mà cả, đàn đầu quân mốt, đàn đốt quan hai. Việc mình mình làm, việc trời trời làm, vụng mùa lại chê đất lệch ; có nhân nhân mọc, vô nhân nhân chầm, thức lâu mới biết đêm dài. Của trời chỉ có bấy nhiêu, khéo ăn thì no, khéo co thì ấm ; đời người không được mấy chốc, chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng hoài.

71. — Mắt toét ba vành ; đầu rù tám tặng. Gươm cầm đẳng chuôi ; dao chém bằng dọng. Đã cầm khoán lại bẻ măng; chưa nóng nước đã đỏ gọng. Mặt hoa da phấn, trong như ngọc trắng như ngà ; áo rách quần manh, xác như vờ xơ như rộng. Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ, thầy dốt đọc canh khôn ; ăn chẳng nên đọi, nói chẳng nên lời, mẹ lừa ưa con ngọng. Cầu kiều bắc dịp, muốn con hay chữ thời yêu lấy thầy ; chó đá vẫy đuôi, chửa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng.

72. — Trời cao bể rộng ; núi lở sông cồn. Đo mây đo gió ; còn nước còn non. Sống lâu biết nhiều sự lạ ; ăn lắm thời hết miếng ngon. Vỏ quít dầy gặp móng tay nhọn ; chim sáo-sậu có lông sơn son. Thấp mưu thua trí đàn bà, to đầu mà dại ; trẻ vỏ không bằng vận đỏ, tốt số hơn khôn. Của nhà lá vườn, tôm kề đầu rau kề mớ ; nước sông gạo chợ, tiền có đồng cá có con. Thương người lại khó đến thân, cái ách giữa đàng đâm quàng vào cổ ; ở đời không gì bằng của, nốt ruồi ở cổ có lỗ tiền chôn.

73. — Giết người không gươm ; làm đĩ có tán. Khôn cậy khéo nhờ ; thuận mua vừa bán. Thương người như thể thương thân ; học thầy chẳng tầy học bạn. Ăn chửa no, lo chửa đến, tóc xanh nanh dài ; băm chẳng lỗ bỏ chẳng vào, mặt dầy mày dạn. Làm thầy nuôi vợ, làm thợ nuôi miệng, ruộng bề-bề không bằng nghề trong tay ; mua trâu xem vó, lấy vợ xem nòi, mặt đăm - đăm tát nước đầm chẳng cạn.

74. — Ma thiêng nước độc ; núi đỏ rừng xanh. Trèo non vượt bể ; xuống thác lên ghềnh. Đuổi chẳng được tha làm phúc ; bẻ không vin cả gẫy cành. Ông có cái dò, bà thò trai rượu ; trẻ được manh áo, già được bát canh. Trốn lên đẳng trời, ác-báo lại gặp ác-báo ; giắt nhau xuống giếng, quần-manh lại dẫn quần-manh. Bưng kín miệng bình, tâm - ngẫm như gái ngồi phải cọc ; thắt chặt quai túi, tấp-tểnh như đĩ được cái danh. Sông bao nhiêu nước cũng vừa, dại làm cột con, khôn làm cột cái ; của chất như non cũng hết, sống mặc áo rách, chết chôn áo lành.

75. — Ti-hí mắt lươn ; xù-xì da cóc. Bán sầu mua vui ; đòn cười tươi khóc. Đắng như bồ-hòn ; nhạt như nước ốc. Ngọt như hồng-tầu ; trong như bột lọc. Đẹp như ông sao băng ; đỏ như mặt trời mọc. To như con voi nan ; trắng như trứng gà bóc. Lợi bất cập hại, năm đồng đỗ ba đồng đường ; kính chẳng bõ phiền, một tiền gà ba tiền thóc. Tranh hơn tranh kém, gà cậy gần chuồng ; tầm-vảo tầm-vênh, chó ngồi bàn độc. Khôn-ngoan hết nước, mưu con-đĩ, trí học-trò ; hay dở trong tay, bút nam-tào, cưa thợ mộc.

76. — Ngồi thúng cất cạp ; ăn dấu trả bồ. Ở hậu gặp bạc ; hết khôn hóa dồ. Chuối đẳng sau, cau đẳng trước ; cây bên ta, lá bên ngô. Mắt dương như mắt ếch ; cổ ngỗng như cổ cò. Ruột ngay như ruột ngựa ; phổi xốp như phổi bò. Bắt nhặt bắt khoan, tội vịt chưa qua tội gà đã đến ; đua hơi đua sức, cái tép cũng nhảy cái cua cũng bò. Lúa tốt về phân, deo mạ cũng còn kén giống ; thuyền mạnh về lái, cách sông nên phải lụy đò. Tạo-hóa khéo trêu ngươi, đĩ - dạc lấy chồng quận - công, chính - tông lấy chồng thợ giác ; nhân-duyên đều tại số, tha-thướt là vợ thông-lại, nhễ-nhại là vợ học-trò.

77. — Thiên bất dung gian ; lý vô tận sát. Quỉ đông quỉ tây ; ma đói ma khát. Hương bụt thắp thờ bụt, phụng-thỉnh như-lai ; ngỗng ông lại lễ ông, nam-vô bồ-tát. Trang-hoàng lịch-sự,

lọng máu cáo áo, hoa-hiên ; xơ-xác dạc-dầy, quần cháo-lòng, khăn mảnh-bát. Nhà rỗng như đít bụt, tiền hết gạo không ; mặt ngay như cán-tàn, văn dốt vũ dát. Có tinh chấp-cha chấp-chới, mắt anh anh liếc, mắt nàng nàng đưa ; ít tiền làm lại làm đi, tạm vợ vợ già, tạm nhà nhà nát.

78. — Sức dài vai rộng ; mặt bủng da chì. Tay đứt ruột sót ; miệng nói chân đi. Chồng học-trò vợ con hát ; trai phần-đường gái trường-thi. Hết nợ làm giầu, bán rẻ còn hơn để lãi ; làm ăn gặp dịp, bở lãi không bằng phải thì. Con vua thời lại làm vua, thiên-cao hoàng-đế viễn ; của bụt lại thiêu cho bụt, tâm-động quỉ-thần tri. Phận gái làm dâu, mẹ chồng như lông con phượng, bố chồng như tượng mới tô, nàng dâu là bồ chịu chửi ; tài trai gửi rể, bố vợ là vớ cọc trèo, mẹ vợ là bèo trôi sông, chàng rể là ông ba-vì.

79. — Được cá quên nơm ; ăn quả bỏ hột. Vay chín trả mười ; ngắn hai dài một. Soen-soét như mép thợ ngôi ; loi-thoi như dọi bà cốt. Nếp mừng nếp tẻ mừng tẻ, quí như hòn ngọc trên tay ; có rằng có không rằng không, nói như đóng đanh vào cột. Khôn-ngoan tự thủa bé, lên tám bằng ông lão tám mươi ; hơn tuổi là đàn anh, bảy mươi phải học người bảy mốt. Ở đời chơi cho thích chí, có ăn có chơi mới gọi là trâu ; trông người lại ngắm đến thân, chẳng đui chẳng què mới khoe rằng tốt.

80. — Leo cây mò cá ; vạch lá tìm sâu. Chỉ buộc chân ngựa ; đàn gảy tai trâu. Quả xanh lại gặp nanh sắc ; vây cá còn hơn lá rau. Nỗi nọ đường kia, dạy cho đến chân răng kẽ tóc ; cha nào con ấy, giống cả từ gót chân đỉnh đầu. Trăm hay không bằng tay quen, cha mẹ sinh con, trời đất sinh tính ; máu loãng còn hơn nước lã, anh em khinh trước, làng nước khinh sau. Trời còn rộng đất còn dài, trăng đến rằm thời tròn, sao đến tối thời mọc ; đất có tuần, dân có vận, núi ai đắp mà cao, bể ai đào mà sâu.

81. — Ăn nói dịu-dàng ; nết na đứng-đắn. Đồ rô đồ trê ; khoe rồng khoe rắn. Mặt nặng như đá đeo ; đứng dương như bia bắn. Xoi-xói như thày bói đâm cua ; khư-khư như ông huyện giữ ấn. Trơ bàn tay trắng, bán ốc không dư tiền đi dò ; nặng nợ mà đào, làm đĩ không đủ tiền mua phấn. Nảy nòi nảy giống, đất sỏi cũng có trạch vàng ; mua vội mua vàng, tiền tầy phải uống rượu cần. Phị họ nội tắc họ ngoại, một bát máu sẻ năm sẻ mười ; chẳng thế nọ thời thế kia, năm ngón tay ngón dài ngón ngắn.

82. — Mũ dài đai rộng ; cơm nặng áo dầy. Tin bạn mất vợ ; khỏi rèn quên thày. Chèm che chẳng dè đầu mặt ; ăn quả nhớ kẻ trồng cây. Bát mẻ chiếu manh, ăn-mày cầm tinh bị-gậy ; mặt gio mày muội, què-quặt hiện ra chân tay. Của đến miệng chẳng ai chê, châu-chấu thấy đỏ lửa thời đến ; gươm kề cổ cũng chẳng sợ, cà-cuống chết đến đít còn cay. Cao chẳng đến thấp chẳng thông, nói người khôn ai thèm nói với người dại ; tham thời thâm lắm thời thiệt, chết thẳng gian bao giờ chết được thẳng ngay.

83. — Mống đông vồng tây ; trời nam bể bắc. Tắt lửa tối đèn ; hao dầu tốn bấc. No nên bụt đói nên ma ; được làm vua thua làm giặc. Chửa ăn đã lo đói, chuột chù chạy quanh ; đến chết cũng không chừa, chó đen giữ mực. Quay thua đáo gỡ, chồng đánh bạc vợ đánh bài ; phận đẹp duyên ưa, gái tham tài trai tham sắc. Lặng như ao, động như bể, lên bổng xuống chìm ; giầu làm chị, khó làm em, ra chầu vào chực. Chơi vung tàn-tán, kiếm ba năm, thiêu không đủ một giờ ; nói tràn cung-mây, tràng ba mươi, khoát không được một tấc.

84. — Buông quăng bỏ vãi; ăn sống nuốt tươi. Nói dối như cuội; kẻ cắp như rươi. Có tiếng chẳng mạnh thời bạo; vô-duyên chửa nói đã cười. Chửi lắm nghe nhiều, giỏng mái tai, gài mái tóc; ăn tàn làm hại, khoét con mắt, lồng con ngươi. Nhiều làm phúc, ít làm duyên, nam-vô một bồ lấy bốn; kêu cho thấu, tấu cho đến, của bụt mất một đền mười. Khẩu-thuyết vô-bằng, lấp sông lấp giếng, ai lấp được miệng; nhân-tâm bất-trắc, đo sông đo bể, dễ đo lòng người.

85. — Cơm vua nợ dần; quê cha dất tổ. Bằng mặt bằng mày; có nanh có mỏ. Nói như chó cắn ma; ăn như hùm đơm đó. Ăn tray nói dối, sư đâu mà sư hổ-mang; ra lẳng vào lơ, gái thế là gái quạ-mồ. Ở đình nào chúc đình ấy, ăn nói lọt vành; yêu con chị vị con em, khôn ngoan trẻ vỏ. Chưa đẻ người đã đẻ nết, sinh con ai nỡ sinh lòng; chẳng có của thì có công, rậm người hơn rậm cỏ. Từ-bi cũng phẩm oản quả chuối, hơi đâu mắm miệng day tay; lời nói đáng tấm lụa quan tiền, lọ phải mỏi mồm rát cổ.

86. — Đầu chay đầu tạp; mặt nhất mặt tam. Sông Ngô bể Sở; kẻ bắc người nam. Thôi dừng dấu kim trong tay áo; đã chót dúng tay vào thùng chàm. Lâm đến việc vùng-và vùng-vẳng, mặt lưng mày vực; thấy của người lắm-la lắm-lét, dạ muốn lòng tham. Dốt đặc cán mai, học gì mà học, học chọc; bỏ vung xích chó, làm gì mà làm, làm nhàm. Trông mặt mà bắt hình-dung, người làm sao quản-bao làm vậy; đa duyên lắm đường phiền-não, mình làm ra chẳng ma nào làm.

87. — Thở ngắn than dài; điều nặng tiếng nhẹ. Bạo-hổ bằng-hà; kinh-thiên động-địa. Nổ như pháo dang; đẹp như tranh vẽ. Thắt như cồ bồng; rối như canh hẹ. Môi thâm mắt trắng, xanh như lá bạc như vôi; mặt xám mày xanh, đen như gio vàng như nghệ. Ai làm nên cơn nên trận, đầu chẳng phải lại phải tai; đi đâu mà vội mà vàng, bụt chưa nặn đã nặn bệ. Đâu vẫn hoàn đấy, gậy bà lại đập lưng bà; có cũng như không, con mẹ chẳng biết thương mẹ.

88. — Trăng trong nước đứng; gió bức mưa phùn. Dát như cầy sấy; nói như rồng phun. Xem đồng tiền như cái rác; coi vàng bạc như đất bùn. Trông chứ từng người, thấy có thóc mới cho vay gạo; lấy công làm lãi, muốn ăn hết thì phải đào run. Non cao cũng có đường trèo, gần bay la xa bay bổng; bể rộng biết đâu mà lường, cao chê ngỏng thấp chê lùn. Bạc-nghĩa vong-ân, khôn-ngoan cũng là khôn-ngoan lỏi; vu-oan giá-họa, lý-sự chẳng qua lý-sự cùn.

89. — Trời cao đất dầy; cha truyền con nối. Thượng-mục hạ-hòa; môn-đương hộ-đối. Cơm trắng ăn với chả chim; tiền chinh mua phải cá thối. Nói có sách, mách có chứng, trỏ mặt đặt tên; ăn bớt bát nói bớt lời, đọc canh sám-hối. Bớt bát mát mặt, nhịn đói nằm co hơn ăn no phải làm; ráo dấu lường thưng, đi buôn nói ngày bằng đi cầy nói giối. Chửa chi đã na-mô hớt, bụt nhà không cầu cầu ngoài đường; việc gì mà hãnh cầu non, mồ cha chẳng khóc khóc đống mối.

90. — Chồng chung vợ chạ; con độc cháu đàn. Chim khôn hay hót; chó dữ cắn càn. Của thiên-hạ nay đây mai đó; chợ trần-gian sớm họp chiều tan. Phận gái như hạt mưa sa, đặt đâu ngồi đấy; đồng tiền như miếng thịt chín, quá khẩu thành tàn. Lắm người nhiều điều, hồ dễ bưng miệng thiên-hạ; mua danh bán tiếng, chẳng qua che mặt thế-gian. Gần chùa gọi bụt bằng anh, nam-vô a-di-đà-phật; qua sông đấm gì cho sóng, hồ-khoan con mẹ bán than. Ở đời phải biết chiều đời, nhập-giang tùy-khúc, nhập-gia

tùy-tục ; có của không nên phí của, tích-cốc phòng-cơ, tích-y phòng-hàn.

91. — Uống rượu ngồi dai ; ăn no ngủ kỹ. Giá áo túi cơm ; tiều lưng gạo bị. Quan xứ Nghệ, lính-lệ Thanh-hương ; trai Bát-tràng, thành-hoàng Kiêu-kỵ. Cờ tay ai người ấy phất, bất đắc bất nhiên ; thành làng nào làng ấy thờ, dục hà dục hĩ. Cơm ngày ba bữa, ăn cho sống không phải sống mà ăn ; chơi khắp mọi phương, đĩ có tông chẳng ai trồng nên đĩ. Tiền bẵn hậu phú, nhất sĩ nhị nông ; hết gạo chạy rông, nhất nông nhị sĩ. Xuýt-xoát trứng gà trứng vịt, cá mè một lứa, cá đuối tầy đầu ; so-le cành bồng cành la, hàng cót bằng non, hàng rào bằng lũy.

92. — Bà tiền bà thóc ; thẳng nhẳng thẳng mường. Kiếp sau rau diếp ; tượng lo lọ tương. Thả sắt bắt cá sộp ; bán bò tậu lĩnh-ương. Lò-dò như cò bắt tép ; lăn-lóc như cóc bôi-vôi. Vẻ lịch mầu thanh, thơm như hoa, mát như nước ; lòng son dạ sắt, sống giữ thịt, chết gửi xương. Đi xa về gần, khó ở làng, sang ở thiên-hạ ; ở đâu âu đấy, ăn tại chủ, ngủ tại công-đường. Có của thời ấm vào thân, hết chả ai hay còn chả ai biết ; ở đời phải nghĩ cho chín, khôn cho người rái, dại cho người thương.

93. — Vạ gió tai bay ; cơn đen vận túng. Sống lâu giầu bền ; thuốc cha ma cúng. Ở chùa lại toan đốt chùa ; ngồi thúng chỉ chực cất thúng. Thiệt đơn thiệt kép, mất vải lại phải đi đo ; làm mè làm nheo, mua mâm thời đâm cho thủng. Làm dối lại dối giả, tiền ném xuống ao ; số giầu càng giầu thêm, nước chảy chỗ trũng. Cơm ăn đủ đầu mắm, quí-hồ có dế đỡ bỏng tay ; ngồi mát ăn bát vàng, tội gì ôm rơm cho rặm bụng.

94. — Múa tay trong bị ; đâm đầu vào tròng. Cái gương lầy liếp ; tiếng chì bằng bông. Cuộc đời xoay như chong-chóng ; lòng người rối như bòng-bong. Rung chẳng chuyển lay chẳng dời, bằng chân như vại ; đào không thấy ngoáy không được, coi trời bằng vung. Đi cho biết đó biết đây, đội đến chợ, gánh cũng đến chợ ; tùy thích muốn sao muốn vậy, tâm là lòng, ý cũng là lòng. Gia vô ngân, triều vô thân, mạnh-bạo só bếp ; quan bất phiền, dân bất nhiễu, nhởn-nhơ ngoài vòng. Đời người được mấy gang tay, trâu chết để da, người chết để tiếng ; lời nói đáng trăm quan qui, già nghe trẻ lại, gái nghe đắt chồng.

95. — Tình ngay lý gian ; học tài thi phận. Giầu điếc sang đui ; cờ gian bạc lận. Quyền rơm vạ đá, công-phu khó nhọc xuông ; mẹ bạc cha vàng, tiền-tài nhân-nghĩa tận. Vắt cổ chầy ra nước, ăn cỗ chỉ sợ mất phần ; đánh chó đá vãi phân, uống nước chẳng biết chừa cặn. Chật con người lòi con mắt, bất-nghĩa chi-tôn ; thượng cẳng chân hạ cẳng tay, vô-hồi kỳ-trận. Giữ danh giữ giá, được tiếng khen hơ hen chẳng còn ; trông trước trông sau, thuận mắt ta cả nhà cũng thuận.

96. — Người năm bảy đứng ; họ đôi ba bề. Bóp cổ bưng miệng ; móc gan moi mề. Hoa thơm vớ cả cụm ; giấy rách giữ lấy lề. Rắn trong lỗ bò ra, nói hươu nói vượn ; gà cùng chuồng đá lẫn, tiếng ong tiếng ve. Khó lụn đến xương, sờ chẳng ra, già chẳng thấy ; khôn giồn ra miệng, hay thời khen, hèn thời chê. Bò đen đánh lẫn bò vàng, đấy đáo-đề, đây cũng đề-đáo ; gai ngọn nhọn hơn gai gốc, ông ghê-gớm, bà cũng gớm-ghê. Khôn dại tùy người, khôn từ thủa lên ba, dại dẫu đến già cũng dại ; giầu khó tại phận, giầu trong trứng giầu ra, khó từ ngã ba khó về.

97. — Lành ở dữ đi ; tai qua nạn khỏi. Làm chạo làm nem ; bẻ hành bẻ tỏi. Tiu-nguỷu như mèo mất tai ; loanh-quoanh như chó nằm trời. Sông xa

nước chảy, muốn sang thời bắc cầu kiều ; đầu bạc răng long, đã già còn chơi chống bỏi. Thế-thần bịch thóc, giầu sơn-lâm lắm kẻ tìm ; tôi tớ đồng tiền, khó giữa chợ nào ai hỏi. Chưa biết ai phải ai trái, ông thày khoe ông thày tốt, bà cốt cậy bà cốt hay ; thôi đừng xui dại xui khôn, quan tiền nặng quan tiền chìm, mù-gìn nhẹ mù-gìn nổi.

98. — Chơi không ngồi rồi ; ăn sung mặc sướng. Ác-nghiệp cơ-cầu ; tiền-oan nghiệp-chướng. Ruột rối như tơ tằm ; nhà rỗng như tầu tượng. Ngủ vừa thích mắt, đêm năm canh chăn gấm chiếu điều ; ăn cho sướng mồm, ngày ba bữa nem công chả phượng. Chửa chi đã khoe khôn khoe khéo; vãi nói vãi hay ; tội gì mà lo ngày lo đêm, trời sinh trời dưỡng. Tùy-tâm sở-thích, trẻ vui nhà già vui chùa ; thuận mắt là hơn, ăn trông nồi ngồi trông hướng. Vách có tai, rừng có mạch, trong nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã thông ; mặt tầy lệnh, cồ tầy cồng ; quân-tử ẩn-hình, tiểu-nhân lộ-tướng.

99. — Cỏ rậm vườn hoang; cây khô lá héo. Quần rộng áo dài ; dầy thừa dép thiếu. Ăn mày đánh đồ cầu ao ; hàng săng chết phải bó chiếu. Bùa mê bả dột, chẳng dại thời ngay ; mặt nạc đóm dầy, chỉ ăn cho béo. Tiền trăm bạc chục, mặt tái mét nói phét thành thần ; mồm năm miệng mười, lưỡi không xương nhiều đường lắt-léo. Có thời thừa không thời thiếu, như truyện con hươu ; để thời buồn cắt thời đau, khác gì cái bướu. Chọc gậy xuống nước, đã được thể cũng dễ nên khôn ; đan thúng giữa đường, trước có vụng rồi sau mới khéo.

100. — Nợ vạn quan lạy ; sống khôn chết thiêng. Hồng nổi chôi rế ; thủng trống long chiêng. Dù ai nói giai như chão ; đây ta vẫn vững như kiềng. Áo mặc qua đầu, ma mới nạt ma cũ ; trứng khôn hơn vịt, thằng chết cãi thằng khiêng. Lỗi đất mất tiền, làm thầy thời khó, làm đầy-tớ thời dễ; ngửa tay xin đám, việc nhà thời nhác, việc chú bác thời siêng. Của bất-nghĩa là của vất đi, tiền cờ bạc để ngoài sân, tiền phù-vân để ngoài ngõ ; đường chẳng đi thời đường lại, con gà béo bán bên Ngô, con gà khô bán láng-giềng.

Ngạc-đình PHẠM QUANG-SÁN.

Trợ-tá huyện Hưng-nhân (Thái-bình)

GIẤC MỘNG SÔNG HƯƠNG (1)

Đêm hôm 18 tháng năm năm nay, tôi cùng bạn là Vân-bình-quân chơi thuyền tại ven bờ sông Hương. Lúc bấy giờ chừng độ tám chín giờ tối, vừng trăng mới mọc, ánh sáng long-lanh trên mặt nước, quanh mình thời gió thổi hiu-hiu. Phong-nguyệt đã hình như hẹn với chúng tả từ trước mà đến vậy. Chúng tôi cảm cái duyên gió mát trăng thanh ấy, bèn chèo thuyền ra giữa sông mà tắm để cùng vui với cái phong-cảnh thiên-nhiên.

Nhân tôi đi xa mới về, đến nhà thời gặp khi song-thân đương ăn mừng tiệc phong sinh. Tôi phải bận về việc giao-thiệp thù-tạc mất hơn mười ngày, xong việc rồi tôi bèn cùng bạn ra Kinh chơi. Vậy thời cái đêm hôm chơi thuyền tại sông Hương này, chủ-ý chúng tôi là để nghỉ-

(1) Dịch bài « Hương-giang-mộng » bằng bản-văn của ông NGUYỄN BÁ-TRÁC trong *Nam-Phong* số 38.

ngơi cho khỏi mệt, chớ không giống như những lúc đêm thanh vui-thú mà cung cầm dưới nguyệt, chén đào trước gió như ngày xưa vậy.

Tắm xong, chúng tôi cùng ngồi hóng mát, Vân-bình-quân thời nói chuyện những việc trong Kinh-đô, nghe lý-thú lắm.

Một lúc, chiều trời êm-ả, những ánh đèn hai bên bờ sông đã tắt dần, trông ra chỉ còn dịp cầu trơ-trơ, bóng cây thấp thoáng, phong-cảnh thê-lương mà thôi! Chúng tôi cùng nhau đi nghỉ. Câu chuyện của Vân-bình chưa hết hứng, hãy còn văng-vẳng bên tai tôi, song bấy-giờ thính-quan tôi cũng không hiểu là câu chuyện gì nữa. Bỗng thấy bên chợ Đông-ba, có một cái cầu từ bờ ra giữa sông dài độ năm sáu mươi thước tây, hai bên cầu, thuyền bè san-sát, chẳng khác gì chiếc lá sông Hoài, thuyền hoa bể Ngọc vậy. Khách chơi thuyền đầy sông, tiếng ca đàn réo-rắt. Trong đám thuyền ấy, có một cái phà treo gièm kết hoa, trông rất rực-rỡ, trong phà đặt một tiệc rượu, đèn thắp sáng choang, y như một cái nhà thủy-tinh ở trên mặt nước. Những người chơi trong phà, hoặc xưng là Trung-ương đại-nghị-sĩ, hoặc xưng là Nam-quốc đại-trạng-sư, hoặc xưng là Lý-khoa giáo viên, hoặc xưng là Từ-đàn học sĩ, rượu nồng hơi men, nói càn đắc-thế, ông thời luận-bàn chính-sự, ông thời bình-phẩm văn-chương, tiếng vang cả giang-hà, khí thôn cả ngưu-đẩu

Tiệc xong thời nhạc-công họa đàn, cô đầu múa hát, có người ca điệu Sài-gòn, có người hát khúc ca-trù kẻ thời ngâm bài tỳ-bà, kẻ thời kể chuyện Kiều-lầy. Còn các thuyền khác, cũng đàn cũng rượu, cũng cờ cũng ca, thực là một nơi cực-lạc cảnh-giới vậy. Những khách đi chơi ai cũng thích mà đứng lại xem.

Hồi lâu thời khách về hết, các thuyền đều lui ra khỏi cầu, tùy chỗ tiện cắm thuyền mà nghỉ. Bấy giờ chúng tôi đang đi lại trên cầu; chợt thấy một cái thuyền nhỏ đậu ghé vào chỗ bậc lên xuống đầu cầu, lái thuyền có một bà-lão ngồi ngoảnh mặt trông bốn phía, hình như có ý mời khách. Tôi nhân đến gần bà-lão ấy mà hỏi rằng: « Bà có thể cho tôi trọ ở thuyền này đêm nay không? »

Bà-lão nói: « Thuyền tôi đã có khách rồi, còn đợi một người bạn nữa chưa đến, nên thuyền còn đậu tại đây » Chợt nghe trong thuyền có tiếng người mĩ-nhân nói: « Hôm nay bà hãy cứ cho khách trọ, để tôi lên bờ, chớ đêm đã khuya rồi, tôi cũng chẳng đợi nữa. » Bà-lão bèn ghé thuyền vào đón chúng tôi xuống.

Thuyền khí chật, giá đi chơi thời không được thích lắm; nhưng trong thuyền có tiếng người mĩ-nhân; núi không cứ cao, có tiên là đẹp, nước không cứ sâu có rồng là thiêng; mắt chúng tôi bấy giờ chỉ ở người trong thuyền, chớ không ở thuyền vậy. Vào trong khoang thời thấy một người thiếu-phụ, chạc ngoài 30 tuổi, giáng người thanh-tú, nhan-sắc cũng dễ coi, song nom mặt có sắc buồn, mặc cái áo xanh mỏng, không trang-sức gì. Khi ấy, người thiếu-phụ thấy chúng tôi xuống, thời hai tay thu-xếp bàn đèn, sắp-sửa lên bờ. Chúng tôi thấy thế liền nói rằng: « Chúng tôi xuống đây có lẽ làm phiền cho nương-tử mất cái thú vui đêm nay chăng? »

Người thiếu-phụ nói: « Không hề chi, tôi xin lên bờ để tiện cho các ngài nghỉ. »

Tôi nói: « Thế ra Nương-tử chơi mát ở đây hay sao? — Người thiếu-phụ nói: « Tôi ở đây là vì chờ một người bạn, nhưngbây giờ đã nửa đêm rồi, thời dễ người ta không đến nữa. »

Tôi nói : « Chừng Nương tử có mắc cái bệnh phù-dung này hẳn ? »

Người thiếu-phụ nói : « Thưa không, cái đồ này là để cho người bạn tôi dùng, chứ đàn bà con gái giám mắc vào cái ấy ! »

Tôi nói : « Nương-tử có thể ở chơi lại đây đêm nay không ? Chúng tôi nhân đi luôn mấy ngày hôm nay, trong mình không được dễ-chịu. Người ta thường nói : « hút một điếu a-phiến, thời tỉnh chí và khỏe người » ; vậy xin nhờ Nương-tử luyện hộ chúng tôi cái vị thuốc linh-đan ấy. »

Người thiếu-phụ cười mà nói rằng : « Thực có thế ! Nếu ngài muốn dùng một vài khói chơi, thời tôi xin làm giúp, nhưng sau này hoặc ngài có mắc phải cái này, thời ngài đừng trách rằng tại tôi nhé ! Bây giờ chuông đã sang canh, lối về cũng không tiện. Vậy xin chiều lòng ngài. » Nói xong, bèn thắp đèn pha-lê, mở hộp thuốc sừng, nào tiêm giát ngọc, xe bịt vàng, dở ra đâu vào đấy, rồi tay liêm tay giọc, ngón tay vừa trắng vừa nhỏ, mềm-mại trông rất đáng yêu.

Tôi bèn ngồi gần người thiếu-phụ mà nói rằng : « Chúng tôi đã lâu nay, không được nghe hát ở Tràng-an này, Nương-tử sinh-trưởng tại đây, thời những xoang-điệu hẳn là thông-thuộc ; nhân đêm nay gió mát trăng thanh, dám phiền Nương-tử cho nghe một vài khúc, thời cũng là một cách tiêu-sầu cho khách. »

Người thiếu-phụ nói : « Khi tôi còn ít tuổi thời cũng có luyện-tập nghề ấy, song đã đến 10 năm nay chưa từng cất tiếng, nên bây giờ không thể nào hát được, chớ thực tôi không dám tiếc ngài »

Tôi nói : « Một giải sông Hương này, biết bao nhiêu là tài-tử giai-nhân, thời những chuyện về ái-tình dẫu chép cũng không thể hết. Nhân đêm nay chúng tôi chơi mát tại đây cũng là hạnh-ngộ. Vậy xin Nương-tử nói cho nghe một vài chuyện về cái tình-sử ở chốn này. »

Người thiếu-phụ nói : « Ái-tình, ái-tình à ! ở đời này những quân vô-loại nam-tử họ thường lợi-dụng hai chữ ái-tình mà làm hỏng mất một đời người của bọn quần-xoa không biết bao nhiêu mà kể ! Ôi ! cái ái tình thật là một kẻ cừu-địch của người ta vậy ! Thưa ngài, như tôi ở Tràng-an đã lâu, tuổi đã già mà vẫn còn mặt nước lênh-đênh, cành hoa vô-chủ. Thường những khi gặp ngày lành cảnh tốt, mà thấy vợ con nhà người ta cùng nhau hớn-hở phô-tía khoa-hồng, nhởn-nhơ đắc-ý, mà tôi thời năm năm chỉ trơ-trơ như chim hạc đậu riêng chiếc bóng trời tà, một mình bảng-lảng. Than ôi ! Tôi há có phải là một người vô-tình nữ-tử mà không biết làm vui cho người ta, hay tự mình ghét chúng để đến nỗi không ai thương đâu ! Một nửa đời người tôi kể biết bao nhiêu công-phu tô-phấn điểm-son, nhưng chẳng qua chỉ tổ cho trời kia ghen ghét, đến nay thời xuân đã gần tàn, thế-thái nhân-tình nghĩ mà chán-ngán. Ôi ! Tình-sử nhưng thật là lệ-sử của người đời vậy. Chả giám giấu gì các ngài, nếu nay tôi tuy có in thành một quyển sách riêng trong bụng này, song cũng chẳng muốn nói ra làm gì, nói bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu ! ... »

Tôi nói : « Vậy thời trong lịch-sử của Cô-nương tất có điều gì đau đớn lắm, xin cứ nói cho chúng tôi nghe, hoặc chúng tôi có phép giải-muộn cho Cô-nương chăng ? »

Người thiếu-phụ nói : « Kể cái bán-sinh lịch-sử của thân phong-trần này, thời chẳng qua chỉ nhàm tai các ngài thôi, song các ngài đã hỏi đến, vậy tôi xin nói lại để các ngài nghe, chắc hẳn khúc

đàn tỳ-bà trong bến Tầm-dương, chốn Giang-châu cũng có chàng Tư-mã. »

« Tôi vốn là con nhà tử-tế, cha tôi quê ở tỉnh Bình-định, lúc cha tôi còn trẻ, vẫn chuyên về nghề khoa-cử, đi thi đến 10 khoa mà không đậu, sau lại phải xoay về làm ruộng, bấy giờ dưới gối duy còn một mình tôi. Mẹ tôi lại mất sớm, cho nên cha tôi nưng-niu quí-hóa tôi như hòn ngọc trên tay vậy.

« Trừ những khi bận về việc cấy cấy ra, khi dỗi, cha tôi thường giậy tôi về nghề nghiên-bút, đến năm tôi 12, 13 tuổi thời cũng biết một đôi chữ.

« Năm 17 tuổi cha tôi gả cho một người học-trò thí-sinh có chân tam-trường, chàng là người hay chữ có tiếng, lại giỏi nghề đàn. Vợ chồng tôi bấy giờ cùng nhau câu thơ dưới nguyệt, ngón đàn đêm khuya. Cái duyên lứa đôi ấy thật là vui-vẻ, nhưng mà làm tài giai ở đời, thập niên đăng hỏa, mà chưa thành-lập gì, nhà nho lại hoàn nhà nho, thời thật là một sự hổ thẹn. Bởi thế cho nên vợ chồng tôi phận đẹp duyên ưa mới được có vài tháng, thời chồng tôi quyết chí ra Kinh-sư du-học để cầu đường tiến-thủ.

« Tôi cũng tỏ lòng yêu chồng mà khuyên nhủ chàng rằng : « Chàng chưa già, thiếp còn trẻ, cốt sao cho áo gấm mặc về, thời cái sự mong hẹn của đôi ta mới là to-tát, còn như nhi-nữ thường tình, thời xin chàng đừng nghĩ đến. »

« Chồng tôi từ-biệt tôi mà đi được một năm thời phụ-thí tại Kinh-sư, văn bài kỳ đệ-nhất, kỳ đệ nhị, anh em ai cũng khen là giỏi, chắc thế nào khoa này cũng đỗ cao. Ai ngờ đâu đến kỳ đệ-tam thời chẳng may phạm trảng-qui hỏng tuột.

« Thi xong, chàng bèn ở lại mà xin vào học Giám, nếu phen này mà không giật được bảng vàng mũ bạc chốn nhân-gian thời thề không mặt nào trông thấy phong-cảnh quê-hương nữa.

« Từ khoa ấy về sau Triều-đình lại đổi phép thi khác, thành ra bao nhiêu những nghề-nghiệp hay nửa đời người của chồng tôi đã hình như một cái « bánh giả » vậy. Bấy giờ lại phải theo về đường học mới. Tôi còn nhớ khi ấy chàng có gửi thơ cho tôi nói rằng hiện đương luyện-tập làm sách luận và quốc-ngữ, cũng đã tấn tới ít nhiều. Nào ngờ đâu sau khi tiếp thơ được vài tháng thời có tin bị bệnh, được tin tôi lập-tức đi ngay, vừa đến nhà trọ thời chồng tôi đã mệt nặng. Tôi hết sức thuốc thang chạy chữa, nhưng cũng không công-hiệu gì.

« Cách hai hôm sau, chồng tôi cầm lấy tay tôi ứa nước mắt mà bảo tôi rằng : « Bạn đáng yêu của tôi ơi! đôi ta kết tóc chưa được bao lâu mà nay đã hóa ra ly-biệt, nhưng tôi thật là một người bạc-hạnh, dù sốt-sắng về đường công danh, mê-mẩn về đường cử-nghiệp, để trên không được thần-hôn cùng cha mẹ, dưới không được hòa-lạc cùng vợ con. Cũng nghĩ rằng sau này bước lên được một tí thời trước nữa là báo-đáp song-thân, sau nữa hiền-thê cũng được thỏa lòng mong đợi. Nhưng nay không ngờ trời bắt tội thất-lộc ; danh chưa thành mà thân đã mất, để cho tôi chín suối không được ngậm cười, thời thương-tâm biết là dường nào ! Song trước khi tôi nhắm mắt có một điều xin hiền-thê biết cho tôi rằng : tôi sở-dĩ mắc bệnh như thế này cũng là vì tôi cố-công lệ-chí về đường tiến-thủ quá. sức vóc người được mấy, mà trước thời lao-tâm khổ-tứ về nghề thơ phú bao nhiêu năm, nay lại dụng-công chuyên-chí về nghề sách luận quốc-ngữ bao nhiêu năm ; mỗi một lần đổi cách thi, thời tôi đã phải dùng biết bao nhiêu là sức có

bao nhiêu là tâm-huyết, để theo thời mà nghiên-cứu việc học. Tôi thường thấy người đời nhân được cái dịp thanh-hoàng vị-tiếp này, cầu-thả thiệp-liệp, học mót được một đôi câu học-vấn dở Tây dở Tầu, để kiều-hãnh mà cầu lấy đỗ, thời tôi lấy làm chán quá, cho nên trong khi thay nọ đổi kia, bao giờ tôi cũng phải dụng tử-lực mà học-tập.

« Tuy vậy, tôi vốn bẩm-sinh là người yếu-đuối, chí lớn mà sức nhỏ, không biết tự-lượng, cái họa vong-thân này thực là tự mình mua lấy. Song tôi có một điều khả-dĩ cáo vô-tội với hiền-thê rằng tuy tôi ở chốn Tràng-An này là một chỗ ăn chơi của du-nhân lữ-khách, nhưng trong mấy năm trời nay, những sự tửu-sắc, tôi rất là nghiêm-giới, chưa từng nhìn đến bao giờ. Hiền-thê chớ có ngờ cho tôi là vì sự chơi-bời trác-táng mà đến bệnh để phí mất đời người vậy.

« Vạn-nhất chẳng may mà tôi có thế nào, thời nhờ hiền-thê đem những lời nói sau cùng của tôi bẩm cùng Thân-phụ và xin người tha lỗi cho tôi, thời tôi ở dưới suối vàng cũng được cảm ơn vô-cùng vậy.

« Chồng tôi nói xong rồi, thổ-huyết ra vài đấu mà mất.

« Thương-hại thay ! cho thân tôi bây giờ bóng loan chia rẽ, cầm-nguyệt đứt giây ; dẫu người ngoài thấy thế cũng còn đau-đớn thay nữa tôi, nhưng mà tôi thời nào có đau-đớn thế mà thôi đâu ! Bơ vơ đất khách một mình, lại gặp việc đại-biến ấy, dễ ai mà không hồn siêu phách lạc ruột héo gan khô. Ôi ! Ngày hôm ấy thật là một ngày các thần-kinh của tôi phải chịu một sự rất đau-đớn, khiến cho cái cảm-giác trong lòng tôi về sau này mất cái tính tự-nhiên đi vậy.

« Thấy chồng còn nằm đó, thân-thích chẳng quen ai, may nhờ có bạn đồng-học với chồng ngày xưa, đều hết lòng tư-cấp, bỏ tiền ra mà giúp cho tôi, mà chi-phí về việc tống-táng.

« Chồng tôi mất được vài tháng, thời cha tôi cũng kế mà từ-trần.

« Tang kia chưa hết, tang nọ đã mang, tình hiếu một mình, hai vai gánh nặng ; mồ nọ chưa yên, mồ kia đã đắp, bắc nam đôi ngả, nấm cỏ chia thân. Vầng nguyệt trêu ngươi, bơ-vơ con nhạn lạc ; bóng tà soi thấu, chói-rọi bốn bên tường. Bấy-giờ, thực tôi không còn biết lấy sống làm vui nữa. Ngày đêm chỉ mong tìm cách chết mà theo chồng nơi chín suối cho xong.

« Khả-ố thay ! cái tính-chất một người con gái nọa-nhược như tôi này, dù gặp phải cái quang-cảnh đau-đớn đến thế nào đi nữa, chẳng qua cũng chỉ nuốt cay ngậm đắng, mà mặc cho con Tạo xoay-vần, ngoài sự bi-thương khóc-lóc ra thời không còn biết lấy cái sức can-đảm của mình làm đối-phó, để tỏ rằng không khi nào an-tâm mà chịu cái vận-mạnh khốc-ngược của mình nó bắt mình.

« Khi ấy tôi bèn giọn nhà đến Tràng-an mà ở gần chỗ phần-mộ chồng tôi. Vì trong mắt tôi bấy giờ chỉ trông vào cái mồ ba thước đất ấy là một cái thế-giới rất quí-báu, rất yêu-mến của tôi, còn ngoài ra thời đều là đất khách quê người, tưởng không phải là thế-gian cho mình đáng nên kỷ-ngụ nữa. Than ôi ! cái mồ ba thước đất ấy bây giờ vẫn còn nguyên đó ; nếu không vì ngươi thời can chi thiếp phải long-đong lưu-lạc đến chốn này !... »

Người thiếu-phụ nói đến đấy thời thở giấc lên, hình như tỏ ra một cách đau-đớn vô-cùng, rồi đưa cái gio

tẩu cho tôi mà rằng :« Xin mời ngài.—Tôi liền đỡ lấy mà hút rồi hỏi rằng :» Thế ra bây giờ Nương-tử là một vị phụ-nhân thủ-mộ hay sao ?»

Tôi hỏi vừa giứt lời, nhằm mặt người thiếu-phụ hình như có giáng hồ-thẹn mà trả lời rằng : « Than ôi ! nếu tôi mà làm được một vị phu-nhân giữ cái mộ ấy cho đến nay thời chẳng là vinh-hạnh lắm du ! Nhưng mà con người vô-tình này, có đâu được như thế. Tôi thật là một người đàn-bà không có huyết-tính gì ở trên thế-gian này, tội to ác lớn, để nhơ-nhuốc cả thân-danh, một đoạn lịch-sử của tôi về sau này, nghĩ đến mà toát mồ hôi, nhưng đã nói thời cũng xin nói hết để các ngài nghe, dù các ngài thương hay ghét, tôi cũng xin vâng chịu.

« Tôi ở Tràng-an vừa ba năm trời, góa-bụa một mình nơi đất khách, lại không có kế gì làm ăn. Bởi vậy mà cái chí tòng-nhất cùng ai không trọn vậy.

« Ở gần nhà tôi có một chàng họ Trần, thân-phụ chàng gia-tư khá, cho chàng đi học chữ Tây, đến năm chàng 23 tuổi thời được bổ làm thông-ngôn, lương mỗi tháng 30$00. Ở chốn Tràng-an mà được thế thời về phần ăn tiêu tưởng cũng dễ chịu Một thân người con trai, trên không phải cung cha mẹ, dưới không phải nuôi vợ con, mà mỗi tháng có tới 30$ đã là hạng người phong-lưu lắm. Chàng ta mặt mũi bảnh-bao, áo quần rực rỡ. Tôi thường trông thấy chàng, thời lại thương thân tủi phận mà trách thầm ông trời kia ăn ở không công.

« Ôi ! cái con ma kim-tiền phú quí, nó hay có sức hút được linh-hồn những con gái đàn bà, mà làm cho phải thất kỳ-sở-thủ. Tôi tự mình không tránh được cái vạ tham-giục ấy để đến nỗi thất-thân, thật là suốt đời ngậm giận vậy.

« Một hôm, tôi gặp chàng ở nhà bà hàng xóm, chàng bèn lấy những lời bông-đùa mà ghẹo nguyệt trêu hoa, lúc mới thời tôi lấy làm kinh-ngạc, sau nghĩ mà xấu-hổ, sau rồi cũng dần-dần sinh bụng thương-yêu. Chàng thấy tình-cảnh tôi như thế, mới nhờ bà hàng xóm giới-thiệu mà đưa cho tôi 50$. Ôi! Của này ở đâu tự-nhiên lại lạc vào tay tôi, khiến cho tôi mừng-mừng tủi-tủi, nhận đã chẳng dám nhận mà từ cũng chẳng tiện từ, bấy giờ tôi chỉ muốn được một người chính-đính tử-tế nào để quyết-đoán hộ cho tôi xem có nên chăng. Nhưng mà việc này lại không có thể tiết-lộ ra ngoài được, trừ bà hàng xóm ra thời không còn ai nữa Mỗi lúc đêm khuya thanh vắng, mà sực nhớ đến cái ái-tình của tôi cùng chồng tôi ngày xưa, thời lại dứt từng khúc ruột, muốn lập-tức đem ném cái món tiền phi-nghĩa ấy trả lại người ta cho được toàn danh-tiết. Nhưng mà sự cơ-hàn đã bách ngay trước mặt. Nghĩ lại sau này tôi không chết mà còn sống được cũng có lẽ vì cái sức hơi đồng ấy nó cứu-vớt tôi vậy. Ngài thử xem, thiên-hạ đã biết bao nhiêu là tu-mi nam-tử mà cũng bị cái hoàng-kim thế-lực nó làm mất cả phẩm-cách danh-tiết. chớ há có một gì bọn đàn-bà chúng tôi mà thôi đâu. Tôi tự nghĩ nay mình kết bạn với người Tây-học kia, thời có thể nương nhờ được một mình, hẳn không phải nửa đời nửa đoạn như người hán-học trong khi tàn cục ngày xưa nữa. Giây treo có chỗ vịn, không đến nỗi bông-lông vơ vẩn như cánh bèo giữa bể,

chiếc lá lìa rừng, thời có lẽ chồng tôi nằm dưới cửu-nguyên cũng lấy làm an-tâm vậy.

« Chí tôi đã quyết, bèn nghe lời bà hàng xóm, theo cách dẫn-dị mà lấy thày Thông ấy. Nhưng không ngờ tôi mới tục-giá được có hai tháng thời chàng lại phải đổi đi nơi khác.

« Khi đi, chàng có hẹn với tôi rằng yên sở rồi, chàng sẽ cho người về đón.

« Thì-giờ thấm-thoắt, tôi đợi đã hơn một năm trời mà chẳng thấy tin-tức gì cả. Bất-dắc-dĩ, tôi mới phải lặn suối qua đèo mà đi đến chỗ chàng làm việc.

« Tôi vừa vào đến nơi, thời trông thấy chàng đang uống rượu cùng người vợ mới.

« Chàng thấy tôi đến, liền sai đầy-tớ ra mà đuổi tôi đi. Tuy vậy, tôi là người rất kiên-nhẫn mà phụ-khí, giá như ai thời đã nổi ngay tam-bành lên chớ chẳng chịu nhịn, mà tôi thời chỉ cười lạt cho cuộc đời của mình mà thôi. Bấy giờ tôi muốn đi ngay ra khỏi cửa nhà chàng, vì tôi trông thấy cái mặt con người bạc-hạnh kia khác nào như gặp một lũ giặc-cướp, chỉ sợ nó làm nhục mình.

« Tôi đã ra khỏi cửa anh chàng rồi, hồi-tưởng đến thân-thế, vừa chán vừa buồn, thực chẳng còn muốn sống làm gì nữa. Than ôi ! Tham 50 $ nỡ bán rẻ cái thân-giá cả đời người. Tôi thật là một người tối-ngu trong nhân-loại vậy.

« Nhân tôi có một bà Cô cũng buôn-bán ở tỉnh ấy, tôi bèn đến ở đó mà nương nhờ. Ở được năm sáu tháng, thời cái giận cũ nó cũng nguôi dần, đành chịu tằm-tơ cung-cửi, chọn nghề mà làm ăn cho qua ngày tháng.

« Một hôm, cô tôi bảo tôi rằng : « Tòng-nhất nhi-chung, đạo người đàn bà đã đành phải thế, song xưa nay những người gái góa mà hay toàn-tiết được đều là những người hoặc đã có con cái, hoặc nhờ có di-sản của nhà chồng để nuôi thân, hoặc ông - cô hãy còn, anh em quí-trọng, thời mới có thể dần dần quên sự đau-đớn đi được. Còn như những người họ-hàng nhà chồng không có ai, nhà lại không có túc - sản gì, vò - võ một mình mà giữ toàn được danh-tiết, thời duy có những người tuẫn-tiết quyên-sinh mới ngõ-hầu trọn đạo, trừ hạng người ấy ra thời xưa nay đã dễ mấy ai mà bảo-khiết được trọn đời. Vì rằng đàn bà nước mình không có cái năng-lực tự-lập được, chỉ lấy người chồng làm một ông trời thứ hai để che-chở vậy. Cô tưởng như con với người chồng con trước, ân-ái cùng nhau biết là nhường nào ! thế mà con còn bội-ước đi lấy người khác, huống-chi người chồng này lại chính là một người thù của con. Nay thân con đã đến cái địa-bộ như thế này, thời cái danh dự người tiết-phụ, tưởng con chẳng còn hưởng được nữa. Chi bằng con chọn lấy một người tử-tế để mà trông cậy về sau được là hơn. Vả cô nay đã già, trăm năm rồi cũng phải chết, chớ có lẽ sống mãi như cây gỗ mà che-chở cho con được hay sao ? »

« Nhân bấy giờ có một cậu Ấm, mới góa vợ, muốn lấy người khác để trông nom việc nhà, cô tôi bèn gả tôi cho cậu ấy.

« Cậu Ấm lấy tôi được vài tháng, thời vào Kinh để xin ra tòng-chính. Việc tảo-tần ở nhà tôi phải trông nom. Không ngờ chàng mới ra khỏi nhà được một năm, mà công-nợ chất đầy như núi. Khi chàng bước chân ra đi, có bàn với tôi rằng : Những đồng-bối với tiên-phụ ngày xưa, có nhiều người hiển-đạt, nay

mình có thể lấy cựu-tình mà nhờ người ta tiến dẫn cho. Nhưng mà công-danh sơ-bộ cần nhất phải có tiền, nên chàng đành phải vay mượn để cố lo cho được... Sau được bổ làm Thừa-phái, lương mỗi tháng có năm sáu đồng mà tiêu-pha cùng là tiếp-đãi thù tạc thời nhiều. Đường hoạn-đồ bước lên đã chậm, mà công-nợ sinh-đẻ càng mau, khiến cho chàng lúc ban đầu bị chủ nợ kiện, sau thiếu mặt tại Nha rồi bị cách-chức, đến sau cùng thời thấy giấy tư về làng rằng chàng trốn mất Tôi phải chịu một mình phòng không đến ba năm trời, mà tuyệt-nhiên không thấy tăm-hơi chàng đâu cả, thành ra tôi bấy giờ cũng như bây giờ, chỉ trơ-trơ có một thân một mình vậy.

« Cậu Ấm ấy đã bỏ tôi rồi ; tôi bèn làm đơn lên huyện mà xin cải-giá. Nhân quan-huyện đấy có một người bạn đồng-liêu cũng được sơ-bổ Tri-huyện, đường đi qua rẽ vào chơi với quan Huyện, ông quan mới ấy ngài thấy tôi có nhan-sắc, bèn nhờ quan-huyện giới-thiệu mà lấy tôi làm hầu. Người trên rày đã ép duyên, thân này cũng muốn cho yên kẻo già. Tôi liền theo ngay quan lớn cùng về chỗ nơi tân-ly.

« Trong bảy tám tháng trời, cầm-đường ngày tháng thanh-nhàn, sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu-giao, mà tội đã nghiễm-nhiên ra một bà lớn tạm-thời vậy. Không ngờ bà chánh-thất của Ngài cũng theo chân mà đến, chồng chung chưa dễ ai chiều được ai, tôi đã thường nhiều phen bị thống-khổ, nhưng cũng đành phải cắn răng mà chịu. Bà chánh-thất tôi là người rất hoang-phí, những bổng-lộc của quan-lớn tôi thường không đủ cho bà-lớn tiêu, bởi thế mà ngài mới phải dùng hết cách để lấy tiền cho đủ chi-dùng. Sau ngài đến nỗi phải bị cách-chức cũng là vì cớ ấy. Than ôi ! Quan-lớn tôi thật là một ông quan nhân-từ, khi mới xuất-chính, quyết một lòng thanh-bạch mà đối với dân, nội ai cho biếu cái gì đều không lấy của ai cả, cho nên trong mấy tháng trời, tiền lương chỉ đủ tiêu-dùng về sự ăn uống mà thôi Ấy cũng vì thế mà bà chánh-thất đã sinh lòng ngờ-vực cho tôi lấy những bổng-lộc của quan-lớn mà để riêng. Thôi thì trăm đường tra-khảo, rồi thậm-chí đến đánh-đập nữa.

« Từ khi bà chánh-thất tới huyện, thời những cách ăn mặc tiêu-pha nhất-nhất cái gì cũng sa-hoa cả. Khiến cho quan-lớn tôi coi cái trách-nhiệm khinh mà coi tiền-tài làm trọng.

« Phàm người ta đã lấy thân mà ứng với đời, trong lòng mình không có tà-khúc gì thời còn có thể thanh-bạch với người ta được. Nếu tự mình đã có cái chủ-nghĩa doanh-tư tự-lợi thời những người có quyền-lợi hơn mình cũng đều lấy cái chủ-nghĩa ấy mà đối-đãi với mình. Bọ-ngựa bò đằng trước, hoàng-tước chực đằng sau, trò đời vẫn thế. Song tôi dám chắc rằng khai cái giòng lợi-giục ấy khiến cho nước chảy đi đôi ba ngả, thời phần nhiều là tại bọn đàn-bà vậy. Xin có lời nhủ bảo các cô con gái đời nay hễ cô nào may mà lấy được chồng quan, thời phải nên giữ-gìn tần-tiện, chớ dừng có sa-hoang mà có khi hại đến chồng.

« Khi quan-lớn tôi thôi quan về nhà rồi, lại phải xoay nghề làm ruộng, trông nom việc cấy-cày Song lâu nay quyền cao chức trọng, mà bây giờ chân bùn tay lấm, áo vải cơm rau. Làm ăn thời công-việc không quen. phong lưu thời lấy đâu cho đủ. Bởi thế mà vợ chồng

thường cãi-cọ nhau, đến tôi cũng phải chịu nhiều điều rất khổ-sở. Than ôi ! không đi thời cũng tan nhà, đành thân chịu thiệt, bước ra khỏi vòng, bất-đắc-dĩ tôi phải theo lệnh của ông Phùng Kính-Thông ngày xưa ra khỏi cửa nhà quan-lớn

«Khi tôi ra khỏi cửa ngài rồi tôi bèn lấy một người buôn-bán họ Lý kia làm kế-thất. Bấy-giờ tuổi tôi đã cao, cái chung-cục của tôi chỉ còn mong gửi thân vào đống vàng kia để nương-dựa về sau vậy.

«Ngũ-hồ ký-tích, theo nghiệp Đào Chu tứ-hải giao-du, thói nhà An-tử, trông thấy cái quang-cảnh trong gia-môn rậm-dịch như thế, tưởng kim-mã ngọc-đường cũng không hơn được. Nhưng mà những tư-bồn của Lý-quân buôn-bán không phải là của mình, đều là mượn vốn của người ngoài cả.

«Chẳng may năm ấy lại trời làm mất mùa, đồ-hàng bán không chạy, tài-nguyên lấp lối mà công-nợ đã thành to, cho nên nhà hàng phải đóng cửa.

«Phàm những nhà buôn-bán nước ta, về phần thương-tài thương-học đã chưa bằng ai, mà lại hay bắt chước người Âu-Mỹ, hễ động mở ra một cửa hàng nào thời nào bàn nào ghế rất đỗi trang-hoàng, nào ngựa nào xe ra tuồng náo-nhiệt, người ngoài mới thoạt trông thấy, ai không bảo là buôn-bán to, phát-tài lớn, trách nào bọn đàn-bà chúng tôi hoa mắt mê thân. Tôi về nhà Lý-quân đã chắc được chỗ nương thân, nên tôi cũng hết sức trông-nom coi-sóc cho hết bổn-phận người nội-trợ. Không ngờ cái tin vỡ hiệu đã đến nơi, mà bao nhiêu tài-sản của chàng đã bị tịch-ký hết. Đáng thương thay ! trong khoảng mấy tháng trời, tôi làm vui cho ông chủ hiệu, kéo được một đôi hoa cùng mấy trăm hạt vàng, kịp đến khi ông chủ phải vỡ hiệu, thời tôi lại phải mang ra mà điền-mại. Anh chàng đã đầu giường hết bạc, thân này còn có giá-trị gì. Tôi bấy-giờ tự biết cái thân-phận mình khác nào như những đồ tạp-hóa mục-nát ở trong hiệu của ông chủ tôi mà thôi. Khi ấy Lý-quân thuê một gian nhà nhỏ cho tôi ở, rồi chàng bảo tôi rằng chàng sẽ đi ngoại-quốc tìm cách buôn-bán để khôi-phục cơ-đồ, đợi đến khi phú-quí rồi lại cùng nhau xum-họp cũng chẳng muộn gì. Ôi ! ngày xuân mòn-mỏi, bao thủa chàng về, tôi cũng vẫn biết rằng Lý-quân chẳng qua là tìm câu truyện để tránh tôi cho khỏi vòng. Chàng đã ra khỏi cửa, thiếp còn ở lại làm chi, mỗi người mỗi ngả, mà tôi thành ra một người li-phụ ở chốn này. Ôm cầm trên ngọn sông Hương, biết đâu mà gửi can-trường vào đâu. Nay trải bọn đăng-đồ, mai qua phường du-hoạn, hoặc người lấy tôi làm đồ giải-muộn, hoặc kẻ lấy tôi làm rượu tiễn-sầu, một tiếng cười của tôi có thể làm cho người trượng-phu tiêu được sự uất-ức, một nét giận của tôi có thể làm cho người thiếu-niên bớt được thói bạc-tình, ấy cái thủ-đoạn điên-vân đảo-vũ ấy tôi thường ra tay luôn. Song những khi đêm khuya thanh vắng, bên tai văng-vẳng nghe thấy người ta nói đến câu chuyện ái-tình, thời lại đau lòng than-khóc, càng nghĩ lại càng thương. Than ôi ! sao tôi không sinh làm một người nam-nhi để cho được hưởng cái lý-thú của loài người, mà sinh ra kiếp đàn-bà để làm một đồ chơi chung cho người ta đùa bỡn! Lại chẳng gặp được người quân-tử thành-thực cùng nhau cho đến bạc đầu. Đến bây giờ, tấm thân đào thơ liễu yếu thành ra nhị dữa hoa tàn, sống

làm vợ khắp người ta, lênh-đênh đâu nữa cũng là lênh-đênh. Ôi ! nhân sinh đến thế, thời còn biết vật gì là tình nữa không ?... »

Người thiếu - phụ kể đến đấy, thời khóc nức-nở nói không ra lời. Tôi bèn thong-thả mà bảo nàng rằng : « Thôi ! nương-tử không nên khóc. Hồng-nhan vừa mệnh bạc, trượng-phu gặp hồi đen, xưa nay vẫn thế ; chúng tôi tuy sinh là một người nam nhi, nhưng mà cái kiếp phong trần cũng chẳng khác gì nương tử. Giang hồ lưu lạc trong mấy năm trời, hiểm-trở gian-nan đã từng nếm trải, mà đến bây giờ cũng chưa biết cái thân mình ra làm sao ! Chớ dám đâu lấy mình là nam-nhi mà tự-phụ. Nương-tử nghĩ sinh ra kiếp đàn-ông đã là may lắm hay sao ? Làm trai ở đời này mà được sung-sướng thời cũng nhiều, thật có người quan cao danh hiển, nhất-hô bách-ứng, làm một nhà thế-lực ; có người nhà có muôn vàn, ruộng sâu nghìn mẫu, làm một nhà đại-phú-ông ; có người chén rượu cung đờn, giang-hồ tứ-thích, làm một người phong-lưu nhân-vật ; có người cao-đàm hùng-biện, nức tiếng một thời, làm một kẻ thức-thời ; người thời một chén rượu thơ trăm thiên, phun châu nhả ngọc, làm một nhà đại-văn-hào. Song những bọn nam-nhi ấy đều là hạng con ông cháu cha cả. Còn như bọn chúng tôi thời chẳng qua chỉ chạy ngược chạy xuôi, luân - lưu ngày tháng, học đã không hợp-thời, không ích quốc, chỉ tìm cách để nuôi sự sống, nhà có cha mẹ mà không được thần-hôn, lòng nhớ quê-hương mà không được quanh-quất, như thế tưởng có khác gì Nương-tử. Nương-tử chớ có nghĩ rằng sinh ra kiếp đàn-ông là đáng quí vậy... »

Người thiếu-phụ nghe tôi nói bèn trả lời rằng :

« Ôi ! tôi cũng biết lắm. Làm trai ở đời này chưa hẳn đã là sung-sướng cả. Tuy vậy, nhưng các ngài còn được là khách chơi thuyền tại sông Hương, chớ như tôi thời chính là con ma ở trong thuyền bến sông Hương này vậy... »

Tôi nghe người thiếu - phụ nói lấy làm kinh-ngạc, giật mình tỉnh dậy, thời thấy Vân-bình-quân đang ngồi ở đầu thuyền vớt nước mà rửa mặt, quay lại bảo tôi rằng : « Mặt trời đã mọc rồi, chúng ta khá lên bộ. »

Hải-An PHẠM VĂN-LIỆU dịch-thuật

VĂN-CHƯƠNG VỚI NỮ-GIỚI

(Trả lời bài ông HOÀNG NGỌC-PHÁCH đăng trong *Nam-Phong* số 41)

Bản-chí tiếp được bài của Cô NGUYỄN ĐỒNG-KHANG, *học-trò trường Nữ-học Sư-phạm, trả lời lại bài « Văn-chương với nữ-giới » của ông* HOÀNG NGỌC-PHÁCH *đăng kỳ trước ; xin cứ y nguyên-văn đăng như sau này.*

Phàm công-luận, kẻ nói đi có người nói lại. miễn là lời-lẽ đứng-đắn, nghị-luận phải-chăng thời thôi. Xét ra bài của Nguyễn Tiều-thư sau này lời-lẽ cũng chín-chắn lắm, nên bản-chí vui lòng đăng để rộng đường dư-luận. Tiều-thư sợ rằng có người chê văn của tiều-thư là văn-chương « đại-cà-sa » ; thiết-tưởng

sợ thế là sợ lầm. Văn « đại-cà-sa » là lối văn vu-khoát, dùng những lời đại-ngôn để nói những sự lầm-thường. Như bài của tiểu-thư đây thời không có thế : bất-luận lời ban phải hay là trái mà giọng văn thật là bình-dị rõ-ràng, tưởng không ai chê được là lời vu-khoát vậy.

N. P.

* * *

Tôi đọc báo *Nam-phong* số 41 bài « Văn-chương với nữ-giới » nói về những câu văn của chị em tôi đề ở trường Nữ-lưu học-sinh cũ ; tôi lấy làm phàn-nàn cho chị em tôi vì nỗi đa-sầu đa-cảm. Song khi tôi đến hỏi lại chị em tôi thì các chị em tôi trả lời một cách dửng-dưng khác hẳn với những lời bình-luận của ông Hoàng Ngọc-Phách. Vì những văn đó chẳng qua chị em tôi khi cùng đứng với nhau, kẻ viết câu này, người viết câu nọ, câu thì cũ câu thì mới, bạ câu nào viết câu ấy, bỡn-cợt mà viết, chẳng khác gì những lúc nghỉ học mà các cậu đánh bi, thực người viết chẳng có cái gì là sầu là cảm cả. Vậy mà không ngờ những câu nhảm-nhí vô-tình đó lại lọt vào mắt ông Phách, lại cảm được lòng ông Phách, lại deo cho ông Phách một tấm lòng lo sợ cho nữ-lưu, cho xã-hội, đến nỗi ông phải viết bài đại-luận than-thở trên tờ báo *Nam-phong*.

Tuy vậy, nhưng tôi thì không tin rằng những người viết những câu ấy là không sầu không cảm, vì tay viết câu văn tất bụng phải nghĩ đến nghĩa câu văn, câu văn đã là câu văn sầu-cảm thì trong lòng người viết tài nào không có chút sầu-cảm thoảng qua. Nên tôi cũng cho như là ông Phách rằng người viết câu văn ấy có sầu có cảm. Song cái quan-niệm đối với cái sầu cái cảm đó thì tôi không biểu đồng-tình với ông được, vì tôi đọc đi đọc lại bài luận của ông tôi thấy được ba điều :

1° Ông lo-sợ quá xa ;

2° Ông bình-phẩm quá nghiêm ;

3° Ông luận-lý quá lệch.

Thế nào là lo-sợ quá xa ? Trong bài ông phàn-nàn về nỗi nữ-lưu đa-sầu đa-cảm, ông lo sợ rằng xã-hội ai cũng thiên về cảm là một cái hại to.

Phải, tôi cũng biết thế, tuy rằng cái tính sầu-cảm là cái tính tự-nhiên của trời phó cho người ta, chỉ trừ bậc thái-thượng quên được tình và bậc chí-ngu không có tình, còn người ta ai cũng có. Nhưng nó cũng có hại, vì nếu thái-quá thì hại, nếu ai ai cũng những sầu cùng cảm, lúc nào cũng chỉ khóc cùng than thì thực là một điều hại to cho xã-hội, thực quả như lời ông nói. Song nhưng mấy câu văn của chị em tôi đó, thì làm chi mà đến nỗi thế. Mấy câu văn xoàng đó, chẳng qua câu thì nhớ cha nhớ mẹ, câu thì nhớ chị nhớ em, câu thì lo thân, câu thì từ-biệt trường học, tình những tình-cảm thường, không có gì là thái-quá, là bất-chính cả. Người viết thì chỉ một lúc viết đó họa có sầu-cảm chút nào, chớ mọi lúc khác vẫn vui cười, vẫn làm việc như thường. Vả lại chỉ có mấy người đó có chút cảm-sầu ấy thôi, chớ ngoài ra có hàng mười mấy triệu người chỉ biết hai chữ lạc-lợi, đói thì tìm ăn, khát thì tìm uống, no-nê thì chơi nhởn, bất-dắc-chí thì cáu-nhàu, trơ như đá vững như đồng, cảnh nào cũng chẳng sầu, tình nào cũnng chẳng cảm, như thế thì đã đời kiếp nào khiến được cho ai cũng thiên về cảm như lời ông đã lo

xa. Đọc đến câu của ông : « Nếu xã-hội ai cũng thiên về cảm thì có một ngày kia tính-cách như cây trinh-nữ, động đến là rũ-rượi ra ngay », thì có một người trong bọn chị em chúng tôi cãi luôn lại rằng : « Nếu xã-hội ai cũng thiên về vô-cảm như ông thì có một ngày kia tính-cách như một bộ máy vô-tình. » Câu nói đó phản-đối với câu của ông một cách khôi-hài, cũng vì câu ông nói là cực-đoan, nên câu trả lời đó cũng là cực-đoan. Song chẳng kẻo hai câu cùng là lo trời đổ cả, nghĩa là mấy câu văn kia không thể nào khiến cho xã-hội ai cũng thiên về cảm, cũng như bài luận của ông không thể nào khiến cho xã-hội ai cũng thiên về vô-cảm vậy. Như vậy có phải là ông lo-sợ quá xa không ? Ông đọc sách nước Pháp biết bao nhiêu là cảm là sầu chan-chứa ở những bài *lectures*; thậm chí đến văn tả-tình như văn bà *George Sand* mà cũng không ai phải lo cho xã-hội nước Pháp, thế mà có mấy câu văn trò trẻ đó ông đã vội lo đến hậu-vận nước nhà, ông này thực là đa-tư đa-lự lắm chớ !

Ông bình-phẩm quá nghiêm, là những câu văn đó ông phán-đoán một cách nghiêm-khắc đến nỗi xa hẳn với ý người đề, như những câu :

Đường thế mịt-mù, mặc khách vãng-lai.

Và : *Có chăng ta biết sự ta,*

Rõ-ràng mở mắt bây giờ hỏi ai.

Câu trên là cái thú riêng của người chăm học, chỉ mình với sách, ngoài ra không biết có ai. Câu dưới là bạn gái tương-đắc riêng với nhau. Như vậy mà ông cho là biểu-hiệu chán đời !

Còn những câu từ-biệt trường học thời tuy cũng có chút cảm-tình lai-láng ngậm-ngùi đối với chốn cũ mình đã ăn ở bấy lâu nay, những cái cảm-tình đó tôi tưởng cũng là cảm-tình thường, người có tâm-can huyết-tính, chắc ai cũng phải có. Nào có đâu là « mầm yếm-thế », là « gió thảm mưa sầu » như lời ông đã bình-luận.

Thứ nhất là câu :

Bóng dâu đã xế ngang đầu,
Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi.

Câu ấy đến đứa trẻ con cũng biết là câu nhớ cha nhớ mẹ ; người ta ai chẳng có cha mẹ, vắng cha mẹ ai là chẳng nhớ, không nhớ sao là người. Vậy mà ông cũng chê là sầu-thảm, là bi-ai, là mây buồn nó ám-chướng. Không biết cái sầu, cái buồn đó, ông cũng có hay không? Nếu ông không có chút nào thì tôi không dám nói, nhưng nếu ông cũng có một đôi chút mà ông không muốn cho nữ-lưu chúng tôi được có thì chẳng hóa ông ích-kỷ lắm ru ? Vì ông biết qui chữ hiếu mà ông thấy chị em tôi hiếu ông lại chê. Ôi ! đến cái tình nhớ cha nhớ mẹ mà cũng không được có, thì có dễ làm thân đàn-bà phải đến như gỗ đá mới xong !

Đến những cảnh vẽ như hai người đi thuyền chơi trăng, như người ngồi tựa gốc cây, như người trèo non, như người đứng cửa, v.v.

Những cảnh đó không biết sao mắt ông trông ra sầu mà mắt chúng tôi trông lại chỉ thấy vui, chỉ thấy đẹp, mà lại vui đẹp một cách thanh-nhã cao-thượng nữa. Sao cũng một thị-quan mà quan-sát lại khác nhau như vậy ? Có người bảo rằng tại người vui trông ra vui, người sầu trông ra sầu, người thanh trông ra thanh, người tục trông ra tục : nhưng tôi thì tôi chỉ cho là tại ông bình-phẩm quá nghiêm mà thôi.

Ông bảo rằng : những văn và những cảnh vẽ đó là bởi những thứ văn « sầu », văn « đạo-tình » mà ra. Nhưng thực không có thế, chị em tôi chẳng ai được xem văn « sầu » văn « đạo-

tình » nào cả, vì kỷ-luật trong nhà trường nghiêm lắm, ngoài sách học ra không được xem sách gì khác. Như vậy không biết rằng vì ông nghiêm-khắc với chị em chúng tôi mà ông ghét lây đến những thứ sách nào đó, hay là vì ông ghét riêng những thứ sách ấy mà ông nghiêm-khắc lây đến chị em chúng tôi. Cái đó tưởng bất-tất phải nói, chỉ cứ xem những lời xét-đoán quá-đáng của ông đối với câu văn, cảnh vẽ đó, tưởng cũng đủ biết cách bình-phẩm của ông vậy.

Thế nào là lý-luận quá lệch? Vì ông thiên về đường vật-chất. Loài người ta cần có sự hoạt-động bao nhiêu, cũng cần có sự tình-cảm bấy nhiêu, nếu thiên về đường tình-cảm thì ra người yếu-ớt buồn-rầu, nếu thiên về đường hoạt-động cũng ra người thô-tục bỉ-ổi, hoạt-động lợi về đường vật-chất, tình-cảm lợi về đường tinh-thần. Tình-cảm không những làm cho đời người thêm vẻ thanh-cao mà lại giúp cho xã-hội nhiều điều về phần đạo-nghĩa. Người có biết cảm mới biết thương, đối với gia-tộc thì biết thương cha thương mẹ, biết thương anh thương em, đối với nước nhà thì biết thương nòi thương giống, thương kẻ nghèo-nàn, thương dân khốn-khổ, đàn-bà thì biết thương chồng thương con; biết bao nhiêu là những luân-lý đạo-đức, dù nghĩa-vụ, dù danh-dự bắt phải làm, nhưng cũng phải nhờ có cảm-tình bắt làm mới mặn-mà hơn, vì có tình-cảm mới có lòng thành, những luân-lý đạo-đức có bởi lòng thành mà ra thì luân-lý đạo-đức ấy mới được hoàn-toàn chu-chí vậy. Những trung-thần, hiếu-tử, nghĩa-phu, tiết-phụ xưa nay, tôi tưởng bởi giáo-dục mà ra thì ít, nhưng bởi tình-cảm mà ra thì nhiều.

Song-le những kẻ đa-sầu đa-cảm thường hay thua kem về đường vật-chất. Như Thúy-Kiều trông thấy mộ Đạm-tiên mà động mối thương-tâm, xót người bạc-mệnh, ấy là người đa-sầu đa-cảm, vì thế mà Kiều thiệt phận một đời; song cũng nên biết rằng nếu không phải là đa-sầu đa-cảm thì lâm khi gia-biến, vị-tất đã biết bán mình chuộc tội cho cha. Thúy-Vân thì vô-sầu vô-cảm, nên khi thấy chị khóc người đời xưa thì nực cười, khi thấy chị sụt-sùi về nỗi sinh-ly thì hỏi có sao ngồi nhẫn tàn-canh, đến khi thấy chị nức-nở mà trao lại hương nguyền cũng an-nhiên mà nhận lấy, không biết gánh thay lấy chữ hiếu, cho chị được vẹn chữ tình. Ấy những kẻ vô-sầu vô-cảm là thế đó, nhưng những kẻ như thế lại được phu-qui phụ-vinh (Đây là dẫn một việc thí-dụ để suy ra việc khác, không phải tôi tin truyện Kiều là truyện có thật đâu). Đối với xã-hội thì kẻ đa-cảm thường chịu phần thiệt mà những kẻ vô-tình thường được phần hơn, ai chết thây ai, tiền ta bỏ túi, ấy cũng bởi tấm lòng vô-tình vô-cảm mà ra. Vậy nên xã-hội thường có hai phái phản-đối nhau: phái vô-cảm thì chê phái đa-cảm là khờ, là dại, là kẻ ốm sầu, mà phái đa-cảm cũng chê phái vô-cảm là gỗ, là đá, là loài vô-tri. Nhưng ta phải biết phái nào cũng có cái hay, cũng có cái giở, không mày-đay nào không có mặt trái, nếu cứ đem mặt phải mày-đay mình mà so-sánh với mặt trái mày-đay người thì cãi nhau không biết thế nào là cùng. Vậy nên người học-thức phải nên chấp-trung mà bình-phẩm, phải coi đời người như coi nghề mỹ-thuật. Nghề mỹ-thuật có ba phái khác nhau: phái sùng-cổ thì lấy vuông-vắn cân-đối làm đẹp; phái lãng-mạn thì lấy cao-thượng kỳ-khôi làm đẹp; phái tả-thực thì lấy như sự-thực làm đẹp. Ba phái ấy có nhiều tư-tưởng phản-đối nhau, nhưng mỗi phái có một tính-cách riêng, phái nào cũng có cái đẹp của phái ấy. Đời

người cũng vậy, người thì thiên về kỷ-luật, người thì thiên về tình-tự, người thì thiên về sự-thực; nhưng mỗi người có một tính-cách riêng, một cái hay khác, ta nên chấp-trung mà điều-hòa, không nên thiên-lệch về bên nào.

Như ông Hoàng Ngọc-Phách đây, tôi không dám bảo rằng ông lấy giọng than-ôi mà đưa lời tiếu-mạ, là vì tôi biết ông lệch, ông lệch hẳn về vật-chất, ông chỉ trọng bên sự-thực mà ông sợ bên tình-cảm, nên những tình-cảm thường như mấy câu văn, mấy cảnh vẽ đó, ông cũng lấy làm ghê, đến nỗi ông muốn tìm thầy thuốc chữa bệnh sầu-cảm cho nữ-lưu chúng tôi, mà ông không biết cái bệnh vô-sầu vô-cảm lại to bằng mấy. Cái bệnh này cũng như bệnh tê, bệnh dệt, bệnh liệt thần-kinh, coi hình như các thầy lang gọi là « ma-mộc bất-nhân » thì phải.

Mấy lời đây không có ý phản-đối ông Phách, ngặt vì tôi muốn tỏ một cái chủ-nghĩa khác với chủ-nghĩa ông Phách, nên có lắm câu hơi trái với ý ông, ông có xem xin ông bình-tĩnh mà xét lại. Còn hay giở đã có độc-giả cao-minh, nhưng trước hết xin đừng ai chê riêng tôi là văn-chương « đại-cà-sa », vì bài của ông Phách « đại cà sa » nên tôi cũng trả lời « đại-cà-sa » vậy.

Nữ học-sinh.

NGUYỄN ĐỒNG-KHANG.

VĂN-UYỂN

THƠ CA CỦA QUAN THƯỢNG-THƯ DƯƠNG VÂN-TRÌ

Ngũ-thập-ngũ tự-thọ

Năm mươi nhăm tuổi hãy mừng ta,
Còn bốn mươi nhăm nữa đó mà.
Đội đức hải-sơn ngày tháng rộng,
Gắm mình râu tóc tuyết sương pha.
Cung đàn chị nguyệt dù yêu trẻ,
Chén rượu làng quê vẫn kính già.
Xiêm áo cũng chung nhờ lộc nước,
Được riêng mạnh khỏe phúc riêng nhà.

Hà-nội tứ cảnh

Phất-phơ ngọn trúc trăng tà,
Tiếng chuông Chấn-võ, canh gà Thọ-[xương.
Tít-mù khói tỏa ngàn sương,
Dịp cầu An-thái, mặt gương Tây-hồ.

Hỏi thăm bạn ở tỉnh Hưng-hóa

Nhớ xưa bạn cũ dặn rằng :
Xem tranh Đông-phố, đợi trăng Tây-hồ.
Từ vui núi Trúc sông Lô,
Hạc dâng rượu cúc đàn ru giấc hòe.
Có phen nhắn hỏi đi về,
Có thư xích-tố có chè thanh-xuân.
Có lời hẹn với tình-quân,
Nhớ nhau lại có khi gần được nhau.

Lời hẹn

Năm năm tháng tháng ngày ngày,
Lần lần lữa lữa rầy rầy mai mai.
Có ai ta cũng thế này,
Không ai ta cũng như ngày có ai!.

HÁT NÓI

Hát dại

Mưỡu

Trăm năm ai chẳng bạc đầu,
Mười điều ai có hay đâu cả mười.
Trông trăng, trăng khéo nực cười,
Nhìn hoa, hoa cũng lắm lời thế ư?

Nói

Ngồi mà nghĩ mấy năm về trước, chẳng dại nào giống cái dại nào. Giật mình tưởng giấc chiêm-bao, thế mới biết ước ao là truyện lẳng. Con tạo khéo trêu ngươi không chán, chỉ xui nhau cái dại vô chừng! Chơi cho phờ râu, cho trớn mắt, cho long dải yếm, cho chụt dây lưng, còn tham tiếc lăn lưng vào cuộc dại. Thôi thôi, chớ từ đây dại mãi, chữ đa-tình là cái vô-tình; gặp nhau ta thử làm thinh!

Hỏi thăm cô đào

Trông nấp bóng ra chừng liễu yếu, bệnh đông-phong sao khéo nực cười; trộm nghe sương tuyết hơi hơi, cơm sơi với thuốc sơi độ mấy? Thức hay ngủ cớ sao làm vậy, hãy tung màn gượng dậy làm vui. Lòng chiều khách đã xuôi xuôi thế chửa, đàn cầm-sắt gẩy chơi lúc nữa, rượu Hoàng-mai còn chứa hay không? Nàng rằng vâng cũng chiều lòng!

Tặng cô đào Phẩm

Dạ thâm hốt ức thiếu niên sự 夜深忽憶少年事 (1), giận hồng-quần ghen-ghét vẻ hồng-quần; trải nắng mưa gẫy biết mấy phấn xuân, mà son phấn cũng phong-trần thế nhỉ! *Ý trung nhân ngỏ lão hĩ* 意中人吾老矣 (2), lệ Giang-châu chan chứa bởi vì ai? Tân-tri cựu-hận bời-bời, tình-duyên ấy lôi-thôi sao kể xiết. Ngồi hỏi khách biết chăng chẳng biết, thương cho tình mà cũng tiếc cho tài; hay là nhớ nỗi chương-đài, sạ hương mùi cũ hán-hài thời xưa; hay là tưởng nỗi mây mưa!

THƠ CỦA ÔNG TÚ-XƯƠNG

Than nước lụt

Thử xem một tháng mấy ngày mưa,
Ruộng hóa ra sông cỏ chẳng bừa.
Bát gạo Đồng-nai câu truyện cũ.
Mái chèo quí-tị nhớ năm xưa.
Trâu bò buộc cẳng coi buồn nhỉ,
Tôm tép khoe mình đã sướng chưa.
Đại-hạn Quảng-bình năm bẩy tháng,
Trời không san-sẻ nước cho vừa.

Đại - hạn

Ngày nay đá nát với vàng thôi,
Thiên-hạ mong mưa đứng lại ngồi.
Ngày trước biết gì ăn với ngủ,
Bây giờ lo cả nước cùng nôi.
Trâu mừng ruộng nẻ cầy không được,
Cá sợ ao khô vượt cả rồi.
Tình-cảnh nhà ai nông-nỗi ấy,
Quạt mo phe phẩy một mình tôi.

Gửi cho ông thủ-khoa Phan

Mấy ngày vượt bể lại trèo non
Ướm hỏi thăm qua bác hẳn còn.
Mái tóc giáp-thìn đà nhuộm tuyết,
Điềm đầu canh-tí chửa phai son

(1) Đêm khuya chợt nhớ đến việc lúc tuổi trẻ.
(2) Cái người ý mình thường nhớ đến thời đã già rồi.

Vá trời gặp hội mây năm vẻ,
Lấp bể gia công đất một hòn.

Có phải như ai mà chẳng chết,
Giương tay chống vững cột càn-khôn!

CÂU ĐỐI TẬP KIỀU

(Không thêm bớt điên-đảo chữ nào)

— Chữ tài chữ mệnh,
Giây vũ giây văn.
— Chợt tỉnh giấc xuân,
Càng say về nguyệt.
— Còn tiên tích-việt,
Nhớ cảnh giang-hồ.
— Gây dựng cơ-đồ,
Nhìn xem phong-cảnh.
— Còn nhờ lượng biển,
Càng dài tình sông.
— Là đấng anh-hùng,
Cũng ngôi mệnh-phụ.
— Đem tin thúc-phụ,
Sang hầu sư-huynh.
— Lên thác xuống gành,
Chỉ non thề biển.
— Chàng về thư-viện,
Ông mắc tụng-đình.
— Cam bề tiểu-tinh,
Vừa ngày sinh-nhật.
— Mách tin họ Bạc,
Đánh lừa con đen.
— Rẽ thúy chia hồng,
Quyến oanh rủ yến.
— Tiễn đưa một chén,
Nghe suốt năm cung.
— Mấy nhành phù-dung,
Một cây cù-mộc.
— Càng treo giá ngọc,
Sẽ dặng tiếng vàng.
— Vâng biết lòng chàng,
Bởi nghe lời thiếp.
— Muốn cho hết kiếp,
Thời cũng may đời.
— Mởn mởn cành tơ,
Rành rành kẽ tóc.

— Hãy cho ba chục,
Vàng ngoại bốn trăm.
Hai chữ đồng tâm,
Một phen tri-kỷ.
— Phi phù sác quỉ,
Động địa kinh thiên.
Chẳng qua vì tiền,
Cũng đà vừa vốn.
— Ra tuồng lúng túng,
Phải lúc thong-dong.
— Lấy kiếp má hồng,
Cũng thần mày trắng.
— Thấy lời quyết-đoán,
Liệu điều kêu-ca.
Tại lòng mẹ cha,
Cậy tay thầy thợ.
— Hai tên thể nữ,
Mười vị tướng-quân.
Gởi lạy tình-quân,
Khen rằng hiếu-tử.
— Nhớ ơn chín chữ,
Nên bài bốn câu.
— Lầm-nhầm gật đầu,
Rõ-ràng mở mắt.
— Trộm nhờ sấm sét,
Ép nài mây mưa.
— Sắp sẵn hai bài,
Ra vào một mực.
— Còn toan mở mặt,
Chưa dám hở răng.
— Đành đã chị hằng,
Mà xem con tạo.
— Sang nhà Chung-lão,
Đòi gã Thúc-lang.
— Gọi chút lễ thường,
Gặp cơn gia-biến.

— Hẳn ba trăm lượng,
Nhắc một đồng cân.
— Chực sẵn bên màn,
Nấp vào dưới trướng.
— Đèn khuya chung bóng,
Đuốc hồng ruổi sao.
— Lộng-lộng trời cao,
Thinh-thinh đàng cái.
— Một màu quan-tái,
Mười dặm trường-đình
— Người ở Bắc-Kinh,
Con quan Lại-Bộ.
— Chẳng tuồng trốn chúa,
Cũng tay buôn người
— Sét đánh lưng trời,
Cỏ lan mặt đất.
— Ở đây cửa Phật,
Đi đời nhà ma.
— Cũng tổ bợm già,
Thương tình con trẻ.
— Lễ đà đủ lễ,
Thân cũng là thân.
— Có nghĩa có nhân,
Chữ tình chữ hiếu.
— Nát thân bồ-liễu,
Nhờ bóng tùng quân.
— Chịu tiếng vương-thần,
Ơn lòng quân-tử.
— Chỉnh nghi tiếp sứ,
Khấp quỉ kinh thần.
— Vào kiếp phong-trần,
Hơn đời trí-dũng.
— Mượn màu son phấn,
Lạ vẻ cân đai.
— Ông cũng êm tai,
Mụ còn trông mặt.
— Nào hay chưa hết,
Ai biết hãy còn.

Cử-nhân PHAN ĐÌNH-CHI (Huế)

THỜI-ĐÀM

Bàn về Hội-Chợ. — Hội chợ năm nay mở lần thứ 3. — Bắt đầu từ mồng 5 tháng này cho đến hôm 19 là vừa tan.

Kể cái lịch-sử hội-chợ, thì ai cũng nhớ rằng « hội-chợ » là một phần công sáng-lập của quan nguyên Toàn-quyền SARRAUT và nguyên Đốc-lý thành-phố Hà-nội PASQUIER lập ra từ năm 1918, mà nói đến những hàng-hóa cùng sản-vật phô-bầy trong chợ, thì các báo lâu nam đã kể cả rồi. Nay tôi chỉ xin bàn qua về cái quan-niệm riêng tham với quan-niệm của nhiều nhà về hội-chợ thế nào.

Xét cái ý của các nhà sáng-lập ra hội-chợ là có hai mục-đích : một là thấy xứ Bắc-kỳ là xứ có nhiều sản-vật, dân lại biết nhiều kỹ-nghệ, muốn cho đường kinh-tế bản-xứ lần-tiến lên, thời tất phải dùng một phương-pháp thưởng-tưởng vô-hình để làm cái máy khuyến-khích. — Thế nào gọi là « thưởng-tưởng vô-hình » ? Một đồ vật phô-bầy ra trước mắt hàng vạn con người coi mà đẹp ư, xấu ư, khéo ư, dở ư, thì chỉ xem cách hội-đồng quan-sát, và lời bình-phẩm các nhà báo-quán cùng nhiều người thích mua hay ít, thích dụng hay không, do-thử mà thợ càng làm khéo, vật càng nên tinh. Nhưng còn cách tiêu-thụ làm sao ? Nên-chi đặt tên hội là « Hội-chợ » mà không gọi là hội « đấu-xảo ». Hội đấu-xảo là có ý chỉ đem đồ-vật của mình đến đó mà phô-bầy cho công-chúng đều hay, chớ hội chợ thì có ý cho phép người đem đồ-vật đến mà bán.

Hai là muốn nhân mỗi lần hội-chợ, cho Nam Trung-kỳ đều cử các đại-biểu ra Bắc mà xem-xét, để cổ-động các nghề nông, công, thương, cổ cho dân bản-xứ.

Xét thế thì hội chợ thực là một công hai việc, cái điều ích-lợi không còn phải nói gì nữa.

Nay thử so-sánh trong ba lần họp cho, quả-nhiên thấy cái quang-cảnh mỗi lần có kém đi đôi chút.

Kể hàng bán — trừ đồ đồng, đồ gỗ, đồ thêu bán đắt hơn mọi năm — có bằng năm ngoái bán được hai phần, năm nay bán không được nửa ; lại có nhiều ngôi hàng bỏ chống, là những gian nhà mọi năm có người bản-xứ dọn hàng. Còn người mua thì ở các tỉnh về ít, cho chí người đi xem cũng không được đông bằng năm ngoái. — « Cũng thế, chẳng có gì hơn », đó là câu thuật chuyện của người đi chợ về. Suy cái lý-do ra làm sao, thì chắc hẳn là vì người bán « phải » bán đắt, mà người mua « muốn » mua rẻ. Thực đấy, nhà kỹ-nghệ, nhà canh-nông, đem vật-hóa đến chợ để khoa-kỳ đấu-xảo, tự-tưởng là vật-hóa ấy có giá-trị đặc-biệt hơn vật-hóa bán ở ngoài, rồi tiền-vận-tải, tiền ngôi hàng, tiền chi-phí nó bó-buộc những nhà ấy không thể không bán đắt. Người đi chợ nao-nức về hội, tự-tưởng rằng ở hội mới có đồ hay vật-lạ, mà chợ gọi là hội, họa may giá bán rẻ chăng. Ngờ đâu, một đồ hàng bán ở ngoài giá rẻ mà có khi ở hội chợ bán lại đắt hơn. So cái lẽ thiệt thua hơn lợi, ai là chẳng rõ cái điều lợi-hại !

Vả chăng, tính người hiếu-kỳ, mà vật-hóa lại không đặc-sắc. Mỗi năm một lần họp chợ, dù tấm thêu kia, đồ trạm nọ, tranh vẽ này, bức cẩn kia, cùng là các thứ sản-vật khác, dẫu có mỗi năm tăng-tiến lên đôi chút, cũng không đủ làm cái biểu-hiệu cho con mắt người coi lấy làm lạ được. Vì thế mà người mua ít, dần-dần người dọn hàng bất-đắc-dĩ phải bán đắt bán rẻ, lỗ thiệt hơn vừa, cho bù lại cái công vận-tải, cái tiền phí-tổn.

Ấy đem ba năm so-sánh mà xem, thì chắc rằng năm nay thế, sang năm lại quá thế, rồi mỗi lần, cái lòng nô-nức về « hội-chợ » nguội-lạnh đi dần. Sự đó tất-nhiên phải thế, có phải là ước thế được đâu.

Cũng vì cái hiện-tình hội chợ thế, nên mới sinh-xuất 3 vấn-đề nan-giải cho các nhà thực-nghiệp như sau này :

1 Có nên đổi lại cách tổ-chức Hội chợ không ?

2 Có nên thay phiên Hội chợ một lần ngoài Bắc, một lần trong Nam không ?

3 Muốn cho vật-hóa tiêu-thụ được, thì nên làm thế nào ?

Hội chợ không thể bỏ được, vì là một cuộc kiến-thiết rất hay và là một cái cơ-quan khuyến-khích cho con đường kinh-tế của Đông-Pháp phát-đạt thêm lên. Chỉ là không nên cốt lấy « hội chợ » là nơi buôn-bán mà người dọn hàng chỉ một hi-vọng bán chạy với bán đắt ; nhưng nên lấy « hội chợ » là nơi phô-bầy hóa-vật, như là một hội « đấu-xảo », mà người dọn hàng cố trổ tài hay, cố làm đồ đẹp Vậy không cứ lệ mỗi năm một lần họp chợ, cách ít năm họp một lần. Nhà nước hoặc lấy tiền ở sổ chi-tiêu toàn-hạt hay ở sổ chi-tiêu bản-xứ mà cấp phí cho những người có vật-hóa đem đến chợ ; lập một hội-đồng quan-sát có đủ các nhà canh-nông kỹ-nghệ xem-xét vật-hóa của người nào đáng thưởng, thì thưởng tiền hay cấp bằng, rồi bá-cáo cho mọi người đều rõ nghề nào của người nào làm được vừa bền vừa đẹp ; còn ai chế-tạo được đồ-vật gì, máy-móc gì mới, thì Nhà-nước cấp cho cái lộc « thưởng-điền » (pension) để tỏ hậu-ân dưỡng-tài của Nhà-nước .. ; như thế thì những nhà kỹ-nghệ canh-nông đem vật-hóa đến chợ, chỉ riêng một hi-vọng khoa-kỳ đấu-xảo, có lòng đại-thành mà không mong cầu lợi, cái cơ khuyến-khích tưởng rất là nhậy vậy.

Hội chợ chỉ nên để ở ngoài Bắc. Vì sao ? Bắc-kỳ so với hai kỳ kia thì là một xứ có nhiều công-nghệ hơn, có nhiều thổ-sản hơn. Vì-phỏng nay được phép họp chợ ở trong Nam-kỳ như lời ao-ước của mấy nhà cao-kiến trong Nam, thì cách tiêu-thụ hàng-hóa, tưởng cũng chưa chắc đã là tiện-lợi, lại còn phiền-hà hơn nữa. Xem như các sản vật trong Nam-kỳ đem ra hội chợ chỉ để vừa một gian-hàng, là vì sản-vật kỹ-nghệ trong Nam rất ít, mà cách vận-tải khó, cước-phí nhiều, như không có tiền cấp-phí của Nhà-nước, thì lại khó biết bao ! Thế mà họp chợ ở trong Nam, hàng Bắc đem vào, cũng bất-quá chỉ thêm bầy-đầy trong một gian hàng, và sự vận-tải lại còn khó-khăn

hơn nữa. Như Nhà-nước không cho tiền cấp-phí, thì những nhà canh-nông kỹ-nghệ ngoài Bắc này là những nhà chưa có tư-bản to, hả dễ chịu tốn-kém đem hàng vào bán. Dù có một hai nhà quảng-thương vận-tải vật hóa vào chăng nữa, thì hàng tính giá chắc phải gấp bội phần lên, người trong Nam cũng chưa chắc đã mua được rẻ. Thế thì vật-hóa vẫn khó tiêu-thụ trong 3 kỳ vậy.

Muốn cho khỏi bước khó-khăn ấy, gì bằng trong Trung kỳ, Nam kỳ cử một người Đại-biểu ra ngoài Bắc đại-biểu ấy tất phải là người thông-thạo cho lắm, am-hiểu xứ Bắc-kỳ cho lắm, nghĩa là ở Bắc đã lâu năm, lưu-tâm riêng về các nghề-nghiệp bản-xứ. — Nói đến đây, tưởng nên kể qua cái hiện-tình kỹ-nghệ ở ngoài Bắc. Cũng vì có vật-hóa mà khó tiêu-thụ cho nên chưa có hiệu nào có tư-bản to chuyên buôn-bán về nghề gì, thu-xếp được các tay thợ khéo về nghề ấy (xem như vấn-đề nhân-công thì đủ biết), cho nên thợ nào làm nghề nào thường phải xuất tư-bản, lắm khi không có vốn phải đi vay mượn, mà làm đồ sơ-sài rồi đem bán cho các cửa hiệu ở tỉnh-thành để kiếm lấy lời nhỏ ; vì thế mà cùng một đồ dùng, mỗi thợ làm một kiểu, mỗi người tính một giá, người xứ khác không biết thế nào mà mua mà buôn. Vật-hóa đã không tiêu-thụ, thì thợ-thuyền chắc phải đình-công. Than ôi ! có tài có nghệ mà tài ấy nghệ ấy không sao phát-siển ra được, chỉ riêng để cho bọn môi giới lợi-dụng ! Ai bảo con đường Thực-nghiệp nước mình đã toàn-thịnh !

Nay đã có đại-biểu ở ngoài Bắc, biết thông tỏ nghề nào ở đâu khéo nhất, thợ nào ở đâu làm giỏi, cứ ít lâu làm tờ báo-cáo về bản-hạt, tuyên-bố cho mọi người đều biết. Hễ người nào, cửa hiệu nào muốn mua đồ-vật gì thì cứ do ông đại-biểu xứ ấy đặt tiền cho thợ làm rồi mua gửi về. Cách gửi hàng-hóa, 3 kỳ lại phải thương-thuyết với công-ty « vận-tải » (đại-khái như công-ty Bạch-Thái có tầu chạy từ Haiphòng vào Saigon) định một giá nhất-định riêng, bao nhiêu vật-hóa trong 3 kỳ đều do công-ty ấy vận-tải đi cho : thế thì giá tính chắc có đôi phần nhẹ bớt, mà vật-hóa gửi đi cũng chắc là được mười phần hoàn-hảo, không còn có điều gì trở-ngại.

Ấy đại-khái trù-hoạch phương-kế tiêu-thụ vật-hóa như thế, có điều tiện-lợi. Nếu như trong 3 kỳ các nhà có tư-bản, cùng nhau hùn vốn buôn to, tưởng lại nên mượn thêm cái phương-sách của ông Nguyễn Chánh-Sắt, chủ báo *Nông. Cổ min-đàm*, trong bài diễn-thuyết của ông đăng trong báo thực-nghiệp, là lập ra 3 hiệu buôn to : một hiệu ở Saigon, một hiệu ở Tourane, và một hiệu ở Hanoi, cả ba hiệu to ấy đều trực-tiếp với nhau, luân-hoán với nhau...

Đại-để cái quan-niệm riêng về hội-chợ như thế, còn cách thi-thố phương-pháp thế nào, chúng tôi rất mong các nhà thực-nghiệp nên lưu-tâm chú-ý, trước nhất làm sao cho kỹ-nghệ canh-nông càng ngày càng tăng-tiến, sau là việc tiêu-thụ thế nào cho ba kỳ giao-hoán với nhau.

Nếu được như thế, thì cái tình liền-lạc anh em trong 3 xứ càng đậm càng nồng, tưởng bất-tất phải cổ-động nhiều lời mới là thân-mật, mới rõ được hết tình đồng-bang đồng-chủng.

Tiện đây xin có mấy lời tỏ cùng chư-vị đại-biểu Trung-Nam :

Yêu nhau thời nhớ lời nhau,
Con đường thực-tế xin mau tính mà.
Có chăng ta mới biết ta,
Càng yêu càng mến càng xa càng nồng.

Mừng thầm cho vận Lạc-Hồng !

BIỂN-XA.

Việc dẫn-thủy nhập-điền ở tỉnh Thanh-hóa. — Tỉnh Thanh-hóa vừa rồi mới phải mấy trận bão lụt tai-hại lắm, nhất là ở mấy nơi Chính-phủ đương thi-hành cái chương-trình dẫn-thủy nhập-điền. Vậy nhân xin kể qua về phép dẫn-thủy nhập-điền ở Thanh-hóa thế nào và sau này ích-lợi được những gì.

Phép dẫn-thủy nhập-điền ở Thanh-hóa là phép của quan Công-chính kỹ-sư NORMANDIN nghĩ ra đào mương để dẫn nước ở Sông-Chu vào ruộng.

Chu-vi những đất ruộng sau này cày-cấy được có lẽ gần 6 vạn mẫu tây (hectares), và công-trình làm thời kinh-phí gần tới 4 triệu đồng.

Cốt nhất là phải đào lấy thật nhiều sông máng tự Sông Chu. Sông Chu này phát-nguyên từ xứ Ai-lao, miền Sam Neua, chảy qua dạng núi Hoành-sơn, đến đồng-bằng tỉnh Thanh-hóa, rồi đổ lộn vào sông Mã, vùng Bái-thượng.

Ông Normandin đã tìm không sông nào chứa được nhiều nước bằng sông Chu; vì tích-lượng sông ấy trung-bình là 30 thước vuông nước mà đến kỳ nước to, lên tới 5000 thước.

Tỉnh Thanh-hóa là nơi khí-hậu Bắc-kỳ và Trung-kỳ tương-giao nhau. Mùa mưa ít lắm mà không thường, chỉ trong khoảng hai tháng 8 và tháng 9 tây; đến tháng giêng, khi nào hết mưa phùn (*crachin*), mà gió Lào thổi sang thời cả vùng ruộng-nương khô-khan, lúa cháy-héo hết; gió ấy là gió tây-nam tai-hại lắm.

Việc dẫn-thủy này khẩn-cấp lắm là vì cả vùng ấy thiếu nước giữa vào khoảng tháng giêng tháng hai tháng ba tây, là vụ gặt chiêm; và đến tháng 7, tháng 8 tháng 9 là vụ gặt mùa, thì nước lại lên to. Phải tìm cách chữa ngay cái hại vì khí-hậu bất-thường ấy, thời những ruộng đất về hữu-ngạn sông Chu và sông Mã (ước 5 vạn mẫu tây) mới mong cầy cấy được, ; không thời đành phải bỏ làm đất hoang mà thôi.

Trước hết phải xây một cái « bức chắn » (*barrage*) dài vài trăm thước tây ở giữa giòng sông Chu, về phía trên Bái-Thượng, rồi tiếp sang hữu-ngạn sông mà đặt các đường lấy nước.

Bức chắn ấy theo đường vòng cung (*arc*) sông gần 130 thước tây, phía đầu về tả-ngạn, thì là một đường vòng cung bán-kính (*rayon*) là 60 thước tây; về hữu-ngạn thời nối với cái cừ tháo nước cũng thành một đường vòng cung nữa, bán-kính là 30 thước, bức chắn dài tổng-cộng là 175 thước tây. Trên rải đá lớn, để chống với sức các vật sô-đẩy, nhưng sông Chu dẫu về mùa nước lớn, cũng không chảy gì mạnh lắm.

Lại đắp một cái đê đất, mặt đê là 6 thước tây để phòng giữ cho mấy làng ở bên tả-ngạn khỏi nước tràn vào; còn về bên hữu-ngạn thì không sợ gì.

Nước ở sông Chu chảy ra thì phân-phát đi khắp các khu đất cần đến nước, bằng một con sông đào chính dài 19 cây-lô-mét; đầu sông này lại có hai con sông đào phụ: con sông phụ về phía bắc thì dài 55 cây-lô mét, về phía nam thì 37 cây-lô-mét, cùng 83 đường máng khác, dài tổng-cộng là 350 cây-lô-mét; như thế thời dẫn nước được khắp 50.000. mẫu, biến đất hoang thành ruộng tốt.

Còn như tích-lượng (*débit*) của các mạch nước phân-phát ấy, nhiều ít thế nào thì theo địa-chất, đã xem-xét kỹ-lưỡng lắm.

Cái cừ lấy nước là phần cốt-yếu, thì tháo nước vào đường sông đào chính. Cừ này, chiều rộng định là 19 thước 80 phân tây, và có 8 cống nước, cửa cống là 1 thước 60 phân tây, bề cao là 3 thước tây. Cửa áp (*vannes*) làm bằng gỗ, có trục kéo lên hạ xuống để tùy ý cho nước chảy hay hãm nước lại.

Ngang ngay ở bên dưới cái cừ lấy nước thời đặt một cái cừ tháo (*écluses de chasse*), để ngăn không cho những cát và đá-sỏi trôi vào sông đào chính; sợ nó nặng quá, đến lúc phát nước vào ruộng, nó không trôi ra được. Cừ tháo này có 3 cống, chiều ngang hai thước tây, chiều cao 5 thước 70 phân, có khóa đóng khoảng chân cột nọ sang chân cột kia; mỗi cột ấy dầy là 1 thước 50 phân.

Đặt bức xây cừ như thế phải mất tám tháng, trong tám tháng ấy, thuyền-bè đi lại trên các ngành sông, phải đình lại cả; mà thuyền bè ấy nhiều lắm vì 100.000 dân miền ấy đều giao-thông buôn-bán bằng đường nước cả.

Cho được 150 chiếc thuyền bè lớn và 150 chiếc thuyền bé là số thuyền Nhà-nước đi công-nhận được đi lại luôn luôn thì đã cáo-bạch cho biết rằng những thuyền-bè được phép đi lại ở trên sông đào chính và trên sông đào phụ về phía bắc cho đến Quang-nap, đi theo hữu-ngạn sông Chu và chỉ được cách sông ấy từ một đến 5 cây-lô-mét mà thôi.

Đến Quang-nap thời tiếp với Sông Mã nhờ có con sông đào từ Vinh ra Thanh-hóa.

Lại sẽ đặt một cái cử nổi (*écluse de flottage*) để cho mùa cạn các bè nhỏ và gỗ trôi đi qua sông đào chính được.

Các đường đi qua trên các sông đào thì lát bằng bê-tông-đá (*béton armé*).

Những công-trình này mà làm xong thời về sau ích-lợi thật là nhiều lắm. Cứ theo số các quan chuyên-môn đã tính thời những một khoản thóc-gạo có thể tăng mỗi năm được 250 vạn đồng bạc, không kể các thứ khác như bông, như mía, v. v.

Đó thật là ơn của Chánh-phủ Bảo-hộ và công của quan nguyên Toàn-quyền SARRAUT vậy.

B.-X.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Guide pratique d'exercices physiques et de jeux scolaires. Par NGUYỄN QUI-TOẢN. — Hanoi, Imprimerie NGÔ TỬ-HẠ, 1920. Prix 0 $ 45. — 108 pages.

Ông NGUYỄN QUI-TOẢN là người rất có công về khoa thể-dục, năm trước đã sáng-lập ra trường Thể-dục Hà-nội, nay lại soạn ra một tập sách hơn trăm trang đề là « Thể-dục chỉ-nam », viết bằng chữ Pháp, đặt theo chương-trình Nhà-nước, để chỉ dẫn các cách thể-thao giản-dị cho học-trò các trường tập theo. Lời giảng rõ-ràng, phép tập tuần-tự, từ lớp đồng-ấu cho đến lớp cao-đẳng các trường tiểu-học (nghĩa là từ 7 tuổi cho đến 13, 14 tuổi), lại thêm có hình vẽ để cho dễ hiểu, sách này thật là một khoa-bản tất-yếu cho các ông giáo trường Pháp-Việt vậy.

Phép thể-thao dạy trong sách này gọi là « phép tự-nhiên » (*méthode naturelle*) của quan hai HÉBERT xướng ra trước nhất ở bên Pháp. Gọi là « tự-nhiên » nghĩa là chỉ lợi-dụng những sự vận-động tự-nhiên của thân-thể, không phải cần dùng đến các đồ dụng-cụ nhiều. Phép này các nước đã công-nhận là hay lắm, vì vừa giản-dị và vừa có công-hiệu nhiều.

Sách « Thể-dục chỉ-nam » làm bằng chữ Pháp, mong rằng ông TOẢN sẽ dịch ra một bản quốc-văn để truyền-bá được rộng hơn.

Sách bán để lấy tiền cho Trường Thể-dục Hà-nội, giá là 0$45 một quyển. Đồng-nhân ta nên mua cho nhiều, trước là có ích cho sự tập-luyện riêng, sau là giúp vào một việc công-ích.

* * *

人類相愛. *Nên bổ-cứu tình tương-ái cho nhân-loại.* Của NGUYỄN-BÁN soạn. — Nhà in Mạc Đình-Tư, Hà-nội, 1920. Giá 0 $ 10. — 24 trang giấy rộng.

Ông NGUYỄN-BÁN trông thấy người ta trong xã-hội chỉ những tương-tường tương-tặc lẫn nhau, sinh lòng ái-ngại cho người đời, muốn xướng lên cái chủ-nghĩa « nhân-loại tương-ái » để cứu đời. Chí cao-xa thật ! Lòng quảng-đại thay ! Muốn thực-hành cái chủ-nghĩa ấy, ông chiêu-hồn cả các đứng giáo-chủ từ xưa đến nay : « Ôi ! các đứng cao-thượng ôi ! Đức chúa Gia-tô, đức Phật Thích-già, đức Thánh Khổng-tử, các ngài thiêng-liêng, xin các ngài soi-sáng lòng chúng tôi cho chúng tôi hiểu biết chủ-nghĩa đồng-loại tương-ái, chúng tôi sẽ thờ-phượng cái danh tôn-trọng của các ngài nghìn đời muôn kiếp » (*trang 11*). — Ông không biết rằng các Ngài đã khổ-tâm lao-lực biết bao nhiêu mà từ đời

xưa đến đời nay cũng chửa khiến cho nhân-loại tương-thân tương-ái được chút nào, huống nữa là ông! Vậy mà ông lại muốn nối gót các Ngài, muốn làm một bậc giáo-chủ mới, ra một kinh cứu-thế mới (kinh có LXV điều), thực ông là người « thật-thà » quá!

Ôi! nhân-loại tương-ái! nhân-loại tương-ái! chẳng qua là một sự mơ-tưởng mà thôi. Nhưng mà người nước mình hiện nay cũng chưa có tư-cách mà mơ-tưởng những sự cao-xa như thế. Chỉnh-đốn phong-tục trong một làng còn chửa xong, theo-đòi học-tập cho bằng người còn chưa được, nước còn hèn, dân còn yếu, người còn hiếm, của còn kiệm, chửa mong mở mặt được ra với đời, thế mà đã lo cứu-tế cho loài người, thật là viển-vông quá!

Sách ông NGUYỄN-BÁN, e rằng người tầm-thường thời không hiểu mà kẻ thức-giả đọc tất phải sợ cho cái chí ông viển-đại quá.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Tên các ngài có gửi quyên vào Hội. — Trong tháng Décembre vừa rồi có những ngài kê tên như sau này đã gửi tiền quyên vào Hội để giúp việc dựng nhà Hội-quán:

1. Ông Nguyễn Trí-Phú, buôn bán ở Thái-bình, quyên ..... 100$00
2. — Dương Trung-Giao, buôn bán ở Hà-nội, 27 phố hàng Đường.. 30. 00
3. — Nguyễn Hữu-Gĩnh, Hàn-lâm viện đại-chiếu, ở làng Tây-tựu, phủ Hoài-đức (Hà-đông). 30. 00
4. — Nguyễn Hữu-Phái, tri-phủ Nam-sách (Hải-dương)..... 30. 00
5. — Trần Minh-Thu, chủ đồn điền Phú-thụy 30. 00
6. — Mai Tâm-Tĩnh, sư cụ làng Hội-Khê, huyện Giao-thủy, Nam-định. 15. 00
7. — Làng Bộ-la, huyện Vũ-tiên, Thái-bình..... 15. 00
8. — Nguyễn Hữu-Kiến chánh-tổng Lai-vũ, huyện Kim-thành, Hải-dương..... 10. 00
9. — Lê Tất-Đạt, comptable hiệu Guérin Dreward, Hải-phòng... 5. 00
10. — Hà Dương-Quang, lại-mục Thụy-vi, Lao-kay..... 10. 00

Bản-hội xin có lời cảm ơn cả các ngài.

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng Décembre có những ông kê tên sau này xin vào Hội, hạn hai tháng ai có dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết.

A. Xin vào chủ-trì

Ông Hoàng Đức-Hàm, tri-huyện, Phú-thọ.

— Lê-văn-Hiền, diplômé de l'École supérieure de Droit et d'Administration, commis détaché au bureau du Tổng-đốc à Hà-đông.

B. Xin vào thường Hội-viên

Ông Nguyễn Hữu-Bình, étudiant à l'Ecole de Commerce, 73 Rue dela Soie, Hanoi.

Tin buồn. — Hội ta mới được tin buồn Cụ-lớn Đốc-phủ Chợ-lớn là nhạc-mẫu quan Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu mới tạ-thế. Hội xin có lời phân-ưu với quan Tổng-đốc Hoàng cùng quí-quyến.

Lệ mua báo hết hạn

Ngài nào mua báo đến số này là hết hạn, mà nếu bản-quán không nhận được giấy thôi mua, thời theo lệ thường cứ gởi luôn hạn nữa; trong một vài tháng xin các ngài gởi tiền về trả cho. Xin đề tên ông Lê-văn-Phúc thâu-nhận.